

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

KIỀU VĂN MINH

**QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 62 14 01 14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS. NGUYỄN THÀNH VINH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm và lòng biết ơn chân thành, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc Học viện Quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trân trọng biết ơn các giảng viên, nhà khoa học đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tác giả bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với thầy: PGS.TS Nguyễn Thành Vinh, Trưởng Khoa quản lý, Học viện Quản lý giáo dục đã trực tiếp hướng dẫn Nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học, chỉ bảo tận tình cho tác giả trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Xin cảm ơn các đồng chí lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Phòng Giáo dục thường xuyên - Chuyên nghiệp Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.

Dù đã có rất nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu, do điều kiện thời gian và năng lực của bản thân, luận án không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, kính mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy giáo, cô giáo và ý kiến đóng góp của các bạn đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

Tác giả

Kiều Văn Minh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa được
công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cảm ơn	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục chữ viết tắt	
Danh mục bảng	
Danh mục biểu đồ	
Danh mục sơ đồ	
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY	7
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề.....	7
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về học tập suốt đời, xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng	7
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý trung tâm học tập cộng đồng	11
1.2. Khái niệm cơ bản của đề tài.....	16
1.2.1. Học tập suốt đời.....	16
1.2.2. Xã hội học tập.....	17
1.2.3. Giáo dục thường xuyên	18
1.2.4. Giáo dục cộng đồng.....	19
1.2.5. Trung tâm học tập cộng đồng.....	20
1.2.6. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng	21
1.3. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay	22
1.3.1. Xu thế phát triển giáo dục	22
1.3.2. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay	24
1.3.3. Yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay đối với trung tâm học tập cộng đồng	27
1.4. Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	28
1.4.1. Vị trí, vai trò, chức năng của trung tâm học tập cộng đồng	28
1.4.2. Khái quát hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	30
1.4.3. Đặc trưng hoạt động trung tâm học tập cộng đồng	31
1.4.4. Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục hướng tới nhu cầu người học	33
1.5. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay	34
1.5.1. Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng.....	34

1.5.2. Phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng	36
1.5.3. Quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	39
1.5.4. Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	44
1.5.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	45
1.5.6. Phân cấp quản lý trung tâm học tập cộng đồng.....	47
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý trung tâm học tập cộng đồng	48
1.6.1. Chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương	48
1.6.2. Năng lực của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng	49
1.6.3. Chương trình, nội dung hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng....	49
1.6.4. Nhu cầu học tập thường xuyên của người dân	49
1.6.5. Vấn đề xã hội hóa nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính) phục vụ cho hoạt động	49
Kết luận chương 1	50
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY.	52
2.1. Khái quát về xây dựng và quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam ...	52
2.1.1. Những yêu cầu về xây dựng xã hội học tập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay	52
2.1.2. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam	54
2.2. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và giáo dục thành phố Hà Nội.....	57
2.2.1. Khái quát vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thành phố Hà Nội	57
2.2.2. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội.	57
2.3. Tổ chức khảo sát thực trạng.....	60
2.3.1. Mục tiêu nghiên cứu thực trạng.....	60
2.3.2. Nội dung nghiên cứu thực trạng.....	60
2.3.3. Phạm vi nghiên cứu thực trạng.....	60
2.3.4. Đối tượng khảo sát	60
2.3.5. Phương pháp nghiên cứu	61
2.3.6. Xử lý số liệu	61
2.4. Thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.....	62
2.4.1. Thực trạng nhận thức của các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền, ngành giáo dục và người dân về trung tâm học tập cộng đồng.....	62
2.4.2. Thực trạng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng.....	66

2.4.3. Thực trạng phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	71
2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	72
2.4.5. Thực trạng công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	85
2.4.6. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	87
2.5. Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý trung tâm học tập cộng đồng.....	90
2.5.1. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương	90
2.5.2. Năng lực của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng	92
2.5.3. Chương trình, nội dung hoạt động trong trung tâm học tập cộng đồng ..	93
2.5.4. Nhu cầu học tập thường xuyên của người dân	94
2.5.5. Vấn đề xã hội hóa nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính) phục vụ cho hoạt động.....	95
2.6. Nhận xét chung về thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng.....	96
2.6.1. Điểm mạnh	96
2.6.2. Hạn chế.....	97
2.6.3. Nguyên nhân.....	98
2.6.4. Những thách thức và bài học kinh nghiệm rút ra đối với quản lý trung tâm học tập cộng đồng.....	99
Kết luận chương 2	100
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY.....	102
3.1. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay	102
3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội.....	102
3.1.2. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng	102
3.2. Nguyên tắc xây dựng giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay	104
3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học	104
3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn.....	104
3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.....	104
3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phối hợp và liên kết.....	104
3.3. Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay	104

3.3.1. Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu xây dựng xã hội học tập.....	105
3.3.2. Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.....	108
3.3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh hiện nay	111
3.3.4. Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng xã hội học tập.	114
3.3.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.	119
3.3.6. Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập	123
3.3.7. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.....	128
3.4. Khảo nghiệm và thử nghiệm giải pháp đề xuất	131
3.4.1. Khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp.....	131
3.4.2. Thử nghiệm một số giải pháp đề xuất	136
Kết luận chương 3	151
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	152
1. Kết luận.....	152
2. Khuyến nghị.....	154
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ	
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	CBGV	Cán bộ giáo viên
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	GDCĐ	Giáo dục cộng đồng
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	GDKCQ	Giáo dục không chính qui
8	GDTX	Giáo dục thường xuyên
9	HTSĐ	Học tập suốt đời
10	PPDH	Phương pháp dạy học
11	TTHTCĐ	Trung tâm học tập cộng đồng
12	UBND	Ủy ban nhân dân
13	XMC	Xoá mù chữ
14	XHHT	Xã hội học tập
15	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1.	Tình hình phát triển của TTHTCĐ cả nước	54
Bảng 2.2.	Thông kê số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, hướng dẫn viên TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016	54
Bảng 2.3.	Thông kê cơ sở vật chất TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016	55
Bảng 2.4.	Thông kê số lượng học viên TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016	56
Bảng 2.5.	Tổng hợp số liệu phát triển GD&ĐT Hà Nội năm học 2015 - 2016.....	58
Bảng 2.6.	Quy mô phát triển Giáo dục và Đào tạo qua các năm học (từ năm học 2011 - 2012 đến 2015 - 2016)	58
Bảng 2.7.	Tổng hợp số lượng các đối tượng tham gia khảo sát	61
Bảng 2.8.	Kết quả khảo sát nhận thức của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, ngành giáo dục về trung tâm học tập cộng đồng.....	63
Bảng 2.9.	Kết quả khảo sát nhận thức của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng về trung tâm học tập cộng đồng	65
Bảng 2.10.	Kết quả khảo sát thực trạng vai trò quản lý của Sở GD&ĐT đối với trung tâm học tập cộng đồng	67
Bảng 2.11.	Kết quả khảo sát vai trò quản lý của Phòng GD&ĐT đối với Trung tâm học tập cộng đồng.....	68
Bảng 2.12.	Kết quả khảo sát vai trò của UBND cấp xã đối với trung tâm học tập cộng đồng	69
Bảng 2.13.	Kết quả khảo sát vai trò của Hội Khuyến học thành phố đối với trung tâm học tập cộng đồng.....	70
Bảng 2.14.	Thông kê số lượng TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội Năm học 2015-2016.....	71
Bảng 2.15.	Kết quả tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng	73
Bảng 2.16.	Số lượng học viên tham gia học tập các chuyên đề năm học 2015 -2016.....	74
Bảng 2.17.	Kết quả tổ chức hoạt động giáo dục ở trung tâm học tập cộng đồng	76
Bảng 2.18.	Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên trung tâm học tập cộng đồng năm học 2015-2016).....	77
Bảng 2.19.	Trình độ chuyên môn, độ tuổi và thâm niên công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (năm học 2015-2016).....	78

Bảng 2.20.	Kết quả khảo sát về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên trung tâm học tập cộng đồng	80
Bảng 2.21.	Kết quả khảo sát công tác lãnh đạo, quản lý trung tâm học tập cộng đồng...	81
Bảng 2.22.	Tình hình cơ sở vật chất, thiết bị trung tâm học tập cộng đồng năm học 2015-2016.....	82
Bảng 2.23.	Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	83
Bảng 2.24.	Đánh giá thực trạng kinh phí hoạt động đối với trung tâm học tập cộng đồng	84
Bảng 2.25.	Thực trạng công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.....	86
Bảng 2.26.	Kết quả khảo sát mục đích đánh giá trung tâm học tập cộng đồng.....	89
Bảng 2.27.	Công tác đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	90
Bảng 2.28.	Kết quả khảo sát thực trạng sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với trung tâm học tập cộng đồng.....	91
Bảng 2.29.	Kết quả khảo sát năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.....	92
Bảng 2.30.	Số lượng học viên tham gia học tập các chuyên đề năm học 2015 -2016...	94
Bảng 2.31.	Kết quả đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng	95
Bảng 3.1:	Kết quả đánh giá mức độ cần thiết của các giải pháp	132
Bảng 3.2.	Kết quả tổng hợp đánh giá tính khả thi của các giải pháp.....	133
Bảng 3.3:	Tổng hợp đánh giá mức độ cần thiết, tính khả thi của các giải pháp ..	135
Bảng 3.4.	Tổng hợp số lượng, trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (trước thử nghiệm)	139
Bảng 3.5.	Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ CBQL, GV, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng (trước thử nghiệm)	140
Bảng 3.6.	Kết quả khảo sát trình độ, năng lực chuyên môn của lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng (trước thử nghiệm)	140
Bảng 3.7.	Kết quả khảo sát công tác tham mưu, tổ chức hoạt động của lãnh đạo TTHTCĐ (trước thử nghiệm).....	141
Bảng 3.8.	Trình độ chuyên môn, độ tuổi và thâm niên công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (sau thử nghiệm)	141

Bảng 3.9.	Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ CBQL, GV, cộng tác viên các trung tâm học tập cộng đồng (sau thử nghiệm).....	142
Bảng 3.10.	Kết quả khảo sát trình độ, năng lực chuyên môn của lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng (sau thử nghiệm)	142
Bảng 3.11.	Kết quả khảo sát công tác tham mưu, tổ chức hoạt động của Lãnh đạo TTHTCĐ (sau thử nghiệm)	143
Bảng 3.12	Số người đến học các chương trình tại TTHTCĐ(trước khi thử nghiệm)	144
Bảng 3.13.	Đánh giá nội dung, chương trình giáo dục tại các TTHTCĐ (trước thử nghiệm).....	145
Bảng 3.14.	Số người đến học tại TTHTCĐ (sau khi thử nghiệm).....	145
Bảng 3.15.	Đánh giá nội dung, chương trình giáo dục tại các TTHTCĐ (sau khi thử nghiệm).....	146
Bảng 3.16.	Thang điểm đánh giá giải pháp	148
Bảng 3.17.	Kết quả trưng cầu ý kiến về giải pháp (Tính theo điểm trung bình cho từng giải pháp).....	148

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng ..79

Biểu đồ 2.2. Trình độ chuyên môn của giáo viên trung tâm học tập cộng đồng80

Biểu đồ 2.3. Trình độ chuyên môn của nhân viên trung tâm học tập cộng đồng80

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Chủ trương xây dựng một nền giáo dục cho mọi người của Đảng ta đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Tại phiên họp đầu tiên (ngày 3/9/1945), Chính phủ lâm thời đã ra lời kêu gọi chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nhiệm vụ chống giặc dốt được xếp thứ hai sau nhiệm vụ chống giặc đói. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy, Người nêu: Phải làm cho dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Ở nước ta, chủ trương phát triển giáo dục thường xuyên, đào tạo tại cơ sở, học tập suốt đời đã được thể hiện từ khá sớm trong đường lối phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước. Quan điểm xây dựng xã hội học tập, mà nòng cốt là phát triển trung tâm học tập cộng đồng đã được Đảng ta xác định rõ trong đường lối của mình. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X khẳng định: "Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, đảm bảo sự công bằng xã hội trong giáo dục". Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI tiếp tục chỉ rõ: "Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; mở rộng các phương thức đào tạo từ xa và hệ thống các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên. Thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục". Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: "Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập", "... bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xóa mù chữ bền vững". Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: "Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời"[36].

Trong thời đại ngày nay, Giáo dục thường xuyên, giáo dục suốt đời đã trở thành xu thế chủ đạo của giáo dục thế kỷ XXI. Các quốc gia trên thế giới đang tích cực chuyển đổi hệ thống giáo dục, chương trình và phương pháp giáo dục nhằm xóa bỏ mọi ngăn cách trong các nhà trường, hướng đến một xã hội học tập thực sự. Quá

trình hội nhập và sự đổi mới phát triển giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội tốt cho giáo dục Việt Nam nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới của giáo dục thế giới.

Trung tâm học tập cộng đồng là mô hình giáo dục mới, ngoài nhà trường, được xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn, thỏa mãn nhu cầu học tập suốt đời của người dân trong cộng đồng. Phát triển mô hình trung tâm học tập cộng đồng là một xu thế tất yếu nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Với sự quan tâm chỉ đạo về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực của toàn xã hội, hệ thống trung tâm học tập cộng đồng ở nước ta đã có bước phát triển rõ rệt và có đóng góp đáng kể vào sự nghiệp xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên, do là một mô hình tổ chức cơ sở giáo dục mới, nên để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hoạt động có hiệu quả thực sự, hệ thống trung tâm học tập cộng đồng ở nước ta đang đứng trước những thách thức không nhỏ. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết cho việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng, để hệ thống trung tâm học tập cộng đồng hoạt động thực sự chất lượng, hiệu quả.

Thành phố Hà Nội là địa phương có phong trào xây dựng xã hội học tập phát triển khá mạnh và đã quan tâm nhiều tới xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò, tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng đối với việc nâng cao dân trí và phát triển cộng đồng xã hội ở một bộ phận cán bộ và nhân dân còn hạn chế. Việc tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng không được thường xuyên, hiệu quả hoạt động thấp, thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh Thủ đô. Công tác liên kết, cơ chế phối hợp và sự phân định trách nhiệm của các cấp, các ngành chưa rõ ràng, cụ thể. Việc đầu tư các điều kiện đảm bảo hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng còn yếu. Nội dung hoạt động đề ra chưa cụ thể, chưa xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng. Chương trình, nội dung học tập, bồi dưỡng nghèo nàn, chưa được cập nhật thường xuyên nên không phù hợp với nhu cầu học tập, bồi dưỡng của đa số người dân trong cộng đồng. Ngân sách đầu tư cho trung tâm học tập cộng đồng ít, không đáp ứng được yêu cầu tổ chức hoạt động tại các trung tâm. Hoạt động phối hợp, liên kết giữa các trung tâm học tập cộng đồng với nhau, giữa trung tâm học tập cộng đồng với các loại hình giáo dục khác và các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường thiếu hiệu quả. Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát hoạt động trung tâm học tập cộng đồng chưa được tiến hành thường xuyên. Chưa xây dựng được cơ chế quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố.

Đối với thành phố Hà Nội, việc phát triển bền vững và phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi trước hết phải xây dựng được các giải pháp quản lý mang tính khả thi. Từ những giải pháp này sẽ là cơ sở củng cố, phát triển trung tâm học tập cộng đồng, giúp cho hệ thống trung tâm học tập cộng đồng hoạt động chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Việc nghiên cứu vấn đề quản lý trung tâm học tập cộng đồng, từ đó tìm ra giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội phù hợp với bối cảnh đổi mới hiện nay là cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Với cương vị công tác hiện nay, Nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay”*** để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý trung tâm học tập cộng đồng và thực tiễn quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội, đề tài đề xuất các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay, góp phần xây dựng xã hội học tập, phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước trong giai đoạn hiện nay.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

3.2. Tổ chức đánh giá thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội.

3.3. Đề xuất giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

3.4. Tổ chức khảo nghiệm và thực nghiệm một số giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng được đề xuất trong luận án.

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

5. Giả thuyết khoa học

Các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội mặc dù đã có nhiều cố gắng để xây dựng, phát triển, song nhận thức về vị trí, vai trò của trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế; việc tổ chức hoạt động của trung tâm hiệu quả thấp, thiếu bền vững; chương trình, nội dung hoạt động chưa đáp ứng nhu cầu người học; đội ngũ cán bộ quản lý hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ; các điều kiện đầu tư cho

trung tâm còn ít; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động của trung tâm chưa hiệu quả; công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát hoạt động trung tâm học tập cộng đồng chưa thường xuyên nên các trung tâm học tập cộng đồng phát triển chậm, chưa bền vững, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay. Vì thế, tìm ra những giải pháp phù hợp về cơ chế chính sách, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chương trình, nội dung hoạt động, công tác liên kết phối hợp quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra, giám sát để quản lý trung tâm học tập cộng đồng sẽ tạo chuyển biến quan trọng nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo sự phát triển bền vững của các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Về nội dung nghiên cứu: Đánh giá thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhận diện điểm mạnh, điểm yếu, đề xuất các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

6.2. Về không gian, thời gian: Nghiên cứu thực tiễn xây dựng, phát triển, quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội từ năm 2011 đến nay

6.3. Nghiên cứu giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng với chủ thể quản lý là Sở Giáo dục và Đào tạo.

6.4. Tổ chức khảo nghiệm, thực nghiệm hai giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội.

7. Luận điểm bảo vệ

7.1. Phát triển mạng lưới và kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng sẽ phát huy được thế mạnh của thiết chế giáo dục đặc biệt - trung tâm học tập cộng đồng.

7.2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức hoạt động trong TTHTCĐ sẽ đáp ứng được nhu cầu học tập thường xuyên, HTSD của người dân trong cộng đồng.

7.3. Quản lý các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng là yếu tố quan trọng để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

7.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của TTHTCĐ là yêu cầu quan trọng để nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ.

7.5. Việc đề xuất các giải pháp quản lý hoạt động trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện của địa phương sẽ phát huy được chức năng, nhiệm vụ của loại hình cơ sở giáo dục - trung tâm học tập cộng đồng.

8. Những đóng góp mới của luận án

8.1. Về mặt lý luận

- Hệ thống hóa và làm phong phú cơ sở lý luận của mô hình trung tâm học tập cộng đồng như một thiết chế giáo dục - xã hội với những đặc trưng của nó.

- Từng bước tiếp cận lý thuyết quản lý hiện đại vào việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng từ triết lý trung tâm học tập cộng đồng là của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của mọi người dân trong cộng đồng.

- Xác định, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

8.2. Về mặt thực tiễn

- Đánh giá được thực trạng các trung tâm học tập cộng đồng và quản lý trung tâm học tập cộng đồng, nhận diện được các ưu nhược điểm về quản lý trung tâm học tập cộng đồng, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp khắc phục các hạn chế.

- Đề xuất các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay có căn cứ khoa học và tính khả thi cao.

9. Phương pháp tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu

9.1. Phương pháp tiếp cận

- Phương pháp tiếp cận hệ thống trong việc xác định các thành tố quản lý TTHTCĐ và mối quan hệ giữa các thành tố, các cơ chế tác động, phối hợp.

- Phương pháp tiếp cận lịch sử - logic trong việc xem xét thực trạng và xu thế phát triển TTHTCĐ gắn với những mốc lịch sử trong những bối cảnh cụ thể của sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của địa phương để xác định xu thế phát triển tất yếu của trung tâm học tập cộng đồng trong giai đoạn hiện nay.

- Phương pháp tiếp cận nhu cầu của các đối tượng trong cộng đồng, các địa phương và tổ chức hoạt động đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và vì sự phát triển cộng đồng, vì sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong việc xây dựng các giải pháp quản lý TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

- Phương pháp tiếp cận chức năng quản lý trong việc xác định giải pháp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

- Phương pháp tiếp cận nội dung trong việc xây dựng giải pháp quản lý TTHTCĐ về nội dung giáo dục trong trung tâm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

9.2. Các phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu lý luận*

+ Nghiên cứu lý luận về các vấn đề liên quan đến trung tâm học tập cộng đồng, quản lý trung tâm học tập cộng đồng;

+ Phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa những vấn đề lý luận trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài;

+ So sánh, khái quát hóa đưa ra nhận định độc lập và từng bước hình thành những vấn đề lý luận.

Các phương pháp trên cho phép tổng quan các kết quả nghiên cứu, hệ thống hóa lý thuyết có liên quan đến xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

- *Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn*

+ Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:

Mục đích của phương pháp này là thu thập thông tin về thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội hiện nay.

Xây dựng một hệ thống câu hỏi, tiến hành điều tra các đối tượng là cán bộ khoa học, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, lãnh đạo tổ chức chính trị, xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở Thành phố, địa phương, giáo viên các trung tâm học tập cộng đồng và các lực lượng phối hợp... về thực trạng trung tâm học tập cộng đồng, quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

+ Phương pháp quan sát.

+ Phương pháp tổng kết kinh nghiệm.

+ Phương pháp nghiên cứu điển hình.

- *Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia*: Trong quá trình nghiên cứu, thông qua trao đổi trực tiếp cá nhân hoặc thông qua các hội thảo khoa học xin ý kiến chuyên gia nghiên cứu và quản lý giáo dục về thực tiễn quản lý cũng như giải pháp quản lý do Nghiên cứu sinh đề xuất.

- *Phương pháp thực nghiệm*: Tiến hành thực nghiệm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của một số giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng, đồng thời kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của đề tài nghiên cứu.

- *Phương pháp thống kê*: Sử dụng phương pháp toán thống kê để xử lý số liệu và đánh giá kết quả thu được.

10. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được trình bày trong 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Chương 2: Thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Chương 3: Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm. Trung tâm học tập cộng đồng là một nội dung cơ bản trong xây dựng xã hội học tập. Nghiên cứu vấn đề quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay liên quan trực tiếp đến xu thế học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Vì vậy, trong luận án này trình bày những công trình nghiên cứu trên thế giới và trong nước liên quan trực tiếp đến lĩnh vực học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng và quản lý TTHTCD.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về học tập suốt đời, xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về học tập suốt đời, xã hội học tập, trung tâm học tập cộng đồng trên thế giới

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Tiêu biểu là công trình nghiên cứu của Jacques Delors [21], với tên gọi “Học tập, một kho báu tiềm ẩn” được UNESCO công bố tháng 4 năm 1996 và được thế giới thừa nhận như một triết lý của giáo dục thế kỷ XXI. Trong công trình này, tác giả đã tập trung phân tích việc học tập suốt đời. Có thể tóm tắt triết lý của một nền giáo dục cần thiết cho thế kỷ XXI vào một mệnh đề sau: “Giáo dục phải dựa trên 4 trụ cột: Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người”. Bốn trụ cột này phải được đặt trên nền tảng học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Từ đây xuất hiện hai đặc trưng mới của giáo dục thế kỷ XXI là: HTSD và xây dựng XHHT.

Các nhà tương lai học, giáo dục học trên thế giới như Toffler Alvin [120,121,122], Thomas L.Friedman [116], Raja. RoySingh [100], Viên Quốc Chấn [14],... đã phân tích xã hội hiện đại được xây dựng trên nền tảng của hệ thống tri thức khoa học phát triển nhanh, biến đổi mạnh và sự thông tin toàn cầu. Các nhà tương lai học trên đã đưa ra dự báo nền giáo dục mới hoàn toàn khác với nền giáo dục truyền thống, nền giáo dục mới phải hướng đến sự giáo dục suốt đời.

Cùng với nghiên cứu về xu thế HTSD của nền giáo dục mới, nhiều nhà khoa học đã tập trung làm sáng tỏ vấn đề XHHT. Nghiên cứu về xã hội học tập, các nhà khoa học đã tiếp cận theo nhiều cách khác nhau, trong đó có ba cách tiếp cận cơ bản: tiếp cận logic, tiếp cận quá trình và tiếp cận theo nhu cầu.

Diễn hình cho cách tiếp cận logic là Faure và cộng sự [130]. Torsten Husen cho rằng các quốc gia cần phải trở thành các "xã hội học tập" - nơi mà tri thức, thông tin chiếm vai trò trung tâm trong các hoạt động của các quốc gia đó và Steward Ranson (1998) tóm tắt

lại: Giáo dục sẽ trở thành một quá trình suốt đời; Giáo dục sẽ không có những điểm vào và điểm kết thúc cố định... Bên cạnh các "trung tâm học tập", sẽ có các phương tiện học tập tại nhà và tại nơi làm việc, ví dụ như bằng các thiết bị máy tính...

Theo cách tiếp cận quá trình, Donald Schon cho rằng xã hội và tất cả các cơ quan, tổ chức trong nó có những quá trình biến đổi liên tiếp. Đó đó cần phải hiểu, định hướng, gây ảnh hưởng và quản lý được những thay đổi liên tiếp đó [159].

Tiêu biểu cho cách tiếp cận theo nhu cầu là Rober M. Hutchins. Năm 1968, Rober M. Hutchins khẳng định rằng "xã hội học tập trở nên cấp thiết", sự thay đổi một cách nhanh chóng của xã hội đòi hỏi giáo dục phải đáp ứng nhu cầu thay đổi đó, vì vậy giáo dục phải tạo điều kiện cho việc học tập của con người diễn ra liên tục [156].

Công trình nghiên cứu của tác giả Donal Shon [159], với ý tưởng các công ty, các phong trào xã hội và các cơ quan đều phải là "các hệ thống học tập" (leaning system).

Một trong những công trình nghiên cứu về xã hội học tập đáng quan tâm nhất là của Hutsen [155] nghiên cứu vai trò của sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật với sự ra đời của xã hội học tập.

Về mô hình xã hội học tập, Roger Boshier [133] đã tranh luận bảo vệ cho một mô hình XHHT cho phép con người có thể tham gia học tập suốt cuộc đời của họ, Boshier nhìn sâu hơn vào các tiềm năng dân chủ của xã hội học tập.

Các mô hình XHHT do Richard Edwards [120] đề xuất tuy có nhiều điểm khác nhau nhưng tổng hợp lại chúng đều đề cập tới các khía cạnh nhu cầu và nghĩa vụ học tập, cơ hội và điều kiện học tập của người dân. Edwards cho rằng, xã hội học tập là một xã hội có giáo dục, xã hội học tập hỗ trợ cho việc học tập suốt đời trong cơ cấu chính sách xã hội của các xã hội dân chủ, mục đích của nó là cung cấp các cơ hội học tập cho người lớn tuổi để đào tạo họ có thể thích ứng được với những sự thay đổi của xã hội và nhu cầu công dân.

Các công trình nghiên cứu trên đã giải quyết được nội dung cơ bản về xu thế của học tập suốt đời và xây dựng một xã hội học tập như tính tất yếu của thời đại. Đến những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, xu thế HTSD và XHHT đang được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới.

Thế kỷ XXI với xu thế toàn cầu hóa, hệ thống giáo dục phải cải cách cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Ba chủ thể đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của Chính phủ các nước về cải cách giáo dục là: cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương và cộng đồng quốc tế. Cộng đồng địa phương bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng hàng đầu đối với bất kỳ một chiến lược cải cách nào. Vì vậy, một trong những giải pháp quan trọng để phát triển cộng đồng và để cộng đồng tham gia vào quá trình cải cách giáo dục cần thiết phải xây dựng và phát triển các cơ sở giáo dục cộng đồng [144].

Theo Jacques Delors, trong tác phẩm "Học tập một kho báu tiềm ẩn" [149], việc tổ chức học tập cho dân cư của một cộng đồng sẽ phát triển từng bước,

luôn mang lại hiệu quả cao hơn trước phụ thuộc phần lớn vào cách tiến hành sao cho ngay trong khi sự phân hóa giàu - nghèo đang diễn ra, giữa lúc xã hội đang có nhiều tiêu cực tác động xấu đến con người thì vẫn bảo đảm cho không một cá nhân nào bị loại trừ khỏi quyền được học hành, quyền được phát triển những năng lực tiềm tàng của họ. Trong hoàn cảnh khó khăn, con người vẫn dựa vào cộng đồng để học tập là yêu cầu hàng đầu của các nhà quản lý. Việc tổ chức học tập ở TTHTCĐ phải được chỉ đạo theo 6 nguyên tắc, đó là: Việc học và giáo dục là kết quả tự thân, nhằm vào cả cá nhân và xã hội; Giáo dục không chính quy phải có ích cho xã hội...; Việc học tập ở trung tâm phải bảo đảm 3 mục tiêu: công bằng, phù hợp, chất lượng cao; Mọi đổi mới trong việc học tập phải có sự phân tích các thông tin sâu sắc, bám sát thực tiễn và có chính sách hỗ trợ; Nội dung học tập ở cộng đồng phải chú ý đến những giá trị cơ bản mà cộng đồng quốc tế quan tâm...; Giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội, mọi người có trách nhiệm tham gia học tập và có đầy đủ trách nhiệm trong quá trình giáo dục.

UNESCO coi việc xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng là một giải pháp quan trọng để phát triển cộng đồng ở mỗi quốc gia, góp phần làm giảm thiểu sự cách biệt về trình độ dân trí giữa thành thị và nông thôn. Mô hình TTHTCĐ được xem là một công cụ, một thiết chế có hiệu quả nhất trong việc thực hiện “giáo dục cho mọi người” và “mọi người cho giáo dục” [139].

Mục đích của TTHTCĐ theo định nghĩa của APPEAL: trao quyền cho những người ít có cơ hội đến trường; phát triển cộng đồng; chuyển đổi xã hội thông qua hình thức HTSD cho tất cả mọi người: người lớn, thanh thiếu niên và trẻ em trong cộng đồng [139]. Vai trò của TTHTCĐ cũng được chỉ rõ: cung cấp giáo dục và các hoạt động phù hợp cho người dân địa phương nhằm trao quyền, chuyển đổi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; huy động nguồn lực và tổ chức hoạt động xã hội [141].

Nhận thức rõ tầm quan trọng và vai trò của TTHTCĐ đối với việc cung cấp cơ hội HTSD cho mọi người và phát triển cộng đồng, văn phòng UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo bàn về TTHTCĐ cấp làng/xã để đánh giá thực trạng, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu và những bài học kinh nghiệm đồng thời tìm các giải pháp, điều kiện duy trì và phát triển mô hình này trong tương lai. [141, 142, 143, 144].

Với sự hỗ trợ của tổ chức UNESCO, trung tâm học tập cộng đồng ngày càng phát triển mạnh mẽ ở các nước châu Á. Sự phát triển này đã chứng tỏ TTHTCĐ là một loại hình giáo dục phù hợp, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng địa phương còn gặp nhiều khó khăn .

Như vậy, tư tưởng học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm. Đặc biệt, cùng với việc thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, hệ thống cơ sở giáo dục thường xuyên mà nòng cốt là trung tâm học tập cộng đồng đã phát triển nhanh ở nhiều nước trên thế giới.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu về học tập suốt đời và xã hội học tập ở Việt Nam

Xu thế học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam đã được các nhà nghiên cứu đề cập tới. Một số nhà nghiên cứu về xã hội học tập: Phạm Minh Hạc [52,53,54], Vũ Ngọc Hải [55,56,57,58], Nguyễn Vinh Hiền [64], Nguyễn Minh Đường [46,47], Phạm Tất Dong [23,24,25,26], Đặng Quốc Bảo [4], Nguyễn Hữu Châu [13], Nguyễn Ngọc Phú [99], Mạc Văn Trang [127,128], Tô Bá Trọng [129,131], Nguyễn Hồng Sơn [102], Phạm Đỗ Nhật Tiến [117,118], Thái Xuân Đào [40,41,42], Bế Hồng Hạnh [61], Nguyễn Hoàng Hải [60], Bùi Minh Hiền [63], Nguyễn Xuân Đường [48],... đã đưa ra quan điểm, cơ sở lý luận về nền giáo dục hiện đại và xã hội học tập, học tập suốt đời, những vấn đề cơ bản để xây dựng XHHT ở nước ta, quan niệm mới về việc học trong thời đại ngày nay.

Tác giả Phạm Tất Dong [22] đã đề cập đến nội dung phát triển các thiết chế giáo dục trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo hướng xây dựng XHHT và những điều kiện để xây dựng xã hội học tập ở xã, phường, thị trấn. Tác giả Vũ Ngọc Hải [58] cho rằng cần gắn vấn đề xây dựng XHHT với xây dựng nông thôn mới. Tác giả Thái Xuân Đào [41,42] đề cập đến mô hình giáo dục thường xuyên...

Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (năm 2004, 2005) đã tổ chức hai cuộc hội thảo toàn quốc với chủ đề xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam. Một số vấn đề cơ bản về tư tưởng HTSD và xây dựng XHHT ở Việt Nam đã được làm sáng tỏ như các khái niệm về học tập suốt đời, xã hội học tập, cơ sở phương pháp luận của việc xây dựng xã hội học tập, vai trò của xã hội học tập trong thời đại mới. Cũng từ đây, vấn đề học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam đưa vào các nghị quyết của Đảng và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra chủ trương: *“Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân và vì dân... chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời”*[33]. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI khẳng định: *“Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời”*[35]. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định *“Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”*[36]. Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ: *“Xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập với tiêu chí cơ bản là tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, học liên tục, học suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc, mọi cấp, mọi trình độ”*[16].

Tháng 12 năm 2013, Ban Chỉ đạo quốc gia xây dựng xã hội học tập đã tổ chức hội thảo quốc gia *“Xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam từ tâm nhìn đến hành động”*.

Tại Hội thảo, các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế bước đầu thống nhất các đặc trưng về xã hội học tập, các đặc trưng công dân học tập của Việt Nam [8]

Tháng 10 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Việt Nam, Văn phòng UNESCO tại Việt Nam tổ chức Hội thảo khu vực phía Bắc với chủ đề “*Xây dựng xã hội học tập: Từ tầm nhìn đến hành động*”. Hội thảo đã thống nhất các đặc trưng mong muốn của công dân học tập; các đặc trưng mong muốn ban đầu của một xã hội học tập ở Việt Nam [10]. Đặc trưng mong muốn của XHHT: Việt Nam mong muốn xây dựng một xã hội học tập mà trong đó tạo môi trường thuận lợi cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời và thúc đẩy văn hóa học tập suốt đời thông qua cam kết chính trị của lãnh đạo các cấp; huy động hiệu quả các nguồn lực và sự tham gia của các ban ngành, ... tư nhân, đoàn thể, cộng đồng, gia đình và cá nhân [10]. Đặc trưng mong muốn công dân học tập: Việt Nam mong muốn có được những công dân học tập có khả năng tiếp cận, phát huy các cơ hội học tập trong cả cuộc đời để trở thành người công dân tốt, một cá nhân có cuộc sống toại nguyện, một người chủ hay một người lao động luôn tận tâm trong công việc và có đạo đức, biết mang lại hạnh phúc cho người khác, duy trì hạnh phúc gia đình cũng như đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, dân tộc và nhân loại theo hướng hội nhập, thịnh vượng và bền vững [10]. Công dân học tập Việt Nam thế kỷ XXI: Có khả năng tự định hướng việc học tập và cam kết học tập suốt đời; Có năng lực hành động và khả năng thích ứng trong một môi trường không ngừng thay đổi...[10]; Đặc trưng cơ bản của Thành phố học tập: Một thành phố thân thiện với cộng đồng; một thành phố sáng tạo; một thành phố thân thiện với gia đình; một thành phố dân chủ và có tính tham gia; một thành phố cởi mở; một thành phố kinh doanh; một thành phố bền vững; một thành phố an toàn; một thành phố liên kết và hiểu biết; một thành phố có học vấn; một thành phố văn hóa; một thành phố của những cơ hội [10].

Các công trình nghiên cứu về học tập suốt đời, xã hội học tập ở Việt Nam đã khẳng định sự cần thiết của việc học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; những định hướng trong việc xây dựng xã hội học tập, các thành tố tạo nên xã hội học tập và đặc trưng mong muốn của xã hội học tập.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý trung tâm học tập cộng đồng

1.1.2.1. Các nghiên cứu về quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên thế giới

Vấn đề quản lý trung tâm học tập cộng đồng đã được các nhà khoa học trên thế giới tập trung nghiên cứu. Tổ chức giáo dục - khoa học và văn hoá của Liên hợp quốc coi việc xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng là một giải pháp quan trọng để phát triển cộng đồng ở mỗi quốc gia.

Ông Victor Ordonez (khi còn là Tổng giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương) đã khẳng định: “Trung tâm học tập cộng đồng có thể coi là một phát minh quan trọng nhất mà bấy lâu nay thế giới đang tìm kiếm” và đã đề cập đến việc quản lý mô hình TTHTCĐ như là một phần của giải pháp giáo dục thích hợp

cho mọi người [43]. Như vậy, quản lý phát triển mô hình TTHTCD là con đường tất yếu để thực hiện mục tiêu học tập suốt đời, xây dựng XHHT ở các quốc gia.

Theo Jacques Delors, tại các TTHTCD việc quản lý không chỉ là điều hành hoạt động của trung tâm không bị đứt quãng nhằm hoàn thành những chương trình đã có trong kế hoạch, mà quan trọng hơn là mọi công dân trong cộng đồng được tiếp cận với kế hoạch triển khai chương trình học tập đó [149].

Văn phòng UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, nhiều nghiên cứu ở các nước trong khu vực về trung tâm học tập cộng đồng và quản lý TTHTCD nhằm thể chế hóa, cũng như đề ra các giải pháp, điều kiện tổ chức, quản lý, phát triển mô hình này trong tương lai. UNESCO cũng tập trung biên soạn các tài liệu và tổ chức tập huấn để nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, điều hành hoạt động TTHTCD cho các nhà lãnh đạo địa phương [141,142,143,144].

Một số nước trên thế giới đã quan tâm đến việc quản lý mô hình TTHTCD, nhằm mục đích nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCD.

Tại Nhật Bản, sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2, Chính phủ đã khuyến khích thành lập các trung tâm học tập chung cho cộng đồng với tên gọi là Kominkan (tiếng Nhật có nghĩa là: Nhà văn hóa của nhân dân). Việc tăng cường đầu tư và quản lý các Kominkan đã khiến số Kominkan ở Nhật Bản phát triển rất nhanh chóng. Kết quả nghiên cứu về mô hình trung tâm học tập cộng đồng - Kominkan ở Nhật Bản đã đề xuất được các nguyên tắc cơ bản để phát triển và quản lý các trung tâm này là: Phải đảm bảo sự tự do và bình đẳng; phải được miễn phí; với tư cách là cơ sở giáo dục, Kominkan phải tổ chức các hoạt động giảng dạy hoặc tập huấn; phải có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; phải được đặt ở nơi gần và thuận tiện đối với người dân; phải được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phù hợp.

Thái Lan là một nước có nhận thức sớm về vai trò của giáo dục không chính quy và cũng có cơ sở hạ tầng của giáo dục không chính quy tương đối tốt. Hiện nay, các cơ sở giáo dục không chính quy của Thái Lan được tổ chức theo hệ thống từ Trung ương tới địa phương gồm các trung tâm nguồn ở cấp vùng, các trung tâm giáo dục không chính quy cấp tỉnh, các trung tâm giáo dục không chính quy cấp huyện và TTHTCD ở cấp xã. Kết quả nghiên cứu mô hình trung tâm học tập cộng đồng ở Thái Lan đã khẳng định các nguyên tắc cơ bản để điều hành và quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng là: Trung tâm học tập cộng đồng là của dân, do dân và vì dân; người đứng đầu trung tâm phải có định hướng cụ thể để phát triển trung tâm, đảm bảo để mọi người đều có cơ hội học tập; trung tâm học tập cộng đồng hoạt động theo cơ chế mở; mọi người trong cộng đồng có thể đến học bất cứ lúc nào; trung tâm học tập cộng đồng phải trở thành cầu nối thông tin giữa mọi người, gắn được việc học chữ với việc thực hành trong cuộc sống hàng ngày; trung tâm học tập cộng đồng phải có mạng lưới liên kết với các cơ sở giáo dục, với các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất và các chuyên gia trên các lĩnh vực.

Tại Ấn Độ, từ năm 1988, Chính phủ Ấn Độ đã quyết định thành lập hàng loạt các Jana Shikshan Nilayams (viết tắt là JSNs - tiếng Ấn Độ có nghĩa là trung tâm học tập) trong cả nước. Tới những năm 1990-1991, chính sách giáo dục quốc gia của Ấn Độ đề ra thêm nhiều chương trình để đẩy mạnh giáo dục sau xóa mù chữ và giáo dục thường xuyên, trong đó có chương trình thành lập các trung tâm giáo dục thường xuyên. Các trung tâm giáo dục thường xuyên này không chỉ phục vụ cho những người mới biết chữ mà cho cả trẻ em, thanh niên thất học và tất cả thành viên trong cộng đồng có nhu cầu học tập suốt đời. Về mặt tổ chức và quản lý, các trung tâm GDTX của Ấn Độ được thành lập theo quy mô cấp xã và chủ yếu do cộng đồng tự cam kết thành lập và quản lý.

Ở Myanmar, mô hình trung tâm học tập cộng đồng bắt đầu được xây dựng từ năm 1994 với sự giúp đỡ của UNDP, UNESCO và các tổ chức phi chính phủ khác. Về mặt tổ chức và quản lý, trung tâm học tập cộng đồng tại Myanmar được xác định là một cơ sở giáo dục tại làng xã, nằm ngoài hệ thống giáo dục chính quy, được nhân dân địa phương thành lập và quản lý, nhằm cung cấp cho nhân dân những cơ hội học tập đa dạng để cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển cộng đồng.

Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng là xu thế phát triển tất yếu, phù hợp với xu thế thế giới và khu vực. Các nghiên cứu đã chỉ ra một điểm chung là phương thức quản lý trung tâm học tập cộng đồng là sự tổng hợp hai hình thức quản lý: quản lý công và tự quản. Phương thức quản lý TTHTCĐ của Myanmar và Ấn Độ là quản lý công, của Thái Lan là cộng đồng quản lý. Riêng tại Nhật Bản tồn tại song song hai phương thức quản lý TTHTCĐ là quản lý dựa vào cộng đồng và cộng đồng tự quản [133].

Nghiên cứu sự phát triển mô hình tổ chức và quản lý các trung tâm học tập cộng đồng trên thế giới cho thấy trung tâm học tập cộng đồng ở các nước dù có tên gọi khác nhau nhưng đều thể hiện rõ là một cơ chế có hiệu quả để thực hiện xóa mù chữ, giáo dục thường xuyên và có vai trò quan trọng trong các hoạt động giáo dục, y tế, nông nghiệp, phát triển cộng đồng, nhất là ở nông thôn. Trung tâm học tập cộng đồng đã và đang được phát triển ngày càng rộng khắp ở các nước như một hệ thống cơ sở tổ chức học tập cho cộng đồng phù hợp với xu thế giáo dục mới. Sự ra đời, phát triển, quản lý mô hình TTHTCĐ ở Việt Nam cũng nằm trong xu thế đó.

1.1.2.2. Các nghiên cứu về quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam

Việc nghiên cứu quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam đã được triển khai từ khá sớm. Trong những năm 1995-1996, Viện Khoa học Giáo dục đã nghiên cứu, thí điểm mô hình TTHTCĐ ở các vùng kinh tế khác nhau và khả năng áp dụng vào Việt Nam, được UNESCO Bangkok và các tổ chức quốc tế như Hiệp hội Quốc gia và các tổ chức UNESCO Nhật Bản giúp đỡ. Trung tâm xóa mù chữ và GDTX thuộc Viện Khoa học Giáo dục đã thử nghiệm mô hình đó tại một số xã ở tỉnh Hòa Bình, Lai Châu, Thái Bình và Bắc Giang. Tuy nhiên, mục tiêu, nội dung, hình thức tổ

chức, cơ chế hoạt động của các trung tâm này chưa cụ thể, vì vậy mô hình TTHTCĐ chưa được định hình rõ ràng.

Năm 1999, trên cơ sở kết quả thử nghiệm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã mở rộng việc xây dựng mô hình trung tâm học tập cộng đồng ở các tỉnh, thành phố khác. Sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển ở Việt Nam, đến nay trung tâm học tập cộng đồng đã có mạng lưới hình thành rộng khắp cả nước. Từ 10 trung tâm được xây dựng thí điểm với sự hỗ trợ kinh phí của Nhật Bản (năm học 1998-1999), đến nay (năm học 2015-2016) cả nước đã có 11.057 trung tâm học tập cộng đồng trên 11.164 xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 99,04% xã, phường, thị trấn trong cả nước. Đặc biệt ở một số tỉnh, thành phố 100% xã, phường, thị trấn có TTHTCĐ (Thái Bình, Ninh Bình, Phú Thọ, Bắc Ninh, Nam Định, Vĩnh Phúc, Đà Nẵng, Hải Dương, Đồng Tháp, Hà Nội...).

Cùng với việc xây dựng, phát triển về số lượng, các tổ chức, các nhà khoa học Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu và đóng góp lớn trong việc xây dựng cơ sở lý luận cho việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam: Tô Bá Trọng [129, 130], Thái Xuân Đào [42], Bế Hồng Hạnh [61], Trịnh Minh Tứ [125], Ngô Quang Sơn [101], Vũ Ngọc Hải [57], Đặng Quốc Bảo [4], Nguyễn Ngọc Phú [99]...

Tác giả Nguyễn Xuân Đường [48] trong luận án Tiến sỹ *“Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Nghệ An”* của mình đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận của vấn đề quản lý trung tâm học tập cộng đồng, đánh giá thực trạng xây dựng, tổ chức quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Nghệ An, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Nghệ An.

Tác giả Bùi Trọng Trâm [126] với luận án *“Quản lý phát triển trung tâm học tập cộng đồng theo định hướng xã hội học tập”* đã nghiên cứu, xác lập cơ sở lý luận về quản lý phát triển trung tâm học tập cộng đồng theo định hướng xã hội học tập, kinh nghiệm trong nước, quốc tế và thực trạng quản lý phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường của tỉnh Thái Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp quản lý phát triển TTHTCĐ theo định hướng XHHT của tỉnh Thái Bình.

Tác giả Lê Thị Phương Hồng [65] khi nghiên cứu *“Phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập”* đã nghiên cứu sâu về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng, đánh giá thực trạng việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ ở vùng đồng bằng sông Hồng, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm đầu xây dựng XHHT ở Việt Nam.

Hội Khuyến học Việt Nam, trong thời gian qua đã đi đầu trong việc quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng xã hội học tập thông qua phong trào đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài. Hội đã triển khai các đề tài nghiên cứu, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về xây dựng XHHT, về phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam như: Đề tài Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam; Hội thảo khoa học xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam; Hội nghị Sơ kết 5 năm xây

dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng (1999-2004) và đã phát hành nhiều tài liệu lý luận và thực tiễn về quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam [66,67,68,70]; Hội nghị liên tịch với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội nghị tổng kết 15 năm công tác khuyến học, khuyến tài 1996-2008; Báo cáo tổng kết 4 Hội thảo về đánh giá thực trạng trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, những mô hình trung tâm học tập cộng đồng phát triển bền vững, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trung tâm học tập cộng đồng xã, phường... Từ những hoạt động đó, Hội Khuyến học Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng XHHT nói chung, quản lý phát triển bền vững TTHTCĐ nói riêng.

Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hiệp hội Quốc gia các tổ chức UNESCO Nhật Bản (NFUAJ) tổ chức biên soạn cuốn tài liệu “Phát triển trung tâm học tập cộng đồng” [137] và “Sổ tay thành lập và quản lý trung tâm học tập cộng đồng” [138]. Nội dung của cuốn sách bao gồm những kiến thức rất cụ thể, thiết thực, giúp cho cán bộ lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng có thêm tài liệu để quản lý điều hành các TTHTCĐ hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Tháng 01/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020, đánh giá kết quả việc triển khai xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013 - 2015 và đề ra nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn tiếp theo, tập trung vào một số nội dung quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng [11].

Những nghiên cứu nói trên đã góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của trung tâm học tập cộng đồng như: Vị trí của trung tâm học tập cộng đồng trong hệ thống giáo dục quốc dân nói chung và trong hệ thống giáo dục thường xuyên nói riêng; vai trò của trung tâm học tập cộng đồng đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương; chức năng của trung tâm học tập cộng đồng; công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng; những kết quả bước đầu trong việc phát triển mô hình giáo dục trung tâm học tập cộng đồng...

Hệ thống các công trình nghiên cứu của các tác giả ngoài nước rất rộng và rất có giá trị về mặt lý luận, có giá trị cho việc nghiên cứu xây dựng XHHT và quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Tuy nhiên, điều kiện truyền thống lịch sử, nền văn hóa, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ tri thức... của mỗi nước là khác nhau, nên việc vận dụng kết quả của các công trình nghiên cứu đã có về xã hội học tập, các mô hình trung tâm học tập cộng đồng và quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên thế giới vào Việt Nam cần có sự lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Những nghiên cứu thực tiễn của các tác giả trong nước khá phong phú, đi sâu vào những vấn đề xây dựng xã hội học tập, quản lý trung tâm học tập cộng đồng mang tính khái quát chung của cả nước.

Thành phố Hà Nội hiện nay có 30 quận, huyện, thị xã, 584 xã, phường, thị trấn, với điều kiện kinh tế - xã hội rất đặc thù, điều kiện tự nhiên đa dạng, vừa là thành thị, vừa có vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; vì vậy, từ việc nghiên cứu lý luận về trung tâm học tập cộng đồng, quản lý trung tâm học tập cộng đồng, vấn đề đặt ra là cần có những giải pháp nào để quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay, giúp cho trung tâm học tập cộng đồng hoạt động một cách hiệu quả, phát triển bền vững đáp ứng sự phát triển của Thủ đô và đất nước. Chính vì thế, cần phải có một nghiên cứu tổng thể, sát hợp, để từ đó có những giải pháp phù hợp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố, giúp cho thiết chế giáo dục này hoạt động chất lượng, hiệu quả trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

1.2. Khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Học tập suốt đời

Lênin, vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân toàn thế giới có một câu nói nổi tiếng *“Học! Học nữa! Học mãi”*. Đây chính là ý tưởng học tập suốt đời mà Lênin hằng mong muốn và căn dặn tất cả mọi người.

Hồ Chủ tịch đã dạy: *“Thế giới tiến bộ không ngừng, ai không học là lùi”; “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi”*. Bác Hồ khuyên chúng ta: *“Học mọi nơi, mọi lúc, học mọi người và học suốt đời cho đến khi quả tim ngừng đập”*. Có thể nói, những lời dạy của Người là cơ sở xây dựng lý luận cũng như thực tiễn để thực hiện ý tưởng học tập suốt đời ở Việt Nam. Học tập suốt đời để thực hiện được: *“Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”* [86,87].

Học tập suốt đời là quá trình liên tục của mỗi con người nhằm bổ sung và thích ứng những kiến thức và kỹ năng, sự xét đoán và năng lực hành động của người đó. Học tập suốt đời phải làm cho con người có ý thức đầy đủ về bản thân mình và môi trường xung quanh, có một vai trò xã hội trong việc làm và trong cộng đồng. Học tập suốt đời là việc tích lũy hàng ngày những kinh nghiệm xã hội - lịch sử. Trong quá trình học tập suốt đời, mỗi người phải biết phát triển những năng khiếu bẩm sinh, đồng thời lại phải tập luyện để có được những năng lực mới [41].

Học tập suốt đời chỉ việc học tập diễn ra liên tục, từ lúc sinh ra cho đến khi kết thúc cuộc đời. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới của thời đại, nhất là do tiến bộ của khoa học - công nghệ, học tập suốt đời của thế kỷ XXI đã mang nhiều đặc trưng mới, đó là: Học tập là một khái niệm rộng, được hiểu là bất cứ quá trình, hoạt động nào đem lại sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi của cá nhân đều được coi là học tập; học tập suốt đời là nhu cầu của tất cả mọi người, ở mọi độ tuổi [41].

Trong luận án này, học tập suốt đời được hiểu là quá trình học tập thường xuyên, liên tục, nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết, cập nhật kiến thức, kỹ năng của người học ở mọi lứa tuổi trong từng giai đoạn cụ thể.

1.2.2. Xã hội học tập

Người đầu tiên đưa ra tên gọi xã hội học tập của thời kỳ mới - xã hội hậu công nghiệp là Edgar Faure [153] trong tác phẩm nổi tiếng của ông "Học tập để tồn tại" gửi UNESCO và sau này nhiều tác giả khác tiếp tục phát triển, như P.Jarvis, chủ biên cuốn "Thời đại học tập, giáo dục và xã hội học tập", London, 2001. Theo E. Faure, xã hội học tập là một xã hội mà trong đó mọi người đều học tập, học thường xuyên, học suốt đời; mọi lực lượng xã hội đều có trách nhiệm tạo cơ hội học tập cho mọi người dân. Như vậy, xã hội học tập coi trọng cả hai mối quan hệ "mọi người cho giáo dục" và "giáo dục cho mọi người".[5]

Xã hội học tập được sử dụng rộng rãi ở Việt Nam trong những năm gần đây, nhất là sau Đại hội Đảng lần thứ IX. "Xã hội học tập là một ý tưởng mới của thời đại, một cách tiếp cận mới khẳng định vai trò ngày càng quan trọng, cũng có thể nói là quyết định của giáo dục đối với xã hội tương lai của loài người... Xã hội học tập là một xã hội mà mọi người đều vận dụng một cách phổ biến phương pháp tiếp cận học tập vào giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống, làm cho bản thân mình phát triển bền vững thành những con người cá thể tích cực, có tinh thần hợp tác, những người lao động có chuyên môn tốt và kỹ xảo tay nghề thành thạo" [53,54].

Xã hội học tập là xã hội mà mỗi cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nó đều có khả năng đáp ứng được với các tình huống và nhu cầu thay đổi [25]; Xã hội học tập là xã hội lấy ý tưởng học tập là trung tâm của sự thay đổi [26]; Xã hội học tập là một xã hội mà mọi người (không phân biệt tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, trình độ học vấn) đều phải có nghĩa vụ học vì một đất nước, vì một thế giới phát triển [26].

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam khẳng định: "Xã hội học tập là một xã hội trong đó mọi cá nhân đều phải học tập thường xuyên, học tập suốt đời và biết tận dụng triệt để các cơ hội học tập do xã hội mang lại. Do đó, học tập phải trở thành nhu cầu tự thân, là trách nhiệm của mỗi công dân, mỗi gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư, của các ngành, các đoàn thể và trách nhiệm của toàn xã hội" [64].

Nội dung xã hội học tập trong luận án được xác định: Xã hội học tập là một xã hội, trong đó, mọi cá nhân đều hướng tới việc học và thực hiện học tập thường xuyên, học tập suốt đời; mọi tổ chức đều phải có trách nhiệm với việc học tập, tham gia đóng góp thúc đẩy phát triển giáo dục và trở thành đơn vị học tập.

Như vậy, để xây dựng xã hội học tập, cần có công dân học tập và cộng đồng học tập. Về công dân học tập, theo tác giả Phạm Tất Dong, để có thể thực hiện được việc học tập suốt đời, mỗi người dân phải được giúp đỡ, huấn luyện, giáo dục, đào tạo để đạt những yêu cầu: Thường xuyên tích lũy tri thức mới trên cơ sở xử lý thông tin thành những tri thức của bản thân. Đó là điểm cốt lõi của kỹ năng học tập, kỹ năng tự học, từ đó hình thành cách học sáng tạo. Ý thức học thường xuyên và sự nỗ lực học hỏi cần đến một nội lực cơ bản: tinh thần hiếu học. Cuối cùng, có được sự ham học và thực sự học hành để tạo dựng được cuộc sống tiến bộ, người hiếu học còn phải có ý thức tạo cơ

hội và điều kiện để người khác cũng học tập khi họ có nhu cầu. Người biết học và thực hiện được những yêu cầu trên được xã hội học tập coi là công dân học tập [29].

Kế thừa và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quốc tế vào thực tiễn nước ta, các nhà khoa học và hoạch định chính sách giáo dục Việt Nam đã đưa ra những chủ trương và cách thực hiện vừa không vi phạm những nguyên tắc cơ bản của thế giới, song cách thực hiện xây dựng xã hội học tập thì hàm chứa tính sáng tạo.

“Với các nước phát triển, xã hội học tập bắt đầu từ sự tập trung nguồn lực để xây dựng các thành phố học tập và với việc tăng dần các thành phố học tập để có được một quốc gia học tập. Với Việt Nam, XHHT được bắt đầu từ cấp cơ sở, nghĩa là phải có những xã, phường học tập rồi từ đó xây dựng các quận, huyện học tập, rồi mới đến thành phố học tập” [28].

“Muốn có một xã (hay một phường, một thị trấn) học tập, trước hết phải xây dựng hạt nhân của các cộng đồng học tập. Hạt nhân đó là gia đình học tập, dòng họ học tập. Từ gia đình học tập và dòng họ học tập mà xây dựng thôn, làng học tập, tổ dân cư học tập. Điều này chỉ là cách làm của Việt Nam” [28].

Cộng đồng học tập - “Đó là những gia đình, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cơ quan hành chính - sự nghiệp, các cơ sở sản xuất, các đơn vị vũ trang... cộng tác và liên kết, phối hợp với nhau để cung ứng các tri thức, các dịch vụ giáo dục, tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện để người dân được tiếp cận với giáo dục, thực hiện được việc học suốt đời” [29].

Trong luận án, công dân học tập được hiểu là những công dân có khả năng tiếp cận, phát huy các cơ hội học tập trong suốt cuộc đời để trở thành công dân tốt, có tri thức, đạo đức đem lại hạnh phúc cho gia đình, những người xung quanh và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng.

1.2.3. Giáo dục thường xuyên

UNESCO đã nhấn mạnh một số đặc điểm của giáo dục thường xuyên: Giáo dục thường xuyên phải giữ vai trò chủ đạo trong mọi chính sách giáo dục tại các nước phát triển và đang phát triển; GDTX qua mọi lứa tuổi, trong suốt cuộc đời, không chỉ bó hẹp trong bức tường của nhà trường; nền giáo dục phải được cải tổ toàn diện; giáo dục phải trở thành phong trào quần chúng thực sự; giáo dục phải được tiến hành và tiếp thu bằng nhiều cách khác nhau.

Ở nước ta, khái niệm giáo dục thường xuyên cũng có quá trình phát triển như các nước trên thế giới. Các tác giả của Từ điển giáo dục học cho rằng: “Giáo dục thường xuyên là hình thức giáo dục theo phương thức không chính quy nhằm giúp mọi người được học liên tục, suốt đời để mở rộng kiến thức, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm và thích nghi với đời sống xã hội” [62].

Tác giả Hoàng Minh Luật, giáo dục thường xuyên được hiểu một cách chung nhất là cung ứng cơ hội học tập suốt đời cho mọi người nhằm thúc đẩy sự phát triển

tài nguyên con người thông qua các chương trình sau XMC, chương trình tương đương, chương trình nâng cao chất lượng cuộc sống, chương trình tạo thu nhập, chương trình đáp ứng sở thích cá nhân, chương trình định hướng tương lai [85].

Theo Luật Giáo dục sửa đổi 2005, Giáo dục thường xuyên là hình thức giáo dục theo phương thức không chính quy nhằm: “giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm và thích nghi với đời sống xã hội” [84].

Trong luận án này, giáo dục thường xuyên được hiểu: là hình thức giáo dục linh hoạt, giúp cho mọi người, mọi đối tượng, mọi độ tuổi có thể tham gia các hình thức học tập phù hợp, học tập thường xuyên, học tập suốt đời nhằm nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng để phát triển bản thân và đóng góp phát triển cộng đồng.

1.2.4. Giáo dục cộng đồng

Các nhà nghiên cứu trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về cộng đồng và giáo dục cộng đồng. Theo Murray G. Ross “Tổ chức cộng đồng là một diễn tiến qua đó một cộng đồng nhận rõ nhu cầu hay mục tiêu của mình, sắp xếp các nhu cầu và mục tiêu này, phát huy sự tự tin và ý muốn thực hiện chúng, tìm kiếm tài nguyên (bên trong và bên ngoài) để giải quyết nhu cầu hay mục tiêu ấy. Thông qua đó sẽ phát huy những thái độ và kỹ năng hợp tác với nhau trong cộng đồng” [80].

Cộng đồng là một nhóm người sống trong một môi trường có những điểm tương đối giống nhau, có những mối quan hệ nhất định với nhau. Theo Tô Duy Hợp và cộng sự (2000) thì cộng đồng là một thực thể xã hội có cơ cấu tổ chức (chặt chẽ hoặc không chặt chẽ), là một nhóm người cùng chia sẻ và chịu ràng buộc bởi các đặc điểm và lợi ích chung được thiết lập thông qua tương tác và trao đổi giữa các thành viên.

Các đặc điểm đó có thể là: Đặc điểm về kinh tế, xã hội như cộng đồng làng xã, khu dân cư đô thị; huyết thống như cộng đồng của các thành viên thuộc một họ tộc; mối quan tâm và quan điểm; môi trường, nhân văn như cộng đồng đồng bào một dân tộc ít người sống tại một địa phương, vùng địa lý.

Trong luận án này, cộng đồng được hiểu là một tập hợp dân cư cùng cư trú trong một địa phương hoặc một vùng hoặc lãnh thổ nhất định, trong đó có các quy tắc, quy định, quy ước mang tính thống nhất chung được mọi người thực hiện.

Giáo dục cộng đồng: “Đó là nguyên tắc cho rằng, toàn bộ vấn đề giáo dục phải bắt nguồn từ nguyện vọng và phải nỗ lực thỏa mãn nguyện vọng của cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. Giáo dục cộng đồng không chỉ thuộc về và dành cho cộng đồng, mà chính cộng đồng phải có các quyền lực quan trọng quyết định các hoạt động giáo dục và có trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động này” [27].

Giáo dục cộng đồng được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, trong những hoàn cảnh cụ thể và điều kiện cụ thể. Giáo dục cộng đồng diễn ra mọi lúc, mọi nơi, mọi địa điểm trong cộng đồng. Trong đó TTHTCD là nơi thuận tiện nhất trong việc thực hiện học tập thường xuyên, HTSD của người dân trong cộng đồng.

Trong luận án này giáo dục cộng đồng được hiểu là phương thức giáo dục không chính quy do người dân trong cộng đồng tự tổ chức để đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân (nhất là những người không có điều kiện đến trường, lớp chính quy); là hình thức giáo dục tự nguyện song có sự quan tâm, giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

1.2.5. Trung tâm học tập cộng đồng

Theo quan niệm của UNESCO khu vực, trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục không chính quy của làng/xã, thường do cộng đồng thành lập và quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển cộng đồng thông qua việc tạo cơ hội học tập suốt đời của người dân trong cộng đồng do cộng đồng và vì lợi ích của cộng đồng [91].

Ở Việt Nam, theo các nhà nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng là một tổ chức (thiết chế) cơ sở giáo dục không chính quy được tổ chức trên địa bàn xã, phường và thị trấn. Trung tâm học tập cộng đồng là tổ chức giáo dục đã đưa đến tận những người dân, đặc biệt là những lao động không có điều kiện tới trường chính quy và những người nghèo, những người trong các nhóm yếu thế các cơ hội học tập [24].

Trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế giáo dục chủ yếu dành cho người lớn, là đầu mối liên kết với tất cả các ban ngành, đoàn thể cùng với ngành giáo dục tổ chức các hoạt động giáo dục dưới sự điều phối chung của Ủy ban nhân dân xã. Mỗi người dân trong cộng đồng có thể đến trung tâm học tập cộng đồng để tìm cho mình một chương trình, một hình thức học tập phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình [43].

Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 24/3/2008 của Bộ GD&ĐT, “Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của người dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển các trung tâm theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm”[9].

Trung tâm học tập cộng đồng có 4 chức năng cơ bản: Chức năng giáo dục và huấn luyện; chức năng thông tin và tư vấn; chức năng phát triển cộng đồng; chức năng liên kết phối hợp [27].

Trong luận án này, trung tâm học tập cộng đồng được hiểu: là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, hoạt động theo nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ, giám sát, cộng đồng tham gia quản lý, tổ chức hoạt động. Cơ chế hoạt động là Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

1.2.6. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Về khái niệm “quản lý”, theo cách giải thích của Từ điển tiếng Việt thì “Quản lý là trông coi, giữ gìn theo những yêu cầu nhất định. Là tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định [98].

Các nhà nghiên cứu trên thế giới nêu ra những quan niệm khác nhau: Fredehick Winslow Taylor - một nhà nghiên cứu về quản lý nổi tiếng của phương Tây cho rằng: Quản lý là nghệ thuật biết rõ ràng, chính xác cái gì cần làm và làm cái đó như thế nào bằng phương pháp tốt nhất, rẻ nhất. M.I.Kônđakôp - một nhà nghiên cứu của Liên xô (cũ) viết: “Quản lý là một hiện tượng xã hội đồng thời là một dạng lao động đặc biệt, mà nét đặc trưng là tính tích cực sáng tạo, năng lực vận dụng những tri thức đã có để đạt mục đích đặt ra một cách có kết quả, là sự cải biến hiện thực”.

Các tác giả của Việt Nam cũng nêu ra rất nhiều định nghĩa về “quản lý”, trong đó đáng chú ý là định nghĩa của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Nguyễn Quốc Chí: Hoạt động quản lý là “tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (người quản lý) đến khách thể quản lý (người bị quản lý), trong một tổ chức, nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức” [82]. Theo đó, các tác giả phân định rõ hơn về hoạt động quản lý: “Quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các hoạt động (chức năng) kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo (lãnh đạo) và kiểm tra [82].

Hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu thống nhất khái niệm sau: “Quản lý là quá trình tác động có chủ định, hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm tạo ra các hoạt động hướng tới đạt mục đích chung của tổ chức dưới sự tác động của môi trường” [146].

Quản lý ngày nay được coi là một trong năm nhân tố phát triển kinh tế - xã hội: vốn, nguồn lực lao động, khoa học kỹ thuật, tài nguyên và quản lý. Trong đó quản lý giữ vai trò quyết định sự thành công.

Như vậy, có thể xem quản lý là một quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý thông qua cơ chế quản lý, nhằm đạt được mục đích quản lý.

Quản lý trung tâm học tập cộng đồng là hành động đưa các cá nhân trong tổ chức làm việc hoặc học tập cùng nhau để thực hiện, hoàn thành mục tiêu chung. Công việc quản lý gồm 5 chức năng: xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ huy, phối hợp và kiểm tra. Trong đó các nguồn lực có thể được sử dụng và để quản lý là nhân lực, tài chính, công nghệ và thiên nhiên.

Quản lý là nhân tố cơ bản quyết định sự tồn tại, phát triển hay trì trệ đối với trung tâm học tập cộng đồng. Mỗi trung tâm học tập cộng đồng chỉ có thể tồn tại và phát triển khi có được một tập hợp những quyết định và hành động hướng mục tiêu; sử dụng các năng lực và nguồn lực của cộng đồng đáp ứng được việc nắm bắt những cơ hội và vượt qua các thách thức trong bối cảnh hiện nay. Quản lý chính là để nâng

cao năng lực, tăng cường cơ hội học tập và nâng cao chất lượng và hiệu quả của từng trung tâm học tập cộng đồng trong từng giai đoạn cụ thể đáp ứng nhu cầu xã hội và việc xây dựng xã hội học tập.

Quản lý trung tâm học tập cộng đồng là một hoạt động, bao gồm quản lý trong nội bộ trung tâm học tập cộng đồng (vi mô) và quản lý của các cấp, ngành, các tổ chức đối với trung tâm học tập cộng đồng (vĩ mô). Ở phạm vi thứ nhất, chủ thể quản lý là cán bộ quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc) trung tâm học tập cộng đồng, còn đối tượng quản lý là giảng viên, học viên, quá trình dạy học - giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị của trung tâm học tập cộng đồng... Ở phạm vi thứ hai, chủ thể quản lý là Ủy ban nhân dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học, cơ quan giáo dục các cấp... Còn đối tượng quản lý là trung tâm học tập cộng đồng, với tư cách là một thiết chế giáo dục [48].

Trong luận án này, quản lý trung tâm học tập cộng đồng được hiểu là quá trình lãnh đạo, tổ chức, điều khiển toàn bộ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, nhằm đảm bảo cho thiết chế giáo dục này đạt được kết quả mong muốn.

1.3. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay

1.3.1. Xu thế phát triển giáo dục

1.3.1.1. Xu thế phát triển giáo dục

Khi nhận định về xu thế phát triển của thế giới, các nhà Tương lai học trên thế giới đều thống nhất cho rằng, đặc trưng của xã hội hiện đại được xây dựng trên nền tảng của hệ thống tri thức khoa học phát triển nhanh, biến đổi mạnh và sự thông tin toàn cầu. Nền giáo dục trong thế kỷ XXI sẽ hoàn toàn khác với nền giáo dục truyền thống, đó là nền giáo dục siêu công nghiệp mà một trong những đặc trưng của nó là sự lạc hậu nhanh chóng của tri thức, sự biến động mạnh mẽ của nền sản xuất xã hội. Vì thế, nền giáo dục phải hướng đến sự giáo dục suốt đời, trên cơ sở thường xuyên đào tạo lại. Từ đó, đối với phần lớn cư dân, vừa làm vừa học sẽ là con đường hiệu quả nhất để có thể thích ứng với nền kinh tế tri thức [120,121,122].

Các nhà khoa học Trung Quốc, trong tác phẩm Dự báo thế kỉ XXI đã cho rằng, nền giáo dục tương lai có đặc trưng nổi bật: Xu thế toàn dân học tập suốt đời phát triển mạnh. Về mặt thời gian, giáo dục sẽ kéo dài suốt đời người; về mặt không gian, giáo dục sẽ mở rộng đến toàn xã hội [38].

Hội đồng quốc tế về giáo dục cho thế kỉ XXI của UNESCO đã công bố tác phẩm "Học tập: một kho báu tiềm ẩn" (tháng 4/1996). UNESCO đã khẳng định vai trò mới của giáo dục. Giáo dục phải là một công cụ, vừa cho cá nhân, vừa cho tập thể, nhằm bồi dưỡng một hình thức hài hòa hơn về sự phát triển con người. Còn học tập phải đi suốt cuộc đời của con người và dựa trên bốn trụ cột, đó là học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người. Bốn trụ cột nói trên được đặt trên cùng một cơ sở, đó là sự phát triển của cá nhân và vị trí của cá nhân trong xã hội [21].

Dựa trên xu thế phát triển của giáo dục thế giới, các nhà khoa học Việt Nam như Đặng Hữu, Đỗ Nguyên Phương, Phạm Minh Hạc, Phạm Tất Dong, Nguyễn Hữu Tăng...

cũng đã đưa ra dự báo xu thế phát triển của giáo dục nước ta trong những năm đầu của thế kỉ XXI, với những nội dung cơ bản sau đây: Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục; hiện đại hóa giáo dục (học tập với máy tính, học tập qua mạng); học tập không tập trung, học tập từ xa; học tập thường xuyên, học tập suốt đời; nhà trường đổi mới (mô hình nhà trường trong tương lai); đổi mới giáo dục đại học; đổi mới cách làm giáo dục nông thôn, miền núi; giáo dục hướng ra thế giới [74].

Tác giả Trần Thị Tuyết Oanh [95] cho rằng xu thế phát triển giáo dục của thế kỷ XXI có những điểm chính: Nhận thức mới về giáo dục, xem giáo dục là sự nghiệp hàng đầu của quốc gia; xã hội hóa giáo dục; giáo dục suốt đời; áp dụng sáng tạo công nghệ thông tin vào trong quá trình giáo dục; đổi mới quản lý giáo dục; phát triển giáo dục đại học. Tác giả Vũ Ngọc Hải [56] cho rằng, sự phát triển của giáo dục thế giới đã trải qua các hệ thống: Giáo dục tinh hoa; giáo dục vì nhân lực; giáo dục đại chúng.

Tóm lại, tuy có những điểm khác nhau trong quan niệm về xu thế phát triển của giáo dục trong thế kỷ XXI nhưng các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất trên những vấn đề có tính nguyên tắc, đó là xu thế giáo dục cho mọi người, học tập suốt đời và tạo ra XHHT với sự phát triển tất yếu của phương thức GDTX.

1.3.1.2. Quan điểm, mục tiêu phát triển giáo dục nước ta giai đoạn hiện nay

- Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương; ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho phát triển giáo dục phổ cập và các đối tượng đặc thù.

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó để đạt được mặt bằng chung. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

- Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...; mặt khác phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng.

- Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng lên một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội HTSD cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập [18].

1.3.2. Bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay

1.3.2.1. Bối cảnh thời đại

Bối cảnh thời đại hiện nay có những đặc điểm nổi bật sau:

- Khoa học, kỹ thuật và công nghệ phát triển như vũ bão, dẫn đến sự bùng nổ thông tin trên phạm vi toàn thế giới. Thế giới đang hướng từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, lấy tri thức làm động lực phát triển. Đồng thời với sự phát triển của ba cuộc cách mạng về Tin học, Truyền thông và Công nghệ đã dẫn đến những thay đổi to lớn trên tất cả các lĩnh vực của kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, an ninh - quốc phòng... Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được cho là đã bắt đầu từ vài năm gần đây, là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano,... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số (Cách mạng Công nghiệp 4.0) [119].

- Nhân loại đang bước vào nền kinh tế tri thức. Trong nền kinh tế tri thức đòi hỏi con người phải học tập thường xuyên, tri thức phải được cập nhật trong suốt cuộc đời lao động của con người. Vì thế, tính linh hoạt, khả năng thích nghi, khả năng đáp ứng và khả năng đổi mới nhanh chóng được xem là những phẩm chất cần thiết đối với người lao động trong nền kinh tế tri thức.

- Nhân loại đang xích lại gần nhau trong các mối quan hệ song phương, đa phương, mối quan hệ khu vực, châu lục và mối quan hệ toàn cầu. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích quốc gia.

- Nhân loại đang phải chung lưng đấu cật để giải quyết vấn đề có tính toàn cầu. Hiện nay, nhân loại đang đứng trước rất nhiều vấn đề mang tính toàn cầu, đó là chiến tranh và hòa bình, đói nghèo, bùng nổ dân số, phát triển bền vững, các căn bệnh hiểm nghèo, ô nhiễm môi trường... Các vấn đề này không riêng của bất kỳ một quốc gia nào mà của chung toàn nhân loại. Vì thế, trong giáo dục của các nước, cần quan tâm đúng mức đến nội dung giáo dục quốc tế, giáo dục những vấn đề mang tính toàn cầu.

Tóm lại, thời đại mà chúng ta đang sống có đặc điểm nổi bật: Sự phát triển nhanh chóng và tốc độ của khoa học công nghệ, sự phát triển toàn diện của nền kinh tế tri thức, những vấn đề toàn cầu hóa và quan hệ kinh tế quốc tế, cũng như giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu đòi hỏi nhân loại phải nhanh chóng tiếp cận tri thức mới, phải được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, học trong nhà trường, học ngoài nhà trường. Những đặc điểm này sẽ chi phối xu thế phát triển của giáo dục hiện đại trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI và HTSD, xây dựng XHHT là nhân tố quan trọng quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia.

1.3.2.2. Bối cảnh trong nước

Giáo dục nước ta phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri

thức, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 nước ta khẳng định: phần đầu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại... và một trong ba đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi to lớn, đồng thời cũng phát sinh nhiều thách thức đối với sự nghiệp phát triển giáo dục [18].

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông. Phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế. Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế [18].

Định hướng trọng tâm phát triển Thủ đô: Đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, đổi mới mô hình tăng trưởng, gắn với cơ cấu lại kinh tế Thủ đô bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch của Thủ đô. Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung. Tăng cường công tác quản lý đô thị, đặc biệt là trật tự xây dựng, an toàn giao thông, kỷ cương và văn minh đô thị. Tiếp tục xây dựng, phát triển nông thôn mới theo quy hoạch. Chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước. Xây dựng Thủ đô thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu hàng đầu của cả nước về giáo dục, đào tạo; thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng, phát triển nhân tài; tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo; phần đầu đến năm 2025 giáo dục Thủ đô đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Tập trung đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa,

hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm lực, xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và có vị trí cao về một số lĩnh vực trong khu vực. Phát triển y tế, nâng cao chất lượng, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia về bảo vệ môi trường. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển, nâng cao vị thế Thủ đô [110].

Thời cơ và thách thức

Thời cơ: Đảng và Nhà nước luôn khẳng định phát triển giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục, tiến tới một nền giáo dục điện tử đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân người học.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

Thách thức: Ở trong nước, sự phân hóa trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt, gây nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng miền và cho các đối tượng người học.

Nhu cầu phát triển nhanh giáo dục đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế theo chiều sâu tri thức với công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, trong khi đó nguồn lực đầu tư cho giáo dục là có hạn, sẽ tạo sức ép đối với phát triển giáo dục.

Nguy cơ tụt hậu có thể làm cho khoảng cách kinh tế, tri thức, giáo dục giữa Việt Nam và các nước ngày càng gia tăng. Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh những vấn đề mới... đặt ra yêu cầu phải đổi mới cả về lý luận cũng như những giải pháp thực tiễn phù hợp để phát triển giáo dục.

Trên cơ sở xu thế phát triển giáo dục, bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với giáo dục hiện nay, đòi hỏi giáo dục phải xác định nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Một trọng những nhiệm vụ quan trọng trước mắt cũng như lâu dài đối với giáo dục là xây dựng, phát triển hệ thống GDTX mà trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở GDTX quan trọng để thực hiện học tập suốt đời, xây dựng XHHT.

1.3.3. Yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay đối với trung tâm học tập cộng đồng

Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động chuyển đổi nghề; bảo đảm xóa mù chữ bền vững. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.

Xu thế phát triển của Giáo dục thường xuyên: Giáo dục thường xuyên ngày càng được coi trọng và ngày càng được quan tâm phát triển với tư cách là một hệ thống, là bộ phận giáo dục ngày càng quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục thường xuyên ngày càng mở rộng hơn, đối tượng của GDTX ngày càng đông hơn, chức năng nhiệm vụ của GDTX ngày càng đa dạng hơn. Giáo dục thường xuyên từ chỗ chỉ quan tâm tới số lượng, nay đã chú ý về chất lượng. Giáo dục thường xuyên từ chỗ chỉ coi trọng XMC hoặc giáo dục tương đương, nay chuyển chú ý sang giáo dục tăng thu nhập, giáo dục nâng cao chất lượng cuộc sống và giáo dục kỹ năng sống. Giáo dục thường xuyên từ chỗ chỉ chú ý tới một số chương trình, nội dung, hình thức học tới chỗ ngày càng đa dạng hoá, mềm dẻo hoá, linh hoạt hoá chương trình, nội dung và hình thức học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng và điều kiện học tập khác nhau của các nhóm đối tượng khác nhau. Giáo dục thường xuyên chuyển dần từ trách nhiệm Nhà nước là chủ yếu tới trách nhiệm của toàn xã hội và cộng đồng. Quản lý GDTX chuyển dần từ tập trung hoá tới phi tập trung hoá. Với xu thế phát triển của GDTX, cần tăng cường quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDTX, trong đó có hệ thống TTHTCĐ, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng cả nước trở thành xã hội học tập.

Phát triển bền vững và nhân rộng mô hình TTHTCĐ tại các xã, phường trên địa bàn nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ, các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của cộng đồng dân cư. Nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCĐ, mở rộng địa bàn, nội dung hoạt động đến các thôn bản, cụm dân cư; tăng số lượng TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả qua từng năm, khắc phục bệnh hình thức và kém hiệu quả trong hoạt động của các TTHTCĐ. Kien toan ban quan ly TTHTCĐ, biet phai giao vien thuoc bien che cua cac truong pho tho ng den lam viec tai TTHTCĐ de giup ban quan ly trien khai, to chuc cac hoat dong giao duc; thuong xuyen to chuc tap huyn cho can bo quan ly, giao vien ve nghiep vu xay dung ke hoach hoat dong, dieu tra nhu cau nguoi hoc, phat trien cac cau lac bo cong dong; co ke hoach cu the ve xay dung doi ngu giao vien, bao cao vien, huong dan vien co du kinh nghiem va nang luc de giang day tai TTHTCĐ.

1.4. Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

1.4.1. Vị trí, vai trò, chức năng của trung tâm học tập cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng được thành lập xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng. Chính vì vậy, trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế giáo dục của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng. Đặc điểm cơ bản này được thể hiện thông qua vị trí, vai trò, chức năng, tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng.

1.4.1.1. Vị trí của trung tâm học tập cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời phải phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển trung tâm theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm [9].

Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng thuộc hệ thống giáo dục thường xuyên, giáo dục không chính quy. Tuy trung tâm học tập cộng đồng là của cộng đồng, do cộng đồng, được thành lập trên địa bàn xã, phường, thị trấn nhưng chịu sự quản lý về chuyên môn của ngành giáo dục và sự tư vấn, giúp đỡ về chuyên môn của các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện.

Sự tham gia một cách tự nguyện của mọi người vào các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng là đặc trưng cơ bản, quan trọng nhất của trung tâm học tập cộng đồng.

1.4.1.2. Vai trò của trung tâm học tập cộng đồng

- Vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong việc nâng cao dân trí

Trong bối cảnh của nền kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa, việc nâng cao dân trí lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn. Việc nâng cao dân trí chỉ thực sự mang lại hiệu quả cao khi được bắt đầu từ cộng đồng, từ bản thân mỗi người dân trong cộng đồng.

Hiện nay, bên cạnh việc học tại các trường học từ phổ thông đến đại học thì nhu cầu được học tập, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng của mỗi người là hết sức cần thiết. Trung tâm học tập cộng đồng là nơi đáp ứng những đòi hỏi đó. Người dân có thể đến trung tâm học tập cộng đồng để được học những chương trình từ xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, các chuyên đề về kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội, pháp luật, thời sự... để nâng cao trình độ, nâng cao sự hiểu biết của cá nhân.

- Vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong việc đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một chiến lược quốc gia. Mỗi một lực lượng lao động đòi hỏi những yêu cầu khác nhau về mục tiêu, nội dung, phương thức và cơ sở đào tạo. Nông dân, thợ thủ công, những người lao động giản đơn chiếm một tỷ lệ khá lớn trong cơ cấu lao động của nước ta nhưng họ lại chưa được đào tạo, bồi dưỡng để có thể nâng cao hiệu quả công việc của mình. Với đối tượng này, việc dạy nghề, chuyển

giao kinh nghiệm sản xuất và công nghệ mới không thể tiến hành một cách bài bản trong các trường lớp chính qui được mà phải bằng con đường giáo dục thường xuyên, thông qua những mô hình dạy nghề ở các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn. Thực tiễn cho thấy, trong thời gian vừa qua, TTHTCD đã góp phần quan trọng trong việc đã tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho các địa phương.

- Vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong việc đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho người dân và cộng đồng

Học tập thường xuyên, học tập suốt đời là một trong những xu thế của giáo dục thế kỉ XXI. Con người hiện đại luôn luôn phải đối mặt với những thách thức về việc làm, sự thay đổi liên tục của công nghệ, sức ép về thời gian, tâm lý... Những thách thức đó đòi hỏi con người không chỉ thích ứng mà còn phải biết vươn lên và chế ngự chúng. Trong thời đại ngày nay, công cụ hiệu quả nhất có thể giúp con người khẳng định được chính mình, không gì mạnh mẽ hơn là tri thức. Tri thức trở thành sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế, trở thành tư liệu lao động đặc biệt trong tay con người.

Bản thân nền kinh tế tri thức đòi hỏi mỗi con người phải học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời, nhất là đối với người lớn. Ngày nay, nhu cầu học tập của người lớn không ngừng tăng lên do sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động đang diễn ra theo nhịp độ công nghiệp hóa và sự mở rộng thị trường, hội nhập quốc tế. Người lớn bắt đầu đòi hỏi những hình thức học tập rất đa dạng để đáp ứng sự phát triển của ngành nghề.

Yêu cầu phát triển giáo dục cho người lớn buộc hệ thống giáo dục phải định hướng vào việc tổ chức học tập suốt đời. Học tập suốt đời chính là cách làm cân đối giữa thời gian học tập với thời gian lao động để con người tăng năng lực thích nghi với công việc và thực hiện tốt bổn phận công dân của mình. Trong điều kiện như thế, rõ ràng chỉ có trung tâm học tập cộng đồng mới đáp ứng được nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân.

1.4.1.3. Chức năng của trung tâm học tập cộng đồng

- *Chức năng giáo dục và huấn luyện*

Để tạo cơ hội học tập cho mọi người dân trong cộng đồng, nhất là người lao động đang thiếu thông tin, những người thiệt thòi nhiều trong cuộc sống như nghèo đói, ở vùng hẻo lánh, trẻ mồ côi không có điều kiện đi học.... Trung tâm học tập cộng đồng phải có nhiều chương trình học tập để ai cũng tìm được một chương trình phù hợp. Mặt khác, trung tâm phải biết tư vấn và tìm thông tin để cung ứng cho người dân.

Sự đa dạng về chương trình, về bài học, về chuyên đề là hết sức cần thiết cho “cần gì học nấy”. Hiện nay các trung tâm học tập cộng đồng thường thể hiện chức năng giáo dục và huấn luyện ở những chương trình: Xoá mù chữ, các lớp học tình thương, chương trình sau xoá mù chữ; các chương trình tạo thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống, chương trình đáp ứng sở thích cá nhân, chương trình học nghề để có việc làm...

- Chức năng thông tin và tư vấn

Nhu cầu thông tin và cách thức tìm kiếm thông tin của nhân dân là rất đa dạng. Để cung ứng thông tin, giới thiệu nguồn tin, cách thức tiếp cận với thông tin thường phải dựa vào đội ngũ làm công tác văn hoá, khoa học, kỹ thuật ở địa phương hoặc nhờ sự giúp đỡ của những chuyên gia ở gần trung tâm. Việc tiến hành công việc này càng bức thiết đối với những địa phương không có thư viện hoặc bưu điện văn hoá, những vùng xa trung tâm. Những vấn đề mà người dân thường cần được trung tâm tư vấn là thời sự, chính sách, sức khoẻ, việc làm, giá cả thị trường, hôn nhân - gia đình, khoa học, kỹ thuật, dưỡng sinh, văn hóa, văn nghệ, kỹ năng sống... Những nội dung trên sẽ được trung tâm học tập cộng đồng chuyển tải thường xuyên đến người dân trên địa bàn.

- Chức năng phát triển cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng là của cộng đồng, gắn bó chặt chẽ, mật thiết với cộng đồng. Trung tâm học tập cộng đồng chỉ có thể tồn tại, phát triển nếu như biết dựa vào cộng đồng, biết phát huy sự tham gia và quyền làm chủ của cộng đồng. Trung tâm học tập cộng đồng không chỉ là trung tâm học tập, trung tâm thông tin - tư vấn mà còn là nơi tổ chức các sinh hoạt chung, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao của cộng đồng. Người dân có thể tham gia sưu tầm, ghi chép các câu chuyện dân gian, các phong tục, bài ca, điệu múa... nhằm bảo tồn văn hóa dân tộc. Đồng thời, người dân cũng có thể sử dụng vốn văn hóa để hình thành các tiết mục phục vụ cho sinh hoạt tập thể của cộng đồng. Nếu làm được như thế, trung tâm vừa góp phần phát triển cộng đồng, vừa trở nên hấp dẫn và thu hút nhiều tầng lớp nhân dân đến với trung tâm học tập cộng đồng hơn. Vì thế, trung tâm học tập cộng đồng phải xem việc hỗ trợ các hoạt động chung của cộng đồng là một chức năng không thể thiếu được của mình.

- Chức năng liên kết phối hợp

Rất nhiều công việc ở địa phương cần được tiến hành với sự liên kết hoặc phối hợp giữa trung tâm với các tổ chức khác. Hiện nay, có nhiều công việc cần được trung tâm phối hợp, liên kết với các tổ chức, các lực lượng xã hội để thực hiện như phối hợp với Hội Người cao tuổi điều tra nhu cầu học tập của các cụ về hưu, phối hợp với Đoàn Thanh niên để tổ chức huấn luyện cho thanh niên làm kinh tế, phối hợp với Hội Phụ nữ về truyền thông dân số, chăm sóc nuôi dạy con theo khoa học, phối hợp với cơ sở giáo dục để thực hiện công tác XMC, phổ cập giáo dục, kỹ năng sống...

Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng có bốn chức năng cơ bản. Tùy thuộc vào nhu cầu và tình hình cụ thể của từng địa phương, từng cộng đồng mà trung tâm học tập cộng đồng có thể tập trung thực hiện chức năng này hay chức năng khác một cách linh hoạt, hiệu quả nhất.

1.4.2. Khái quát hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng là một loại thiết chế giáo dục được tổ chức trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường

xuyên được đưa đến tận những người dân, đặc biệt là những lao động không có điều kiện tới trường chính quy, những người nghèo, những người ít có cơ hội học tập được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.

Hoạt động của TTHTCD nhằm mục đích tạo ra những cơ hội học tập cho mọi người dân trong cộng đồng để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển nguồn nhân lực cộng đồng, tạo điều kiện để đáp ứng nhu cầu học tập theo phương châm “cần gì học nấy” “thiếu đâu học đấy” và nhằm giúp cho ai cũng được học hành, ai cũng có thể tham gia vào công việc giáo dục và học tập tại cộng đồng.

Hoạt động của TTHTCD tập trung vào các nội dung, chương trình: Xoá mù chữ cho các đối tượng, nhất là cho thanh niên và người lớn; các lớp học tình thương cho trẻ em thất học, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cơ nhỡ, lang thang; các chương trình sau xoá mù chữ; các chương trình GDTX cấp THCS, THPT; các chương trình tạo thu nhập; các chương trình nâng cao chất lượng cuộc sống; các chương trình đáp ứng sở thích cá nhân; chương trình cập nhật kiến thức, phục vụ sự phát triển cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời đại...

Quy trình hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng:

- *Điều tra nhu cầu học tập của cộng đồng:* Để chuẩn bị cho chương trình hàng năm, trung tâm tiến hành việc đăng ký yêu cầu về nội dung mà nhân dân muốn học. Thông qua các bản đăng ký, trung tâm nắm được tổng thể những vấn đề cần đưa vào chương trình học trong năm. Từ đó, trung tâm lên kế hoạch hoạt động sát hợp với nhu cầu của người dân. Trong hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng việc điều tra nhu cầu học tập của cộng đồng là rất quan trọng, quyết định kế hoạch hoạt động của trung tâm.

- *Xác định mục tiêu chương trình hoạt động:* Việc hệ thống hoá những nhu cầu học tập do nhân dân đã đăng ký sẽ giúp cho trung tâm xác định được chương trình hoạt động từng tháng, quý, cả năm, từ đó xác định được mục tiêu từng công việc trong chương trình chung.

- *Sắp xếp thứ tự các hoạt động, các công việc, định ra những vấn đề trọng tâm ưu tiên:* Hầu hết các TTHTCD ở Việt Nam đều gặp khó khăn về tài chính nên buộc phải tính đến những việc chính của trung tâm để giải quyết trước. Những vấn đề thứ yếu có thể liên kết, phối hợp với các tổ chức khác để cùng làm.

- *Tổ chức thực hiện và điều chỉnh công việc:* Việc tổ chức thực hiện chương trình phải quy định thành kế hoạch của từng tháng, từng quý. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều khi lại có những vấn đề mới nảy sinh mà trung tâm không thể bỏ qua. Do vậy, sau một giai đoạn hoạt động, trung tâm phải có sự đánh giá công việc một cách kịp thời và điều chỉnh nội dung, kế hoạch khi cần thiết.

1.4.3. Đặc trưng hoạt động trung tâm học tập cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế giáo dục với những đặc trưng riêng biệt về tổ chức hoạt động so với các thiết chế giáo dục khác.

1.4.3.1. Đặc trưng tổ chức - sự phạm

Việc tổ chức lớp học: Khác với các cơ sở giáo dục chính qui, việc tổ chức lớp học ở TTHTCĐ không theo một qui định cứng nào về thời gian, không gian, người học...Lớp học có thể mở ra bất cứ lúc nào, ở đâu, cho đối tượng nào. Lớp học có thể đông người học, có thể ít người học, với mọi lứa tuổi, nhu cầu học tập khác nhau.

Việc tổ chức hoạt động dạy học: Ở trung tâm học tập cộng đồng việc tổ chức hoạt động dạy học cũng có những nét đặc thù so với các cơ sở giáo dục khác, do tính đặc thù từ phía người dạy, người học và hoạt động của họ qui định.

Người dạy ở trung tâm học tập cộng đồng có thể là những nhà giáo đang đứng lớp hoặc đã về hưu, có thể là những người làm công tác chuyên môn trên các lĩnh vực khác nhau, hoặc đã nghỉ hưu. Người dạy ở trung tâm học tập cộng đồng cũng có thể là những nhà quản lý, nhà khoa học, những doanh nhân, những người thành đạt, những nghệ nhân trên chính quê hương của mình. Do đó, phần lớn người dạy ở trung tâm học tập cộng đồng đều chưa có nghiệp vụ sư phạm, nhất là nghiệp vụ dạy học cho người lớn. Tuy nhiên, những người này lại có một vốn kiến thức chuyên môn, thực tế phong phú, điều mà đông đảo người dân trong cộng đồng cần đến.

Người học ở trung tâm học tập cộng đồng tuy rất đa dạng nhưng chủ yếu là người lớn. Người lớn có một số đặc điểm về thể chất, tâm lý, xã hội và về mặt nhận thức cần phải được lưu ý trong quá trình tổ chức các hoạt động, các chương trình học tập ở TTHTCĐ.

1.4.3.2. Đặc trưng kinh tế - xã hội

Trung tâm học tập cộng đồng là một cơ sở giáo dục không đòi hỏi phải đầu tư nhiều như các cơ sở giáo dục khác, nhưng hiệu quả về kinh tế - xã hội mang lại rất lớn.

Về kinh tế: Trung tâm học tập cộng đồng không đem lại hiệu quả kinh tế trực tiếp như các cơ sở GDTX khác. Hiệu quả kinh tế TTHTCĐ đem lại mang tính gián tiếp, thông qua việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ cho địa phương. Khi người dân, nhất là nông dân được trang bị kiến thức, được nâng cao hiểu biết về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, họ sẽ biết tổ chức lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa ngành nghề, làm gia tăng hiệu quả sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần cho bản thân và cộng đồng.

Về xã hội: Trung tâm học tập cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Muốn phát triển nông nghiệp và nông thôn thì phải có sự giáo dục tốt cho người dân và phải cố gắng đem các ngành nghề khác về cho họ. Thực hiện tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới sẽ tạo ra những chuẩn mực mới, những giá trị mới, đi đôi với việc giữ gìn những nét bản sắc tốt đẹp của làng xã trong bối cảnh có nhiều biến đổi của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Trung tâm học tập cộng đồng là mô hình tối ưu để thực hiện nhiệm vụ đó trên địa bàn xã, phường, thôn, xóm, làng, bản.

1.4.3.3. Đặc trưng quản lý - phối hợp

Hoạt động quản lý ở TTHTCĐ cũng có những điểm riêng biệt so với các cơ sở giáo dục khác. Chủ thể quản lý của trung tâm học tập cộng đồng thường bao gồm các thành phần như: Lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền; đại diện các trường phổ thông, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi... Với sự phong phú về thành phần như vậy nên trình độ quản lý của các chủ thể không đồng nhất. Phần lớn trong số họ không có nghiệp vụ quản lý một cơ sở giáo dục thường xuyên như trung tâm học tập cộng đồng, nhưng họ lại có sự nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng.

Còn khách thể quản lý, ngoài kế hoạch, nội dung, chương trình, lớp học... bản thân người học ở TTHTCĐ cũng rất đa dạng nhưng chủ yếu là người lớn. Họ đến trung tâm với các mục đích nhu cầu khác nhau: có người đến để tìm kiếm kiến thức, có người đến để tham gia một lớp tập huấn ngắn hạn; có người đến chỉ để đọc một cuốn sách... Do đối tượng quản lý như vậy nên công tác quản lý ở TTHTCĐ cũng phải rất linh hoạt, không thể theo phong cách hành chính, mệnh lệnh.

Trung tâm học tập cộng đồng là mô hình giáo dục được tổ chức ở cộng đồng. Vì thế hiệu quả hoạt động của trung tâm cao hay thấp tùy thuộc một phần lớn vào sự phối hợp của trung tâm với các tổ chức, cá nhân trong cộng đồng.

Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng có một số đặc trưng về tổ chức - sự phạm, kinh tế - xã hội, quản lý - phối hợp. Cần phải nắm vững những đặc trưng này trong quá trình quản lý mô hình trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn xã, phường, thị trấn, giúp cho trung tâm học tập cộng đồng hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

1.4.4. Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục hướng tới nhu cầu người học

Quản lý trung tâm học tập cộng đồng là quản lý một mô hình giáo dục có sự đa dạng, phong phú về đối tượng, chương trình và hoạt động giáo dục. Các đối tượng, chương trình và hoạt động giáo dục này lại không đồng nhất như trong giáo dục chính quy. Vì thế, mọi sự rập khuôn, máy móc trong công tác quản lý đều không đem lại hiệu quả mong muốn. Vì vậy, cần phải:

- Cá thể hóa công tác quản lý TTHTCĐ phù hợp với từng đối tượng giáo dục. Đối tượng giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng là tất cả người dân trong cộng đồng. Mọi người, mọi nhà đều có quyền và đều có khả năng tham gia học tập. Mỗi người dân đến TTHTCĐ với những nhu cầu, mục đích, nguyện vọng và hoàn cảnh khác nhau. Đặc điểm về mặt học tập - nhận thức, kinh nghiệm thực tiễn của họ cũng rất khác nhau. Bởi vậy, trong công tác quản lý phải chú ý đầy đủ đến những nét đặc trưng của từng đối tượng để có các tác động phù hợp. Với trung tâm học tập cộng đồng, quản lý phải lấy sự động viên, khuyến khích người học và cộng đồng làm khâu then chốt, có như vậy, trung tâm mới huy động được người học, mới huy động được nhiều nguồn lực từ cộng đồng.

- Cá thể hóa công tác quản lý TTHTCĐ phù hợp với từng chương trình giáo dục. Chương trình giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng rất đa dạng. Mỗi chương trình đòi hỏi một cách quản lý riêng. Công tác quản lý các chương trình ở TTHTCĐ phải được cá thể hóa ở tất cả các khâu: xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với thời gian, địa điểm, người thực hiện và học viên.

- Cá thể hóa công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với từng hoạt động giáo dục. Ở trung tâm học tập cộng đồng thường xuyên diễn ra nhiều hoạt động, như phổ biến kiến thức, báo cáo thời sự, hội họp, mít tinh, đọc sách báo, sinh hoạt văn hóa văn nghệ, tập luyện thể dục thể thao... thu hút sự tham gia của người dân trong cộng đồng. Để các hoạt động này thực sự đem lại hiệu quả, đòi hỏi phải tổ chức, quản lý tốt từng hoạt động. Tùy theo từng loại hình hoạt động mà có cách thức tổ chức, quản lý phù hợp.

1.5. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay

Trong phần này tác giả xác định và phân tích 5 nội dung sau: 1. Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng; 2. Phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng; 3. Quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; 4. Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; và kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

1.5.1. Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng

Vấn đề cần quan tâm giải quyết trong việc xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng là phát huy vai trò và trách nhiệm quản lý theo phân cấp và tháo gỡ những bất cập trong phân công quản lý trung tâm học tập cộng đồng hiện nay.

Muốn trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả, bền vững cần tạo môi trường làm việc và hành lang pháp lý thuận lợi cho công tác quản lý trung tâm. Hiện nay, nhiều địa phương còn lúng túng trong việc điều hành và quản lý các trung tâm học tập cộng đồng bởi sự đang dạng về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của trung tâm, về các nguồn kinh phí cho các hoạt động của trung tâm... Sự phân cấp quản lý trung tâm, quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm còn chưa rõ ràng, thiếu sự thống nhất giữa các địa phương. Lãnh đạo các cấp chính quyền ở một số địa phương chưa tạo điều kiện, cộng đồng xã hội chưa thật sự quan tâm đến việc phát triển trung tâm.

Vì vậy, để trung tâm học tập cộng đồng phát huy được hiệu quả của mình, Sở Giáo dục và Đào tạo cần phải tham mưu chính quyền các cấp xây dựng được cơ chế quản lý, chế độ chính sách cho trung tâm.

Cần tham mưu ban hành các văn bản thống nhất trong chỉ đạo phát triển trung tâm học tập cộng đồng, để nâng cao nhận thức của cấp ủy và chính quyền địa phương đối với giáo dục thường xuyên nói chung và trung tâm học tập cộng đồng nói riêng. Nâng cao

nhận thức của người dân trong cộng đồng về GDTX và TTHTCĐ thông qua nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau. Nâng cao nhận thức về giáo dục thường xuyên trong chính cán bộ ngành giáo dục địa phương. Nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp về tầm quan trọng của giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng để tạo sự chuyển biến trong đầu tư các nguồn lực và chế độ, chính sách cho các cơ sở giáo dục thường xuyên...

Có chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên và phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia vào công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương để tạo động lực thúc đẩy trung tâm phát triển bền vững.

Căn cứ quy chế hoạt động của trung tâm và thực tế địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản chỉ đạo việc tổ chức và quản lý các hoạt động của trung tâm. Cần triển khai và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách mà Trung ương, Thành phố đã ban hành kết hợp bổ sung, hoàn thiện các chế độ chính sách của địa phương. Chính sách, chế độ đối với cán bộ quản lý là yếu tố cực kỳ cần thiết, là đòn bẩy quan trọng tạo ra động lực để họ có nhận thức rằng quản lý TTHTCĐ là một công việc khó, đòi hỏi người cán bộ quản lý phải tâm huyết, phải nỗ lực phấn đấu, đầu tư công sức mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, bởi vậy cần có một chính sách đãi ngộ tương xứng mới động viên, khuyến khích họ làm việc.

Một trong những nguyên nhân chính làm hạn chế sự phát triển và kết quả hoạt động của TTHTCĐ là cơ chế quản lý chưa rõ ràng, chế độ chính sách chưa khuyến khích lao động của cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm; công tác quản lý nhà nước của giám đốc trung tâm tại địa phương quá bận rộn làm hạn chế điều kiện tham dự các lớp bồi dưỡng và tự học ... Công việc ở Ủy ban nhân dân hoặc Đảng ủy đã chiếm rất nhiều thời gian, công sức của người giám đốc trung tâm học tập cộng đồng, ngoài ra lại làm công tác quản lý một mô hình GDTX hoàn toàn mới mẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm là trung tâm học tập cộng đồng. Người cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng hoàn toàn tự nguyện làm việc, không hưởng lương trong công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng, chỉ được hưởng khoản phụ cấp ít ỏi từ nguồn ngân sách. Chính vì vậy, đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng nếu được quan tâm, được đãi ngộ phù hợp chắc chắn sẽ yên tâm công tác và hiệu quả quản lý sẽ cao, bởi vậy chính quyền các cấp cần căn cứ và vận dụng các văn bản Nhà nước đã ban hành, thực tế địa phương để hoàn thiện chính sách đãi ngộ cho cán bộ quản lý nói chung, giám đốc trung tâm học tập cộng đồng nói riêng.

Điều kiện làm việc thuận tiện, điều kiện vật chất tốt là yếu tố rất quan trọng giúp cho người cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ. Tăng cường đầu tư cho giáo dục thường xuyên nói chung, trung tâm học tập cộng đồng nói riêng theo hướng xã hội hóa giáo dục, thực hiện nguyên tắc Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hỗ trợ một phần kinh phí trong ngân sách cho trung tâm học tập cộng đồng chi trả các khoản thù lao,

bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý trung tâm; tạo điều kiện để trung tâm có cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của trung tâm.

Có nguồn tài chính ổn định từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ ban đầu và chi thường xuyên cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động thì chắc chắn các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động đạt hiệu quả cao, đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

Như vậy, nếu có cơ chế quản lý thống nhất, phân công, phân cấp cụ thể, chế độ chính sách phù hợp đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động, công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng sẽ đạt kết quả tốt, trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả hơn.

1.5.2. Phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng

Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, hoạt động dưới sự hỗ trợ giám sát của nhà nước, đồng thời có sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong cộng đồng dân cư. Vì vậy, muốn xây dựng thành công XHHT một trong những yếu tố quan trọng là phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng. Phát triển mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh, Thành phố, chính quyền cấp tỉnh, cơ quan quản lý giáo dục (Sở GD&ĐT) cần đặt sự phát triển mạng lưới TTHTCĐ trong quy hoạch phát triển mạng lưới giáo dục đào tạo địa phương.

Để phát triển mạng lưới TTHTCĐ phải xuất phát từ đặc điểm về vị trí địa lý, phân bố dân cư, cơ cấu nghề nghiệp từng địa phương. Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng mới thực sự phát huy được hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người dân trong cộng đồng.

Trong luận án này xác định vai trò của Sở GD&ĐT trong việc xây dựng quy hoạch mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng và đề cập đến các yếu tố: vị trí địa lý, việc phân bố dân cư và cơ cấu nghề nghiệp để phát triển mạng lưới TTHTCĐ.

- Căn cứ vào vị trí địa lý

Vị trí địa lý có vai trò rất quan trọng trong sự phát triển mạng lưới trường học nói chung và mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng nói riêng. Khi xây dựng qui hoạch mạng lưới TTHTCĐ cần chú ý tới đặc điểm vị trí địa lý để từ đó có những giải pháp phù hợp phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng.

Đối với vùng đô thị: Đô thị là các điểm dân cư tập trung với mật độ cao chủ yếu là lao động phi nông nghiệp, họ sống và làm việc theo phong cách sống văn minh, hiện đại hơn, khoa học và có hiệu quả kinh tế, văn hóa cao. Đô thị là nơi tập trung các cơ quan hành chính của địa phương và là nơi tập trung giao lưu các bộ phận của sản xuất như đầu mối giao thông, buôn bán, sản xuất công nghiệp tập trung. Đô thị không những là nơi tiêu biểu cho sự phát triển, thịnh vượng và văn minh của mỗi quốc gia mà còn là những trung tâm truyền bá văn minh, là đầu tàu thúc đẩy các vùng xung quanh phát triển.

Do đặc điểm địa lý, phần lớn các khu vực đô thị có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu về học tập và bồi dưỡng đòi hỏi cao hơn so với vùng nông thôn, vùng núi. Do vậy, để phát triển hệ thống mạng lưới trường học nói chung và mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng nói riêng cần phải căn cứ vào đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của vùng, với lợi thế là đô thị mặc dù diện tích không rộng nhưng là nơi tập trung nhiều nhất các cơ quan hành chính, chính quyền các cấp, nơi tập trung một lượng rất lớn người có trình độ học vấn cao, nơi có mật độ dân trí cao... hệ thống TTHTCĐ có vai trò rất quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu về học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân trên địa bàn. Từ đó, cần phải qui hoạch phát triển TTHTCĐ sao cho phù hợp với nhu cầu của người dân.

Đối với vùng nông thôn: Giáo dục phải thực hiện tốt mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Giáo dục phải đưa lại cho mọi người, đặc biệt là nhân dân sống ở vùng nông thôn, khả năng tiếp thu nền giáo dục mới, những tri thức về đời sống văn hóa, về xã hội và thiên nhiên, về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, về thế giới mà chúng ta đang sống. Ở nước ta, nông dân chiếm trên 70% số dân và là thành phần dân cư có mức sống thấp. Xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân là một nhiệm vụ trọng yếu của nhà nước ta. Trong khó khăn của nền giáo dục nước ta thì vùng nông thôn là vùng chịu nhiều khó khăn. Việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực trong vùng lãnh thổ này cần có sự nỗ lực của toàn dân và những chính sách phù hợp của nhà nước.

Nông thôn có thu nhập và đời sống thấp hơn, trình độ văn hóa, khoa học công nghệ thấp hơn thành thị và ngay cả trình độ dân chủ, tự do, công bằng xã hội trong một chừng mực nào đó cũng thấp hơn thành thị. Vì vậy, đối với vùng nông thôn việc phát triển trung tâm học tập cộng đồng là rất cần thiết, nhất là trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với các mô hình văn hóa, thể thao, mô hình trung tâm học tập cộng đồng ở thôn, làng, bản sẽ đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của người dân, do đó, cần phải qui hoạch phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng ở vùng này sao cho phù hợp với nhu cầu người dân và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa: Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc, mỗi dân tộc có đặc điểm, tiềm năng kinh tế, bản sắc văn hóa, ngôn ngữ riêng, nhưng cùng có chung truyền thống đoàn kết, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các dân tộc thiểu số ở nước ta hầu hết cư trú và sinh sống ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Đó là những nơi có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế sự phát triển ở vùng này còn rất chậm, chưa đồng đều ở từng vùng, tình trạng khó khăn, nghèo đói vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, vẫn còn chênh lệch về đời sống giữa các vùng, các dân tộc. Tình trạng sản xuất và đời sống của đồng bào nhiều nơi còn khó khăn chưa ổn định; mức sống còn quá thấp, tỷ lệ đói nghèo cao. Tình trạng mù chữ, thất học còn nhiều, cơ sở hạ tầng rất yếu kém; sinh hoạt lạc hậu... Vì vậy, yêu cầu đặt ra là: xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu,

vùng xa; phát triển sản xuất hàng hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng; khuyến khích khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương...

Với đặc điểm trên cho thấy, miền núi, vùng sâu, vùng xa rất cần có các cơ sở giáo dục và các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho người dân tham gia. Phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng sao cho đáp ứng nhu cầu của người dân vùng này là hết sức cần thiết.

- Căn cứ vào phân bố dân cư

Việt Nam là nước đông dân, có nhiều thành phần dân tộc. Nguồn lao động dồi dào, thị trường lao động rộng lớn. Vấn đề đoàn kết dân tộc để tạo nên sức mạnh, đa dạng văn hóa... nhưng vẫn còn chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế nhất là đối với dân tộc ít người, mức sống còn thấp. Sự phân bố dân cư không đồng đều giữa thành thị, nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi... Những đặc điểm của dân số nước ta có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Nước ta có nguồn lao động dồi dào, thị trường lao động rộng lớn. Lao động trẻ, giá nhân công rẻ là động lực thu hút nguồn đầu tư từ nước ngoài.

Do điều kiện tự nhiên và lịch sử, dân số Việt Nam phân bố không cân đối theo các vùng địa lý, kinh tế. Do đó, xác định số dân theo các vùng địa lý - kinh tế có ý nghĩa quan trọng cho việc quy hoạch mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng.

- Căn cứ vào cơ cấu nghề nghiệp

Cơ cấu nghề nghiệp là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về số lượng và chất lượng tương đối ổn định của các nghề nghiệp trong một hệ thống kinh tế - xã hội và trong một khoảng thời gian nhất định. Cơ cấu nghề nghiệp luôn gắn với sự phân công lao động xã hội, thực hiện các chức năng của mình trong khuôn khổ của tổ chức sản xuất xã hội, của tổ chức sản xuất của một ngành nghề nào đó trong nền kinh tế - xã hội. Đặc điểm chủ yếu của sự phân công theo ngành nghề là sự phân công dựa vào 2 tiêu chí: Trình độ tay nghề và điều kiện lao động.

Chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp là sự thay đổi từng bước từ nghề nghiệp này sang nghề nghiệp khác mà không gây ra xáo trộn chuyển đổi nghề nghiệp dưới tác động của quá trình đô thị hóa là quá trình biến đổi nghề nghiệp của lao động từ lao động chủ yếu từ ngành nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ và giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp. Trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp không chỉ đơn thuần chuyển từ ngành nghề này sang ngành nghề khác của người dân mà còn làm thay đổi cơ cấu trong từng ngành, giúp cho các ngành phù hợp với cơ chế hiện nay.

Trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đang thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc đa dạng hóa ngành nghề ở từng vùng, từng địa phương sao cho phù hợp với thực tiễn là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của nền kinh tế. Chính vì vậy việc quy hoạch phát triển mạng lưới trường học nói chung và hệ thống trung tâm học tập cộng

đồng nói riêng có vai trò rất lớn trong sự phát triển nền kinh tế, gắn với phát triển văn hóa, xã hội, đảm bảo việc học của người dân trên địa bàn.

Như vậy, nếu căn cứ vào vị trí địa lý, việc phân bố dân cư và cơ cấu nghề nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố, các cơ quan quản lý sẽ có cơ sở để xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng cho phù hợp với từng vùng, miền, quận, huyện trên địa bàn quản lý.

1.5.3. Quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

1.5.3.1. Quản lý chương trình, nội dung giáo dục

Muốn trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả, thu hút được đông đảo các đối tượng tham gia học tập, đòi hỏi chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp, đáp ứng nhu cầu người học.

Sở Giáo dục và Đào tạo cần định hướng chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, trung tâm học tập cộng đồng thực hiện có chất lượng các nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác XMC và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, củng cố chất lượng phổ cập giáo dục; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân trong cộng đồng; phối hợp triển khai các chương trình khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư và các dự án, chương trình tại địa phương. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, tư vấn khuyến học, giáo dục cho con em nhân dân địa phương, phòng chống tệ nạn xã hội. Điều tra nhu cầu học tập của cộng đồng, xây dựng nội dung và hình thức học tập phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nhóm đối tượng. Như vậy, chương trình giáo dục trong TTHTCĐ rất phong phú, đa dạng, tập trung vào 5 lĩnh vực: Giáo dục pháp luật, giáo dục văn hóa - xã hội, giáo dục sức khỏe, giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục phát triển kinh tế - tăng thu nhập.

Chương trình, nội dung học tập trong các TTHTCĐ đáp ứng nhiều đối tượng người học khác nhau và bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của cộng đồng và người dân. Các nhu cầu học tập này liên tục thay đổi theo từng giai đoạn phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương và phải được đáp ứng với nhiều nhóm đối tượng người học khác nhau. Vì vậy, cần chỉ đạo để mỗi TTHTCĐ cũng phải liên tục cập nhật, điều chỉnh các chương trình, nội dung giáo dục sao cho phù hợp mới có tác dụng động viên người dân tham gia học tập và việc học tập của người dân mới thực sự thiết thực, hiệu quả.

Chương trình, nội dung học tập trong các TTHTCĐ rất linh hoạt, không cứng nhắc như trong cơ sở giáo dục chính quy. Tùy theo nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng địa phương, kết hợp với nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia, của Thành phố từ đó xây dựng chương trình, nội dung học tập phù hợp. Những vấn đề gần gũi, sát thực với quyền lợi, nghĩa vụ của người dân và với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sẽ dễ lôi cuốn người dân hứng thú tham gia.

Để chương trình, nội dung giáo dục phong phú, đa dạng, đáp ứng kịp thời nhu cầu người học, các Sở Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức biên soạn các chương trình, tài liệu phục vụ cho nội dung hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng. Các trung tâm học tập cộng đồng căn cứ vào tài liệu này để triển khai trong cộng đồng. Đồng thời, cần chỉ đạo các cơ quan, ban ngành địa phương, TTHTCĐ, điều tra thường xuyên nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn, từ đó biên soạn chương trình, tài liệu phù hợp với nhu cầu học tập người dân.

1.5.3.2. Quản lý chất lượng hoạt động trong trung tâm học tập cộng đồng

Quản lý chất lượng hoạt động giáo dục luôn là vấn đề quan trọng của các trung tâm học tập cộng đồng. Trung tâm học tập cộng đồng được thành lập do nhu cầu của cộng đồng, vì cộng đồng. Vì vậy chỉ khi trung tâm học tập cộng đồng hoạt động thực sự hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng thì TTHTCĐ đó mới khẳng định được chất lượng của mình. Để quản lý chất lượng hoạt động giáo dục của TTHTCĐ, bên cạnh sự quản lý trong nội bộ trung tâm, cần có sự chỉ đạo, quản lý từ các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Nói đến chất lượng hoạt động giáo dục của TTHTCĐ cần xem xét đến chất lượng của từng khóa học, từng chuyên đề được tổ chức trong trung tâm. Chất lượng đó sẽ được xem xét trên góc độ là khối lượng kiến thức, kỹ năng mà khóa học đó cung cấp, mức độ nắm và sử dụng các kiến thức và kỹ năng của người học sau khi kết thúc khóa học, kết thúc chuyên đề. Một trung tâm học tập cộng đồng hoạt động giáo dục có chất lượng và hiệu quả là trung tâm tuyên bố rõ ràng được mục đích của mình và đạt được mục đích đó một cách hiệu quả và hiệu suất nhất.

Quá trình hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng bao gồm các nhân tố sau tạo thành: Mục tiêu các hoạt động; nội dung các hoạt động; phương pháp, phương tiện để tổ chức hoạt động; lực lượng giáo viên, hướng dẫn viên và cộng tác viên trung tâm; lực lượng học viên; kết quả các hoạt động.

Quản lý chất lượng hoạt động giáo dục TTHTCĐ tập trung vào một số lĩnh vực như: Về lĩnh vực kinh tế; về lĩnh vực y tế; phổ biến chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước; Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chủ trương mới của Nhà nước và của địa phương; tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân...; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng...

Để đánh giá chất lượng hoạt động giáo dục trong trung tâm học tập cộng đồng cần quan tâm đến kết quả tổ chức các lớp học và các lớp chuyên đề tại TTHTCĐ hoặc tại các thôn/xóm/bản/ấp tổ dân phố; tổng số lớp học, chuyên đề đã tổ chức trong năm; tỷ lệ người dân tham gia học tập các lớp học, chuyên đề trong năm. Đảm bảo thực hiện đủ 5 lĩnh vực nội dung (kinh tế; văn hóa-xã hội; pháp luật; môi trường; sức khỏe) đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững ở cộng đồng.

Như vậy, để quản lý chất lượng hoạt động giáo dục trong trung tâm học tập cộng đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo cần phải xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá rõ

ràng, mạch lạc với những chỉ số được lượng hóa, nêu rõ phương thức đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng trung tâm học tập cộng đồng.

1.5.3.3. Quản lý đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Quản lý TTHTCĐ là tập hợp những tác động tối ưu của chủ thể quản lý đến tập thể lãnh đạo, giáo viên, hướng dẫn viên, học viên... nhằm thực hiện có chất lượng mục tiêu, kế hoạch hoạt động của trung tâm trên cơ sở tận dụng các tiềm lực về vật chất, tinh thần của trung tâm, của học viên và của cộng đồng xã hội. Đây chính là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên đến tập thể lãnh đạo, giáo viên, hướng dẫn viên, các thành viên trong trung tâm để chính họ tác động đến học viên nhằm thực hiện mục tiêu của trung tâm.

Trong quản lý TTHTCĐ người giám đốc trung tâm có vai trò rất quan trọng, trong luận án này đề cập đến quản lý của Sở GD&ĐT đối với giám đốc trung tâm học tập cộng đồng.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội Khuyến học cấp tỉnh xác định rõ mục tiêu quản lý trung tâm học tập cộng đồng đối với lãnh đạo TTHTCĐ là: Mục tiêu về số lượng (số lượt học viên tham gia các hoạt động; số các chuyên đề, lớp học, hoạt động được tổ chức tại trung tâm; số giáo viên hợp tác ổn định với trung tâm...); Mục tiêu về chất lượng (hiệu quả của các hoạt động được tổ chức tại trung tâm; lợi ích thiết thực đem lại cho người dân; tác động thiết thực đến cộng đồng...); Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng cho các hoạt động, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phẩm chất; Làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục: huy động cộng đồng (các ban ngành, tổ chức, cá nhân có sự quan tâm đến TTHTCĐ...) tham gia vào việc xây dựng quản lý và phát triển trung tâm; Cải tiến công tác quản lý, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý.

Xác định rõ Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về mọi hoạt động của trung tâm. Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là người quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của lãnh đạo, bao gồm: Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của TTHTCĐ; xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của trung tâm, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của lãnh đạo, giáo viên, hướng dẫn viên của trung tâm; tuyên truyền vận động mọi thành viên của cộng đồng tham gia các hoạt động của trung tâm; huy động các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng để duy trì và phát triển các hoạt động của trung tâm; quản lý tài chính, cơ sở vật chất của trung tâm; xây dựng nội quy của trung tâm giúp cho trung tâm hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, các quy định của quy chế và các quy định của pháp luật hiện hành.

Để giúp giám đốc trung tâm học tập cộng đồng hoàn thành được nhiệm vụ của mình, các cấp quản lý giáo dục cần quan tâm đến năng lực của giám đốc trung tâm:

Năng lực quản lý của giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là sự tổng hợp các năng lực sau: Năng lực kế hoạch hóa là một chức năng quan trọng của công tác

quản lý TTHTCĐ đồng thời cũng là một năng lực cần phải có của giám đốc trung tâm học tập cộng đồng. Đó là năng lực lập kế hoạch và tổ chức chỉ đạo thực hiện có kết quả các kế hoạch của trung tâm. Năng lực kế hoạch hóa là nội dung quan trọng cấu thành năng lực quản lý của giám đốc trung tâm, có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định và phát triển của trung tâm.

Năng lực tổ chức chính là thuộc tính bên trong, thuộc tính cơ bản của nhân cách cán bộ quản lý và quyết định thành quả của hoạt động quản lý. Năng lực tổ chức của người giám đốc TTHTCĐ được thể hiện ở năng lực huy động và sử dụng các nguồn nhân lực, tài lực, vật lực vào việc thực hiện có kết quả mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra của trung tâm.

Năng lực chỉ đạo của giám đốc TTHTCĐ thể hiện: Điều hành công việc có quy củ, nền nếp, có kỷ cương, trật tự; biết tập trung giải quyết khâu cơ bản, những vấn đề tồn tại, yếu kém; hướng dẫn những người dưới quyền làm tốt nhiệm vụ được giao; nhạy bén trong việc giải quyết kịp thời các tình huống quản lý; theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị, tổ chức phối hợp để kịp thời đưa ra ý kiến chỉ đạo bổ sung; tổ chức công tác huy động các nguồn lực và phối hợp các nguồn lực trong và ngoài trung tâm; phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo, chủ động của những người dưới quyền điều hành; biết đúc kết kinh nghiệm để phát triển bằng các quyết định khen chê kịp thời, công bằng.

Năng lực kiểm tra của giám đốc trung tâm học tập cộng đồng thể hiện: Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra; đề ra mục đích, yêu cầu nội dung kiểm tra rõ ràng; xây dựng chuẩn đánh giá phù hợp; đề ra hình thức, phương pháp kiểm tra phù hợp với mục đích, yêu cầu nội dung kiểm tra; thu thập thông tin và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết; đánh giá công bằng, khách quan; biết điều chỉnh công tác quản lý sau kiểm tra; trong quá trình quản lý, người giám đốc trung tâm cần lưu ý đến các hình thức kiểm tra đột xuất, định kỳ và kiểm tra thường xuyên.

1.5.3.4. Quản lý cơ sở vật chất

Một trong những khó khăn hiện nay đối với hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng là điều kiện cơ sở vật chất được đầu tư ít, chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức hoạt động thường xuyên của trung tâm. Vấn đề đặt ra là quản lý cơ sở vật chất trung tâm học tập cộng đồng như thế nào để trung tâm hoạt động hiệu quả. Trong luận án này đề cập đến vai trò của Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tham mưu đầu tư cơ sở vật chất và chỉ đạo quản lý cơ sở vật chất đối với các trung tâm học tập cộng đồng.

Ngay sau khi được thành lập, cần bố trí trung tâm học tập cộng đồng có cơ sở vật chất và các thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động của trung tâm trên cơ sở đầu tư, trang bị mới hoặc tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có trên địa bàn cấp xã. Bố trí trung tâm có địa điểm làm việc riêng (phòng làm việc riêng hoặc trụ sở riêng), trụ sở làm việc phải được trang bị những thiết bị tối thiểu như: bàn ghế làm việc, máy tính kết nối mạng, các trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, chuyên đề, thư viện, sách, báo, tạp chí...

Quản lý cơ sở vật chất là tác động có mục đích của người quản lý nhằm xây dựng, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đặc lực cho công tác giáo dục tại TTHTCĐ. Kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ rõ: cơ sở vật chất chỉ phát huy được tác dụng tốt trong việc giáo dục và đào tạo khi được quản lý tốt. Chính vì vậy, đi đôi với việc đầu tư trang bị, điều quan trọng hơn hết là phải chú trọng đến việc quản lý cơ sở vật chất trong trung tâm học tập cộng đồng.

Người quản lý cần nhận thức rõ và nắm vững các yêu cầu sau: Cơ sở lý luận và thực tiễn về lĩnh vực quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Hiểu rõ đòi hỏi của chương trình giáo dục và những điều kiện cơ sở vật chất cần phải có để thực hiện chương trình giáo dục trong trung tâm học tập cộng đồng. Biết huy động mọi tiềm năng có thể về cơ sở vật chất, thiết bị trong và ngoài trung tâm để phục vụ cho công việc. Có biện pháp tập trung mọi tiềm năng vật chất vào hướng thống nhất là đảm bảo cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ.

Nguyên tắc chung quản lý cơ sở vật chất: Trang bị đầy đủ và đồng bộ các phương tiện cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động giáo dục của TTHTCĐ. Bố trí hợp lý các yếu tố của cơ sở vật chất trong khu vực trung tâm, trong lớp học, trong các loại phòng chức năng; bố trí hợp lý địa điểm của trung tâm trong khu vực dân cư, phù hợp với quy hoạch tổng thể của địa phương nhằm làm cho quá trình giảng dạy giáo dục của giáo viên và học tập của học viên diễn ra có hiệu quả, tiết kiệm thời gian và sức người nhất. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục. Tổ chức tốt việc bảo vệ, bảo dưỡng và bảo trì cơ sở vật chất của trung tâm.

1.5.3.5. Quản lý đầu tư tài chính

Trong cơ chế thị trường hiện nay ở Việt Nam, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đang phát triển theo hướng xã hội hóa và đa dạng hóa mục tiêu, chương trình, loại hình trường lớp và các loại hình giáo dục, đào tạo nhằm mục đích nâng cao trình độ dân trí của toàn thể dân cư trong xã hội. Đối với TTHTCĐ, Sở Giáo dục và Đào tạo cần tham mưu lãnh đạo tỉnh, thành phố hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các trung tâm khi mới thành lập và kinh phí chi hoạt động thường xuyên.

- Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị ban đầu: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần cho các trung tâm mới thành lập để mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, trang thiết bị, đồ dùng, sách giáo khoa tài liệu phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên: Hỗ trợ kinh phí chi trả phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ tham gia vào công tác quản lý trung tâm; Mức trả phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia vào công tác quản lý trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định tùy thuộc và điều kiện kinh tế xã hội, khả năng ngân sách của địa phương. Đối với TTHTCĐ thuộc các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định được ngân sách hỗ trợ kinh phí mua sắm bổ sung tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập.

- Ngoài ra các trung tâm được tham gia thực hiện các chương trình dự án phổ cập giáo dục, tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... và các chương trình dự án khác ở địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước bố trí cho từng dự án theo phương thức đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ.

Nguồn kinh phí hỗ trợ: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các trung tâm được cân đối trong ngân sách địa phương từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề hàng năm và do địa phương thực hiện theo phân cấp ngân sách phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Hàng năm, căn cứ chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, các trung tâm lập dự toán kinh phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt mức ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các TTHTCĐ.

Các trung tâm học tập cộng đồng chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ đúng chế độ, thực hiện quy chế công khai tài chính. Tăng cường nguồn tài chính, cơ sở vật chất cho TTHTCĐ.

Hiện nay, hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ chưa cao, hiệu quả quản lý của giám đốc trung tâm còn nhiều hạn chế. Một phần do điều kiện làm việc của Giám đốc các trung tâm còn thiếu thốn, chưa đồng bộ: cơ sở vật chất thường là tận dụng hoặc sử dụng chung với Ủy ban nhân dân xã, phường; các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động như hệ thống âm thanh, loa đài, bàn ghế... mới chỉ dừng ở mức tối thiểu; các trang thiết bị tương đối hiện đại hầu như không có. Nguồn kinh phí cho các hoạt động của trung tâm rất hạn hẹp. Để nguồn tài chính của TTHTCĐ được ổn định, cơ sở vật chất được đảm bảo thì cần phải tăng cường đầu tư cho trung tâm theo hướng xã hội hoá giáo dục, thực hiện nguyên tắc nhà nước và nhân dân cùng làm. Huy động các nguồn kinh phí cho trung tâm từ các chương trình, dự án đầu tư cho địa phương có liên quan đến các hoạt động của trung tâm. Có nguồn tài chính ổn định từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ ban đầu và chi thường xuyên cho các trung tâm hoạt động chính theo quy định hiện hành.

1.5.4. Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Công nghệ thông tin ra đời phát triển và đang được ứng dụng hết sức rộng rãi trong tất cả các ngành, nghề và trọng mọi lĩnh vực của cuộc sống. Trong giáo dục và đào tạo nói chung và trong giáo dục cộng đồng nói riêng, công nghệ thông tin vừa là đối tượng vừa là công cụ.

Với đặc điểm của giáo dục cộng đồng, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Xét về mặt quản lý tổng thể, chúng ta thấy chất lượng, hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng phụ thuộc rất lớn vào vấn đề quy hoạch mạng lưới các trung

tâm học tập cộng đồng. Tuy nhiên, việc quy hoạch mạng lưới phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, tham số cần xử lý để đưa ra được một quy hoạch hợp lý. Hơn nữa, việc quản lý mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng đòi hỏi phải xây dựng được một cơ sở dữ liệu thống nhất, đa dạng về dữ liệu. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin thì điều này trở nên đơn giản hơn nhiều so với làm thủ công. Hơn nữa, công nghệ thông tin sẽ giúp cơ quan quản lý trong việc mô tả mạng lưới quy hoạch theo nhiều dạng khác nhau, đảm bảo tính trực quan, cập nhật nhờ sự hỗ trợ của đa phương tiện.

Xét về góc độ quản lý ở các trung tâm học tập cộng đồng, công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ tốt cho công tác quản lý thông tin, xử lý dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định nhằm tăng hiệu quả quản lý. Ngoài ra công nghệ thông tin là một trong các công cụ hết sức hữu ích cho công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và quảng bá hình ảnh của các trung tâm học tập cộng đồng. Điều này hết sức phù hợp, hữu ích đối với loại hình giáo dục này.

Không chỉ giúp nâng cao hiệu quả trong quản lý, công nghệ thông tin còn là công cụ quan trọng giúp nâng cao chất lượng giảng dạy. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy của giáo viên là hết sức cần thiết, trở thành một xu thế tất yếu đối với giáo viên nói chung và giáo viên giảng dạy tại các trung tâm học tập cộng đồng nói riêng.

Với vai trò và tầm quan trọng của công nghệ thông tin như đã trình bày ở trên, các nhà quản lý cần phải quan tâm chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng để phát triển hệ thống các trung tâm cộng đồng đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội nói chung và giáo dục nói riêng. Một số nội dung cơ bản cần tập trung chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng:

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên TTHTCD về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học để cán bộ, nhân viên, giáo viên hiểu và có trách nhiệm, tự giác trong việc triển khai ứng dụng.
- Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để họ có đủ khả năng triển khai ứng dụng và đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ cho việc quản lý và dạy học.
- Đầu tư phần mềm, trang thiết bị Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cho việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên.
- Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin.

1.5.5. Kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Kiểm tra là quá trình đánh giá và điều chỉnh nhằm đảm bảo cho các hoạt động đạt tới các mục tiêu của tổ chức. Đánh giá có liên quan chặt chẽ với kiểm tra, dựa vào kiểm tra và là kết quả của kiểm tra. Trung tâm học tập cộng đồng là mô hình giáo dục mới, hoạt động theo phương thức giáo dục không chính quy nên việc kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm về quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động của trung tâm càng

cần được coi trọng. Khi kiểm tra, đánh giá xếp loại trung tâm học tập cộng đồng tập trung vào các nội dung sau:

1.5.5.1. Điều kiện hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng:

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và Chính quyền: Nội dung phát triển trung tâm học tập cộng đồng được lồng ghép vào trong các nghị quyết, kế hoạch hàng năm của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã; chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể... phối hợp, liên kết với trung tâm học tập cộng đồng; kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của trung tâm; cấp kinh phí từ ngân sách xã hàng năm cho trung tâm học tập cộng đồng.

Cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên trung tâm học tập cộng đồng: Ban Giám đốc bảo đảm đúng cơ cấu theo quy định và thường xuyên tham mưu tốt với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; Ban Giám đốc có năng lực quản lý TTHTCD và được tham gia tập huấn, bồi dưỡng hàng năm; giáo viên, báo cáo viên có năng lực về chuyên môn, về phương pháp hướng dẫn người lớn học và được tham gia tập huấn, bồi dưỡng hàng năm; điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của người dân được tổ chức hàng năm; kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý, năm được xây dựng chi tiết, rõ ràng, khả thi và phù hợp với nhu cầu người dân và yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Sự liên kết, phối hợp trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng: Các ban, ngành, đoàn thể tham gia xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý, năm của trung tâm; các ban, ngành, đoàn thể tham gia vào việc triển khai kế hoạch của trung tâm; các ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ trung tâm về cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, kinh phí...

Sự tham gia, làm chủ của cộng đồng, người dân: Người dân tích cực tham gia học tập và chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết với mọi người trong cộng đồng; người dân cung cấp thông tin, tham gia điều tra, khảo sát về nhu cầu học tập của cộng đồng làm căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động của TTHTCD; người dân đóng góp kinh phí, cơ sở vật chất, ngày công lao động...

Cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính: Có trụ sở, phòng làm việc của ban giám đốc và phòng học (riêng hoặc chung); có thư viện, tủ sách; có các phương tiện dạy-học, phương tiện nghe, nhìn và có máy tính được kết nối Internet; có mạng lưới các điểm sinh hoạt, lớp học tại các thôn, xóm, tổ dân phố, cụm dân cư...; kinh phí bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch đã đề ra và được huy động từ nhiều nguồn khác nhau.

1.5.5.2. Kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Kết quả tổ chức các lớp học và các lớp chuyên đề: Tổng số lớp học, chuyên đề đã tổ chức trong năm; tỷ lệ người dân tham gia học tập các lớp học, chuyên đề trong năm; đảm bảo thực hiện đủ các lĩnh vực của đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu về phát triển bền vững ở cộng đồng.

Kết quả tổ chức hoạt động: Tổng số hoạt động đã tổ chức, tỷ lệ người tham gia các hoạt động mà trung tâm học tập cộng đồng đã tổ chức trong năm.

Kết quả tổ chức đọc sách báo, sử dụng Internet hoặc tư vấn cho người dân tại trung tâm: Số người đọc, mượn sách báo tại thư viện, tủ sách trung tâm hàng năm; số người sử dụng Internet tại trung tâm hàng năm; số người được tư vấn tại trung tâm hàng năm;

1.5.5.3. Tác động hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng:

Góp phần phát triển kinh tế, tăng thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người hàng năm; tỷ lệ hộ nghèo; số lượng người dân có việc làm.

Góp phần phát triển văn hóa- xã hội: Tỷ lệ biết chữ (độ tuổi 15 - 60); tỷ lệ gia đình được công nhận “Gia đình học tập”; tỷ lệ nam và nữ tham gia học tập tại TTHTCĐ; bình đẳng giới trong gia đình; tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”.

Góp phần đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội: An ninh, chính trị ổn định; tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật giảm; dân chủ ở cơ sở được đảm bảo.

Góp phần bảo vệ môi trường: Tình trạng ô nhiễm môi trường; rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý; cảnh quan môi trường.

Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng: Vệ sinh an toàn thực phẩm; các dịch bệnh (cho người và vật nuôi cây trồng); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi không bị suy dinh dưỡng và được tiêm chủng.

Trong quá trình kiểm tra, đánh giá cần theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các trung tâm học tập cộng đồng tự xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của trung tâm theo từng tháng, quý để kịp thời uốn nắn những lệch lạc, giải quyết những khó khăn, vướng mắc cụ thể của trung tâm tại cơ sở. Sau một chương trình học tập hay một hoạt động, trung tâm cần đánh giá kết quả học tập của người học. Đánh giá một chương trình, một khóa học có những yêu cầu về mục tiêu cụ thể, từ mục tiêu cần đưa ra một số tiêu chí đánh giá theo từng yêu cầu về kỹ năng, kiến thức hành dụng và người học có thể áp dụng được những kiến thức đó vào cuộc sống hàng ngày.

Kết quả kiểm tra đánh giá là cơ sở giúp trung tâm học tập cộng đồng tiến hành sơ kết, tổng kết theo định kỳ hàng năm, qua đó trung tâm đánh giá những việc đã làm được, những việc chưa làm được, điều chỉnh nội dung hoạt động, xây dựng những chương trình hoạt động cho phù hợp với đối tượng, với tình hình thực tế địa phương.

1.5.6. Phân cấp quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, việc phân cấp quản lý TTHTCĐ được thực hiện như sau:

1.5.6.1. Quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo và các chính sách cụ thể của địa phương đối với xây dựng xã hội học tập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức xã hội trong tỉnh để mở các lớp học chuyên đề, các lớp tập huấn thuộc chương trình, dự án có liên quan; tổ chức biên soạn tài liệu để phục vụ các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý trung tâm học tập cộng đồng cho đội ngũ cán bộ cốt cán.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hội Khuyến học cấp tỉnh, chỉ đạo các hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

1.5.6.2. Quản lý của Hội Khuyến học cấp tỉnh

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền cấp tỉnh về chủ trương, giải pháp và cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để duy trì hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các cơ sở giáo dục, các cá nhân, tổ chức, đoàn thể xã hội trong việc vận động người học, hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập cho các trung tâm, tham gia giảng dạy tại các trung tâm học tập cộng đồng.

1.5.6.3. Quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện về chủ trương, biện pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các TTHTCD hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo về nội dung và các hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

- Hỗ trợ nguồn nhân lực cho các trung tâm học tập cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trung tâm học tập cộng đồng.

1.5.6.4. Sự phối hợp của các cơ sở giáo dục

Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện và các trường tiểu học, trung học cơ sở có trách nhiệm tư vấn; chọn, điều động giáo viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ; biên soạn tài liệu cho trung tâm học tập cộng đồng.

1.5.6.5. Quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tham mưu Hội đồng nhân dân cấp xã trong việc cân đối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng, kê cả chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng.

- Trực tiếp quản lý về tổ chức, nhân sự, nội dung và kế hoạch hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

- Tạo điều kiện để trung tâm học tập cộng đồng hoạt động theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Phối hợp với các trường tiểu học, trung học cơ sở, Hội Khuyến học cấp xã, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đoàn thể quần chúng trên địa bàn và các tổ chức khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư hỗ trợ hoạt động của TTHTCD.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý trung tâm học tập cộng đồng

1.6.1. Chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương

Trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế giáo dục được tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn, vì vậy công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng phụ thuộc rất lớn vào sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy và sự chỉ đạo, tạo điều kiện của chính quyền địa phương. Có thể nói sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương là nhân tố quan trọng đảm bảo cho công tác quản lý cũng như

các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng phát triển đúng hướng và nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng thực sự nhu cầu học tập của người dân.

1.6.2. Năng lực của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng là những người tổ chức, giám sát, điều hành các hoạt động của trung tâm. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, người cán bộ trung tâm học tập cộng đồng cần phải có những năng lực cần thiết để tổ chức các hoạt động của trung tâm, trước hết là năng lực quản lý, điều hành.

Trong các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng thì năng lực cán bộ quản lý TTHTCĐ có ý nghĩa quan trọng nhất. Trung tâm học tập cộng đồng có hoạt động được hay không, hoạt động như thế nào, nội dung hoạt động, chất lượng hoạt động ra sao, có thực sự là nơi mà người dân cần gì học nấy, thiếu đâu học đấy, là trường học của nhân dân hay không, điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực của người cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

1.6.3. Chương trình, nội dung hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Người dân đến với trung tâm học tập cộng đồng là để được đáp ứng nhu cầu của mình về một hay nhiều lĩnh vực nào đó mà họ quan tâm. Vì vậy, nếu chương trình, nội dung các chuyên đề tổ chức trong trung tâm dập khuôn, máy móc, áp đặt thì chắc chắn không thu hút được người dân đến học tập. Để đáp ứng được nhu cầu của người dân, cần phải điều tra, xác định rõ nội dung người dân cần học tập, bồi dưỡng từ đó xây dựng chương trình, nội dung cho phù hợp. Chính vì lẽ đó vấn đề tổ chức chuyên đề nào, nội dung học tập như thế nào là nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý TTHTCĐ, nhất là việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm.

1.6.4. Nhu cầu học tập thường xuyên của người dân

Tham gia học tập các chương trình trong trung tâm học tập cộng đồng là hoàn toàn tự nguyện của người dân trong cộng đồng. Mỗi người đến với trung tâm học tập cộng đồng với một nhu cầu, mục đích riêng của mình, song đều hướng tới một điểm chung đó là mong muốn được bồi dưỡng, cập nhật thêm kiến thức, kỹ năng, sự hiểu biết về nhiều lĩnh vực mà mình cần. Chính vì vậy, việc khơi dậy lòng hiếu học, nhu cầu học tập thường xuyên, liên tục của người dân là nhân tố không thể thiếu đối với công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

1.6.5. Vấn đề xã hội hóa nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính) phục vụ cho hoạt động

Nguồn lực phục vụ cho các hoạt động của TTHTCĐ chủ yếu dựa vào cộng đồng. Hàng năm, ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động của trung tâm rất hạn chế. Vì vậy, vấn đề xã hội hóa trong hoạt động của trung tâm là rất quan trọng. Cần phải huy động nguồn lực từ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương, từ sự đóng góp của học viên, nhất là lòng hảo tâm của các cá nhân trong cộng đồng. Để quản lý tốt TTHTCĐ, nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm thì vấn đề huy động nguồn lực trong cộng đồng là rất cần thiết.

Kết luận chương 1

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy: Học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập đang là một xu thế phát triển của các quốc gia trên thế giới, nhất là trong thời đại ngày nay, thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thời đại của nền kinh tế tri thức, hội nhập, toàn cầu hóa. Xác định rõ tầm quan trọng của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, nhiều quốc gia trên thế giới trong những năm qua đã đưa ra những mô hình giáo dục, thiết chế giáo dục phù hợp để tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ có thể tham gia học tập thường xuyên, liên tục, học tập ở mọi lúc, mọi nơi. Trung tâm học tập cộng đồng chính là mô hình giáo dục đáp ứng xu hướng phát triển đó của giáo dục.

Nghiên cứu xu thế phát triển giáo dục và bối cảnh đổi mới hiện nay đã cho thấy sự phát triển nhanh chóng và tốc độ của khoa học công nghệ, sự phát triển toàn diện của nền kinh tế tri thức, những vấn đề toàn cầu hóa và quan hệ kinh tế quốc tế, cũng như giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu đòi hỏi nhân loại phải nhanh chóng tiếp cận tri thức mới, phải được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, học trong nhà trường, học ngoài nhà trường. Đây là những đặc điểm nổi bật chi phối sự phát triển hệ thống trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Các nghiên cứu về xây dựng XHHT, trung tâm học tập cộng đồng cho thấy, trên thế giới và ở Việt Nam, mô hình trung tâm học tập cộng đồng đang trong quá trình vừa phát triển vừa hoàn thiện đã và đang đặt ra cho những người làm công tác quản lý yêu cầu vừa phải nhanh chóng phát huy tác dụng của hệ thống TTHTCĐ trong thực tiễn, vừa phải tiếp tục nghiên cứu để cải tiến tối ưu hoá cho mô hình mới mẻ này. Xây dựng và phát triển bền vững trung tâm học tập cộng đồng là một yêu cầu tất yếu, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời của mọi người dân trong bối cảnh của một XHHT. Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý hỗ trợ của Nhà nước, đồng thời phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của người dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển các trung tâm theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm, vì vậy cần phải xác định rõ, phương thức quản lý trung tâm học tập cộng đồng là sự tổng hợp hai hình thức quản lý: quản lý công và tự quản. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng là quản lý một thiết chế giáo dục của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng. Đồng thời, quản lý trung tâm học tập cộng đồng là quản lý một thiết chế giáo dục với những đặc trưng riêng biệt về tổ chức và hoạt động so với các thiết chế giáo dục khác. Vì thế, việc quản lý TTHTCĐ phải hết sức linh hoạt, mềm dẻo, thích ứng nhu cầu của cộng đồng, vì cộng đồng trong tất cả các khâu từ xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức hoạt động... đồng thời phải chú ý đến các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

Nghiên cứu nội dung quản lý trung tâm học tập cộng đồng đã khẳng định: Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách cho trung tâm học tập cộng đồng; Phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng; Quản lý hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, quản lý nội dung giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý cơ sở vật chất, đầu tư tài chính; Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của TTHTCĐ; Công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng là những nội dung cơ bản của quản lý trung tâm học tập cộng đồng..

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, hệ thống giáo dục nước ta đang từng bước được đổi mới. Vấn đề xây dựng XHHT, quản lý trung tâm học tập cộng đồng đã và đang được quan tâm, tập trung nghiên cứu. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu của các tác giả mới chỉ đề cập đến vấn đề chung nhất của xây dựng XHHT, trung tâm học tập cộng đồng, còn cơ chế quản lý, mô hình hoạt động của TTHTCĐ thì chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu một cách đầy đủ, hệ thống. Đối với thành phố Hà Nội, với đặc thù Thủ đô, cần phải có những nghiên cứu hệ thống, đầy đủ, sát hợp về mô hình hoạt động, cơ chế quản lý, đánh giá thực trạng quản lý TTHTCĐ, từ đó đề ra những giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ. Đây là đòi hỏi cần giải quyết đối với việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY

2.1. Khái quát về xây dựng và quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam

2.1.1. Những yêu cầu về xây dựng xã hội học tập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay

Những năm cuối thế kỷ XX và nhất là những năm đầu thế kỷ XXI, Đảng, Nhà nước đã ban hành rất nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm định hướng việc xây dựngXHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định: “Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính qui và không chính qui, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập”; “Tạo điều kiện cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời” [30].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tiếp tục xác định: “Phấn đấu xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân và vì dân... chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời”[33].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI: “Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời”[35]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI: “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập” [34].

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục, đào tạo trên cả ba phương diện: động viên các nguồn lực trong xã hội; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện để người dân được học tập suốt đời” [36].

Luật Giáo dục 2005: *"Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên", "Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên, được tổ chức tại xã, phường, thị trấn"* [84].

Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (12/2001): “Phát triển giáo dục thường xuyên tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình; bước đầu hình thành xã hội học tập”[17]. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 tiếp tục khẳng định: “Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách” [18].

Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ xác định rõ: "Phát triển bền vững và nhân rộng trung tâm học tập cộng đồng trên các địa bàn xã, phường, thị trấn trong cả nước nhằm thực hiện các chương trình xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và các chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học trong cộng đồng dân cư..." [16].

Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020” nêu: TrongXHHT, mọi cá nhân có trách nhiệm học tập thường xuyên, suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để làm người công dân tốt; có nghề, lao động với hiệu quả ngày càng cao, học cho bản thân và những người xung quanh hạnh phúc; học để góp phần phát triển quê hương, đất nước và nhân loại. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cộng đồng dân cư và gia đình có trách nhiệm cung ứng các cơ hội học tập và tạo điều kiện thuận lợi để mọi người được học tập suốt đời. Xây dựng XHHT dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên; đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời ở ngoài nhà trường [114].

Quyết định số 281/QĐ-TTg, ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” xác định: Đẩy mạnh các hoạt động học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng qua việc xây dựng và triển khai các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập”, góp phần xây dựng xã hội học tập... Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ, góp phần đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng [115].

Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 24/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời; được phổ biến kiến thức và sáng kiến kinh nghiệm trong sản xuất và cuộc sống góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng; là nơi thực hiện việc phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật đến với mọi người dân”[9].

Thông tư số 96/2008/TT-BTC, ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các TTHTCĐ. Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập cấp xã”.

Các văn bản của Đảng và Nhà nước đã định hướng chiến lược cho việc xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Định rõ mục tiêu, giải pháp, cơ chế chính sách trong việc triển khai xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong cả nước. Đó là cơ sở pháp lý, là yêu cầu quan trọng để các cấp, các ngành xây dựng, triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

2.1.2. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam

Sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển ở Việt Nam, đến nay TTHTCĐ đã có mạng lưới hình thành rộng khắp cả nước. Từ 10 trung tâm được xây dựng thí điểm với sự hỗ trợ kinh phí của Nhật Bản (năm học 1998-1999), đến nay (năm học 2015-2016) cả nước đã có 11057 TTHTCĐ trên 11164 xã, phường, thị trấn, đạt tỷ lệ 99,04% xã, phường, thị trấn trong cả nước.

Bảng 2.1. Tình hình phát triển của TTHTCĐ cả nước

Năm học	1998 1999	1999 2000	2000 2001	2001 2002	2002 2003	2003 2004	2004 2005	2005 2006	2006 2007
Số lượng TTHTCĐ	10	78	155	370	1409	3567	5331	7384	8340
Năm học	2007 2008	2008 2009	2009 2010	2010 2011	2011 2012	2012 2013	2013 2014	2014 2015	2015 2016
Số lượng TTHTCĐ	9010	9410	9990	10696	10826	10877	10947	10992	11057

(Nguồn: Vụ Giáo dục thường xuyên)

Qua số liệu thống kê trên cho thấy: đến năm học 2015-2016, số lượng trung tâm đã hầu hết phủ kín các xã, phường, thị trấn cả nước (đạt 99,04%). Tuy mới được hình thành và phát triển từ năm 1999 đến nay, nhưng TTHTCĐ được đánh giá là mô hình giáo dục có hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục cho mọi người và xây dựng xã hội học tập, là mô hình giáo dục có tác dụng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và góp phần phát triển cộng đồng bền vững.

Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên, cộng tác viên:

Theo nguồn từ Vụ GDTX, Bộ GD&ĐT, hiện cả nước có 31.679 cán bộ quản lý, hầu hết các TTHTCĐ đều có đủ đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ, nhiều địa phương đã cử giáo viên biệt phái làm việc cho TTHTCĐ để tăng cường nhân lực hỗ trợ trung tâm, đã có 8.735 giáo viên phổ thông biệt phái và 73.498 cộng tác viên, báo cáo viên tham gia tổ chức hoạt động thường xuyên tại TTHTCĐ. Các tỉnh có giáo viên biệt phái làm việc tại 100% TTHTCĐ là Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Hòa Bình, một số huyện của Quảng Ninh và các tỉnh Đông Nam Bộ.

Bảng 2.2. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, hướng dẫn viên TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016

Số TT	Năm học	Tổng số CBQL, GV BCV	Đội ngũ cán bộ quản lý			Đội ngũ giáo viên biệt phái			Đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên		
			Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nữ	Dân tộc
1	2008-2009	57067	23143	5258	3176	2993	857	492	74784	12893	5333
2	2009-2010	71957	27112	6459	4331	5701	2127	621	46715	16018	7632
3	2010-2011	72205	28765	7047	4951	4450	1499	452	48962	19509	8619
4	2011-2012	74682	32741	7331	4580	5616	2212	485	56202	19665	9208
5	2012-2013	91378	30410	7103	4629	5347	1858	617	55621	17571	7989
6	2013-2014	105.731	29.564	6.208	4.080	5.809	2.686	802	70.358	32.527	9.709
7	2014-2015	109.338	30.667	6.440	4.232	6.815	3.151	940	71.856	33.219	9.916
8	2015-2016	113.912	31.679	6.652	4.372	8.735	4.038	1205	73.498	33.978	10.143

(Nguồn: Vụ Giáo dục thường xuyên)

Về kinh phí: nhiều địa phương chủ động triển khai thực hiện Thông tư 96/2008/TT-BTC, ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các TTHTCĐ. Theo thống kê của Vụ GDTX, Bộ Giáo dục và Đào tạo: hiện có 48/63 tỉnh, Thành phố đã có chính sách hỗ trợ hoạt động thường xuyên hàng năm cho các TTHTCĐ. Đặc biệt một số tỉnh có hỗ trợ hàng năm cho mỗi trung tâm ở mức cao như: Bà Rịa-Vũng Tàu: 100 triệu đồng, Đồng Nai: 65 triệu đồng, Bắc Ninh: 50 triệu đồng; 19 tỉnh khác có mức hỗ trợ từ 25-30 triệu đồng... Hiện nay có 41 tỉnh, Thành phố đã xây dựng được định mức phụ cấp cho cán bộ quản lý TTHTCĐ, trong đó, một số tỉnh đã có mức phụ cấp 50% lương cơ bản, như: Khánh Hòa, Đồng Nai, Cần Thơ, các tỉnh còn lại mức phụ cấp theo hệ số 0,2- 0,3 mức lương cơ bản.

Ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước, các địa phương còn huy động các ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm hỗ trợ kinh phí phục vụ giảng dạy, học tập cho các TTHTCĐ như: Quảng Trị, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Thanh Hoá, Bắc Giang, Hải Dương, Thái Bình, Quảng Bình, Đà Nẵng, Hà Nội, Khánh Hòa ...

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị:

Hiện tại, phần lớn các TTHTCĐ ở các địa phương tận dụng cơ sở vật chất kỹ thuật và những phương tiện sẵn có ở địa phương.

Bảng 2.3. Thống kê cơ sở vật chất TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016

STT	Năm học	Số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số TTHTCĐ	Trong đó số TT kết hợp với nhà VH	Cơ sở vật chất TTHTCĐ		
					TT có trụ sở riêng	TT có tủ sách riêng	TT có phòng TB riêng
1	2008-2009	11053	9551		1933	4284	1835
2	2009-2010	11105	9990		2875	5371	2859
3	2010-2011	11110	10694		2705	5053	3783
4	2011-2012	11122	10826		3037	6044	5310
5	2012-2013	11106	10877	4615	3237	6740	7584
6	2013-2014	11.131	10.947	4.986	3.381	7.001	7625
7	2014-2015	11.131	10.992	5.054	3.315	7.110	7642
8	2015-2016	11.164	11.057	4.650	3.486	7.913	7658

(Nguồn: Vụ Giáo dục thường xuyên)

Sự phát triển mạng lưới gắn liền với việc xây dựng và hình thành cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các TTHTCĐ. Trong một thời gian không dài (bắt đầu từ năm 1999) đến năm học 2015-2016 đã có 11.057 TTHTCĐ trong tổng số 11.164 xã/phường/thị trấn (chiếm 99,04%), trong đó có 3.486 trung tâm có trụ sở riêng.

Nhiều địa phương đã chỉ đạo xây dựng mô hình TTHTCĐ kết hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Thư viện, Bưu điện văn hóa xã để nâng cao năng lực hoạt động của trung tâm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân. Đến năm học 2015-2016 đã có 4.650 TTHTCĐ kết hợp với Trung tâm Văn hóa- Thể thao, điểm Bưu điện văn hóa xã. Các địa phương còn lại mỗi huyện, quận đều xây dựng thí điểm từ 1-2 trung tâm về mô hình nêu trên.

Về số lượng học viên:

Bảng 2.4. Thống kê số lượng học viên TTHTCĐ cả nước giai đoạn 2009-2016

T T	Năm học	Số đơn vị hành chính cấp xã	Tổng số TTHT CĐ	Trong đó số TTHTCĐ kết hợp với nhà	Số lượt học viên học tại TTHTCĐ			
					XMC	Giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ	Học nghề ngắn hạn	Bồi dưỡng chuyên đề
1	2008-2009	11053	9551		31588	28410	476494	15.226.984
2	2009-2010	11105	9990		30171	24910	318254	13.937.784
3	2010-2011	11110	10694		33612	26802	322532	13.154.354
4	2011-2012	11122	10826		19910	15922	333167	11.992.732
5	2012-2013	11106	10877	4615	25629	22371	343743	13.598.416
6	2013-2014	11.131	10.947	4.986	22.694	15.363	403.021	13.689.009
7	2014-2015	11.131	10.992	5.054	27.512	12.867	364.455	18.390.094
8	2015-2016	11.131	11.057	4.650	29.503	9.122	389.708	19.019.999

(Nguồn: Vụ Giáo dục thường xuyên)

Qua số liệu thống kê 8 năm (2008-2016) và báo cáo đánh giá của các địa phương, TTHTCĐ đã góp phần thực hiện các mục tiêu về giáo dục, văn hóa, xã hội như xóa mù chữ, nâng cao dân trí; giảm các tệ nạn xã hội; xây dựng gia đình văn hóa, làng xã văn hóa; duy trì bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương; hạn chế bất bình đẳng giới; phòng tránh dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân... Đặc biệt, TTHTCĐ còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết, kỹ năng và ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Qua thực tiễn hoạt động của các TTHTCĐ trong cả nước, cấp ủy Đảng, chính quyền ở các tỉnh, thành phố đã khẳng định rằng, TTHTCĐ là trường học của nhân dân lao động, là cơ sở quan trọng để xây dựng XHHT từ cơ sở, đồng thời là công cụ quan trọng góp phần ổn định tình hình chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Trung tâm học tập cộng đồng đã góp phần đẩy mạnh việc củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và tăng tỷ lệ người biết chữ từ 35-60 tuổi.

Về mặt tổ chức và quản lý, mô hình trung tâm học tập cộng đồng của Việt Nam được thiết kế và phát triển trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đồng thời có sự kế thừa và phát huy các yếu tố tích cực của các mô hình thiết chế văn hoá - giáo dục tại cộng đồng đã có từ trước đây ở trong nước. Do đó, TTHTCĐ đang được xây dựng và phát triển ở Việt Nam vừa có sự phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh mới và mang ý tưởng của thời đại, vừa có yếu tố truyền thống, gắn liền với đặc điểm cộng đồng dân cư Việt Nam.

2.2. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và giáo dục thành phố Hà Nội

2.2.1. Khái quát vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thành phố Hà Nội

- Về vị trí địa lý: Thành phố Hà Nội hiện nay có diện tích tự nhiên 3.328,9km² và dân số 7.588.150 người. Hiện nay, thành phố Hà Nội có 30 quận, huyện, thị xã (gồm có 12 quận, 17 huyện và 01 thị xã), có 584 xã, phường, thị trấn.

- Điều kiện tự nhiên: Nằm ở vị trí trung tâm của đồng bằng sông Hồng, Thăng Long - Hà Nội được xem là vùng đất “địa linh - nhân kiệt”, nơi hội tụ nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển thành trung tâm văn hóa - kinh tế - chính trị của cả nước.

Hà Nội - Thủ đô ngàn năm tuổi của đất nước, nằm ở trung tâm châu thổ sông Hồng. Hà Nội có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa. Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế.

Tài nguyên thiên nhiên là nguồn lực quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Nhìn chung, địa hình Hà Nội khá đa dạng với núi thấp, đồi và đồng bằng. Trong đó phần lớn diện tích của Thành phố là vùng đồng bằng, thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam theo hướng dòng chảy của sông Hồng. Điều này cũng ảnh hưởng nhiều đến quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Trên cơ sở các điều kiện tự nhiên, từ lâu, người Hà Nội đã biết sử dụng những mặt thuận lợi và hạn chế những khó khăn của điều kiện tự nhiên trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội của mình và góp phần tạo ra nét văn hóa riêng của Thăng Long - Hà Nội.

2.2.2. Tình hình phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội.

2.2.2.1. Khái quát chung về hệ thống giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội.

Năm học 2015 - 2016 Hà Nội có 2.633 trường học, trong đó có 1.012 trường mầm non, 713 trường tiểu học, 609 trường trung học cơ sở, 207 trường trung học phổ thông, 46 trường trung cấp chuyên nghiệp, 31 trung tâm giáo dục thường xuyên, 15 trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp với 1.814.223 học sinh, 100.837 giáo viên.

Hệ thống Giáo dục thường xuyên Hà Nội phát triển ổn định. Hiện nay, Giáo dục thường xuyên Hà Nội có 29 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 584 TTHTCĐ, 367 trung tâm ngoại ngữ, tin học, 72 trung tâm bồi dưỡng văn hóa, 25 trung tâm bồi dưỡng kỹ năng, 40 trung tâm đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài, 57 trung tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên ngành, 05 văn phòng đại diện nước ngoài. Tổng số học viên theo học các chương trình GDTX tại các cơ sở giáo dục thường xuyên là: xóa mù chữ 637 học viên, chương trình GDTX cấp trung học cơ sở 977 học viên, chương trình GDTX cấp trung học phổ thông là 20.175 học viên. Học viên

học ngoại ngữ (cấp chứng chỉ) 2385 học viên, tin học (cấp chứng chỉ) là 2436 học viên. Học viên học nghề phổ thông 81.810 học viên. Học viên vừa học văn hóa vừa học nghề 13.362 học viên. Học viên theo học các lớp đại học vừa làm vừa học là 1157 học viên. Các hình thức học tập khác đã thu hút được 498.065 lượt người tham dự các chuyên đề. Thực hiện Thông tư 39/TTLT-BLĐT BXH-BGD&ĐT-BNV ngày 19/10/2015 hướng dẫn việc sáp nhập trung tâm dạy nghề, trung tâm GDTX, trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp công lập cấp huyện thành trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định sáp nhập và bàn giao về quận, huyện, thị xã quản lý trực tiếp, Sở GD&ĐT quản lý về chuyên môn đối với trung tâm GDTX và hướng nghiệp.

Bảng 2.5. Tổng hợp số liệu phát triển GD&ĐT Hà Nội năm học 2015 - 2016

Cấp học	Số trường	Số trường chuẩn QG	Số nhóm lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Số phòng học	Ghi chú
Nhà trẻ			5.392	97.993	11.172	5.194	
Mẫu giáo			12.835	406.398	29.840	12.561	
Mầm non	1.012	307	18.347	504.966	41.012	17.701	
Tiểu học	713	443	16.099	615.497	23.953	20.229	
THCS	609	353	10.027	375.920	20.872	12.792	
THPT	207	56	4.805	185.475	11.943	5.950	
TTKTTH-HN	15		2.857	77.085	255	506	
GDTX	31		721	21.758	973	570	
TCCN	46		1.505	36.761	2.016	1.013	
Giáo dục có yếu tố nước ngoài	72		2.153	18.303	858	3.096	
Tổng cộng	2.633	1.158	54.300	1.814.223	100.837	58.761	

(Nguồn: Thống kê hàng năm Sở GD&ĐT Hà Nội)

2.2.2.2. Thực trạng phát triển Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội

- Về quy mô phát triển

Bảng 2.6. Quy mô phát triển Giáo dục và Đào tạo qua các năm học (từ năm học 2011 - 2012 đến 2015 - 2016)

Ngành, bậc học	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Tổng số					
Số trường trung tâm	2.434	2.486	2.527	2.538	2.633
Số giáo viên	82.855	88.263	91.431	107.454	100.837
Số học sinh	1.573.611	1.532.961	1.586.530	1.671.343	1.814.223

(Nguồn: Thống kê hàng năm Sở GD&ĐT Hà Nội)

Như vậy, hệ thống trường lớp, học sinh ở Hà Nội phát triển khá nhanh, hàng năm số trường, lớp, số học sinh, số giáo viên đều tăng, điều này đặt ra cho Hà Nội

cần phải có quy hoạch cụ thể và phù hợp để phát triển giáo dục Thủ đô, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

- Về chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục Thủ đô ngày càng được nâng cao và là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về số học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

Giáo dục mầm non đã chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Số trẻ ra lớp mỗi năm một tăng. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm dần. Công tác quản lý các trường mầm non được tăng cường. Việc xây dựng trường mầm non chuẩn quốc gia đạt kết quả tốt. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tăng cường xây dựng trường mầm non chất lượng cao.

Giáo dục tiểu học có nhiều tiến bộ, không ngừng nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi đi học tiểu học. Đến nay, Thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2. Đã có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học trong trường tiểu học. Chỉ đạo tốt việc dạy - học 2 buổi/ngày, dạy tin học, ngoại ngữ cho học sinh. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Giáo dục trung học đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chương trình đổi mới giáo dục phổ thông ở các cấp học. Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT tăng và giữ trong mức ổn định. Số lượng học sinh đỗ thủ khoa đầu vào các trường đại học ngày một tăng. Đặc biệt, tại các kỳ thi học sinh giỏi Thành phố, quốc gia và quốc tế nhiều học sinh Hà Nội đã đạt thành tích xuất sắc và luôn là đơn vị dẫn đầu toàn quốc về học sinh giỏi quốc gia. Trong 5 năm qua các đoàn học sinh Hà Nội tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế đạt kết quả cao với tổng số 44 giải, trong đó có 16 Huy chương Vàng, 14 huy chương bạc; 9 huy chương Đồng và 05 giải Khuyến khích. Việc xây dựng trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia được quan tâm chỉ đạo.

Giáo dục thường xuyên được tăng cường đầu tư các điều kiện phục vụ dạy và học, đã đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong trung tâm giáo dục thường xuyên, đẩy mạnh việc xây dựng xã hội học tập, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ, triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình dạy văn hóa kết hợp với dạy nghề. Chất lượng dạy và học trong trung tâm GDTX có nhiều tiến bộ, nhất là kết quả học viên giỏi quốc gia.

Giáo dục chuyên nghiệp: Tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các trường trung cấp chuyên nghiệp. Chỉ đạo các trường tập trung điều chỉnh mục tiêu đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình phù hợp với nhu cầu xã hội. Triển khai các phương pháp dạy học tiên tiến; khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy. Phát triển các hình thức đào tạo theo hướng đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

Hà Nội luôn tiên phong trong việc đổi mới phương pháp giáo dục, tạo bước đột phá về ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giảng dạy, học tập cùng với việc hoàn thành kết nối internet tới 100% trường học, tổ chức tuyển sinh trực tuyến, sổ điểm điện tử, sổ liên lạc điện tử. Công tác kiên cố hoá trường lớp được đặc biệt quan tâm với các dự án cải tạo và xây dựng phòng học, nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 51,8%.

Trong chặng đường phát triển đã qua ngành Giáo dục Hà Nội đạt được những thành tựu to lớn cả về quy mô phát triển, chất lượng và hiệu quả..., đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục của đất nước và công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.3. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.3.1. Mục tiêu nghiên cứu thực trạng

Tổ chức khảo sát nhằm để nhận diện điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân của quản lý trung tâm học tập cộng đồng xây dựng cơ sở thực tiễn của đề tài.

2.3.2. Nội dung nghiên cứu thực trạng

Nghiên cứu việc xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng; phát triển mạng lưới TTHTCĐ; quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của TTHTCĐ; công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động trung tâm học tập cộng đồng.

Thông qua nghiên cứu, đánh giá được thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội. Đánh giá các giải pháp đã được sử dụng để quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội trong giai đoạn vừa qua. Từ việc đánh giá đó, thấy được những mặt mạnh, mặt yếu, tồn tại, hạn chế trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội, rút ra những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý TTHTCĐ ở Hà Nội; Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn sẽ đề xuất các giải pháp quản lý TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

2.3.3. Phạm vi nghiên cứu thực trạng

Thành phố Hà Nội có 30 quận, huyện, thị xã (gồm có 12 quận, 17 huyện và 01 thị xã), có 584 xã, phường, thị trấn. Do địa bàn rộng, đề tài không thể khảo sát ở tất cả các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn mà chỉ tập trung khảo sát điều tra ở 15 quận, huyện đại diện cho các vùng, miền trong Thành phố. Đây là các địa phương có nhiều nét tương đồng cho các vùng miền trên địa bàn Thành phố và các vùng miền trong cả nước. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của đề tài sau này được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội và có thể áp dụng vào các địa phương khác trong cả nước.

Tổng số xã, phường khảo sát là 301 xã, phường. Vùng nội thành (đô thị) chọn các quận: Ba Đình, Đống Đa, Long Biên. Vùng ngoại thành chọn huyện: Thanh Trì, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Phúc Thọ, Phú Xuyên. Vùng xa trung tâm Thành phố, miền núi chọn huyện: Ba Vì, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Thạch Thất, Mê Linh.

2.3.4. Đối tượng khảo sát

Đề tài tập trung khảo sát các đối tượng: Lãnh đạo địa phương; cán bộ quản lý ngành giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (1150 người).

Bảng 2.7. Tổng hợp số lượng các đối tượng tham gia khảo sát

TT	Đối tượng khảo sát	Số lượng
1	Lãnh đạo quận, huyện, xã, phường, cán bộ quản lý ngành giáo dục các cấp;	400
2	Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng	350
3	Giáo viên trung tâm học tập cộng đồng	250
4	Nhân viên trung tâm học tập cộng đồng	150
Tổng cộng		1150

Bên cạnh đó, tác giả tổ chức phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuộc các trung tâm học tập cộng đồng, nghiên cứu các báo cáo đánh giá trung tâm học tập cộng đồng từ năm 2005 đến năm 2015 của Bộ GD&ĐT, Hội Khuyến học Việt Nam, Sở GD&ĐT Hà Nội, Hội Khuyến học Hà Nội.

2.3.5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi.

Mục đích: Nhằm thu thập thông tin của các đối tượng điều tra về các nội dung cần nghiên cứu.

Nội dung các mẫu bảng hỏi: Gồm các bảng hỏi đối với các đối tượng khảo sát là lãnh đạo địa phương, cán bộ quản lý ngành giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ. Phiếu hỏi về tình hình trung tâm học tập cộng đồng dành cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng (Phụ lục 6); Phiếu hỏi ý kiến về trung tâm học tập cộng đồng dành cho lãnh đạo quận, huyện, ngành giáo dục, lãnh đạo TTHTCĐ (Phụ lục 7, 10); Phiếu hỏi ý kiến về trung tâm học tập cộng đồng dành cho giáo viên (Phụ lục 8); Phiếu hỏi ý kiến về trung tâm học tập cộng đồng dành cho nhân viên (Phụ lục 9).

- Phương pháp trao đổi, phỏng vấn sâu theo nội dung chủ đề.

Đối tượng trao đổi, phỏng vấn sâu là cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã, cấp huyện, cán bộ quản lý ngành giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng.

Nội dung trao đổi, phỏng vấn: Thực trạng xây dựng XHHT, phát triển và quản lý trung tâm học tập cộng đồng; cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng; nội dung chuyên đề tổ chức tại trung tâm học tập cộng đồng; thuận lợi, khó khăn trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng; giải pháp đã triển khai thực hiện trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng; đề xuất giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong giai đoạn hiện nay.

2.3.6. Xử lý số liệu

Dùng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu trong quá trình nghiên cứu thực trạng.

2.4. Thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay

2.4.1. Thực trạng nhận thức của các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền, ngành giáo dục và người dân về trung tâm học tập cộng đồng

2.4.1.1. Nhận thức của lãnh đạo Đảng và chính quyền quận/huyện/thị xã

Qua kết quả điều tra, khảo sát cho thấy, lãnh đạo quận, huyện, thị xã bước đầu nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn, đánh giá trung tâm học tập cộng đồng chính là công cụ đắc lực, thiết yếu cho việc xây dựng XHHT.

Do có sự nhận thức đúng đắn về việc xây dựng XHHT nên nhiều quận, huyện, thị xã đã có sự đầu tư cần thiết cho công tác này. Đó là quan tâm đúng mức và cụ thể đối với lực lượng tham gia làm công tác khuyến học, khuyến tài, từ việc bố trí cán bộ làm Chủ tịch Hội Khuyến học các cấp đến việc đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho các trung tâm học tập cộng đồng. Đặc biệt, ở những quận, huyện, thị xã đồng chí Bí thư huyện uỷ trực tiếp làm Chủ tịch Hội khuyến học như Thanh Trì, Phú Xuyên thì việc xây dựng XHHT cũng như xây dựng, phát triển TTHTCĐ được nhanh chóng phủ kín toàn huyện và chất lượng hoạt động tốt.

Nhiều địa phương không chỉ xác định trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân mà còn coi trung tâm là công cụ của cấp uỷ, chính quyền trong việc phối hợp các hoạt động văn hoá - xã hội của địa phương trong công tác giáo dục pháp luật, chuyển giao công nghệ, truyền thông những kiến thức thiết thực của các ngành, đoàn thể đến các thành viên tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đến nhân dân xã, phường, thị trấn.

Tuy nhiên, ở một số địa phương, nhất là các địa phương trên địa bàn Hà Nội mở rộng do nhận thức chưa đầy đủ nên việc xây dựng, phát triển TTHTCĐ còn nhiều hạn chế, đến đầu năm 2010 mới thành lập được các trung tâm học tập cộng đồng. Một số nơi coi nhẹ việc xây dựng XHHT, không quan tâm đến việc xây dựng, phát triển TTHTCĐ, không có văn bản, không thường xuyên chỉ đạo hoạt động của trung tâm, nên TTHTCĐ được thành lập ra nhưng không hoạt động, hoặc hoạt động không thường xuyên, hiệu quả hoạt động thấp.

2.4.1.2. Nhận thức của cấp uỷ, chính quyền phường, xã, thị trấn

Cấp uỷ Đảng, chính quyền xã, phường, thị trấn đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về xây dựng XHHT, xây dựng, phát triển TTHTCĐ. Mặc dù mức độ nhận thức về chức năng, nhiệm vụ, phương thức tổ chức hoạt động của TTHTCĐ có khác nhau tùy theo sự chỉ đạo của quận, huyện, thị xã; tuy nhiên, xuất phát từ nhu cầu thực tế về học tập, nhu cầu nâng cao dân trí, nâng cao kiến thức, nhiều trung tâm học tập cộng đồng của xã, phường, thị trấn đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ của trung tâm ở những mức độ khác nhau và đạt kết quả khác nhau.

Sau khi có Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ GD&ĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; Văn bản số

3863/UBND-VHKG ngày 08/12/2008 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 125/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động và phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý TTHTCĐ xã, phường, thị trấn đã thúc đẩy các địa phương nhanh chóng xây dựng và phát triển TTHTCĐ.

Tuy nhiên, nhiều xã, phường, thị trấn, một bộ phận cán bộ cấp uỷ, chính quyền chưa thực sự quan tâm tới việc thành lập, quản lý trung tâm học tập cộng đồng, coi việc xây dựng, quản lý TTHTCĐ là không quan trọng, chưa cần thiết và là việc của ngành giáo dục, vì vậy các trung tâm hoạt động hiệu quả thấp.

2.4.1.3. Nhận thức của lãnh đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo

Nhìn chung, lãnh đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo nhận thức rõ trung tâm học tập cộng đồng là một mô hình giáo dục không chính quy, một cơ sở giáo dục thường xuyên và một số nơi đã xác định rõ trách nhiệm của mình nên đã làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo quận, huyện, thị xã phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo có hiệu quả việc thành lập, quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, một số lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa thực sự coi việc tham mưu, chỉ đạo quản lý trung tâm học tập cộng đồng là trách nhiệm của mình nên việc tổ chức hoạt động, quản lý TTHTCĐ ở những nơi đó còn rất hạn chế.

Bảng 2.8. Kết quả khảo sát nhận thức của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, ngành giáo dục về trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm	26% (104)	5% (20)	69% (276)
2	Trung tâm học tập cộng đồng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng	42% (168)	2% (8)	56% (224)
3	Hoạt động của TTHTCĐ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.	37% (148)	6% (24)	57% (228)
4	Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác XMC, GDTTSKBC và các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng.	39% (156)	3% (12)	58% (232)
5	Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, tư vấn khuyến học.	44% (176)	2,5% (10)	53,5% (214)
6	Điều tra nhu cầu học tập của cộng đồng, xây dựng nội dung và hình thức học tập phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nhóm đối tượng.	23% (92)	6,5% (26)	70,5% (282)
7	Trung tâm học tập cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng GD&ĐT.	51% (204)	1% (4)	48% (192)
8	Trung tâm học tập cộng đồng có 4 chức năng cơ bản: Giáo dục và huấn luyện; thông tin và tư vấn; phát triển cộng đồng; liên kết phối hợp.	18% (72)	9,5% (38)	72,5% (290)
9	Tính chất của TTHTCĐ: tính đa dạng linh hoạt; tính mềm dẻo; tính thiết thực khả thi; của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng.	21% (84)	6,5% (26)	72,5% (290)

Kết quả khảo sát trên cho thấy: Vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các cam kết chính trị để phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ là rất quan trọng. Tuy nhiên, nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về TTHTCĐ còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Qua khảo sát chỉ có 26% ý kiến hiểu rõ TTHTCĐ là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước... Từ đó, khẳng định rằng đây là vấn đề hạn chế cơ bản để phát triển TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay. Chỉ có 37% ý kiến nhận thức được hoạt động của TTHTCĐ đáp ứng nhu cầu học tập của mọi lứa tuổi, giúp người dân được học tập thường xuyên, học tập suốt đời; trang bị cho người dân những kiến thức cần thiết về chính trị, văn hóa, xã hội...; 39% ý kiến hiểu rõ nhiệm vụ của TTHTCĐ, thấy rõ các chương trình giáo dục trong TTHTCĐ. Điều này hoàn toàn phù hợp và lý giải vì sao các hoạt động tại các trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội hiện nay lại thiếu thường xuyên, đơn điệu, hiệu quả thấp, nhất là người học chưa thiết tha với việc học ở trung tâm học tập cộng đồng.

2.4.1.4. Nhận thức của lãnh đạo các trung tâm giáo dục thường xuyên

Lãnh đạo trung tâm GDTX trên địa bàn Hà Nội đã nhận thức khá sâu sắc và đầy đủ về trách nhiệm của mình trong việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng, đặc biệt là nhiệm vụ phối kết hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham gia quản lý TTHTCĐ trên địa bàn. Trong thời gian qua các trung tâm GDTX đã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động ở TTHTCĐ bước đầu đạt kết quả tốt. Tổ chức nhiều chuyên đề tại từng trung tâm, biên soạn nhiều bộ tài liệu phục vụ cho hoạt động của trung tâm đáp ứng nhu cầu “cần gì học nấy” của người dân trên địa bàn Thủ đô.

Tuy nhiên, một số lãnh đạo trung tâm GDTX nhận thức không đầy đủ về nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, tổ chức hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, chưa thực sự chủ động và nhiệt tình trong việc phối hợp chỉ đạo, tổ chức hoạt động cho các trung tâm học tập cộng đồng, còn xác định việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng là trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2.4.1.5. Nhận thức của lãnh đạo các trung tâm học tập cộng đồng

Trước khi có quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, các xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng, Ủy ban nhân dân hoặc ngành giáo dục địa phương cử một cán bộ phụ trách với các tên gọi khác nhau như: Trưởng Ban quản lý trung tâm; Chủ nhiệm trung tâm; Giám đốc trung tâm... tất cả lãnh đạo các TTHTCĐ đều là những cán bộ kiêm nhiệm (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Đảng ủy viên... của xã, phường, thị trấn) chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chính quyền

địa phương quản lý, tổ chức hoạt động của TTHTCĐ với những điều kiện rất khó khăn. Những đồng chí này phải tự tìm hiểu về trung tâm học tập cộng đồng, vừa làm vừa học, vừa đúc rút kinh nghiệm nên nhận thức về chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn nhiều hạn chế.

Sau khi có quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ do Bộ GD&ĐT ban hành, các địa phương đã nhanh chóng củng cố lại tổ chức và hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng. Đặc biệt, khi có quyết định của UBND thành phố Hà Nội về kinh phí hoạt động và chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý TTHTCĐ thì các trung tâm đã hoạt động nền nếp, hiệu quả hơn. Các quận, huyện, thị xã trước đây chưa thành lập được TTHTCĐ đã tích cực chỉ đạo, triển khai nên nhiều TTHTCĐ mới đã được thành lập và bước đầu hoạt động có nền nếp, chất lượng.

Tuy nhiên, do kiêm nhiệm nên còn một bộ phận lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng chưa thực sự coi trọng việc quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ, vì vậy nhiều trung tâm hoạt động không thường xuyên, kém hiệu quả.

Bảng 2.9. Kết quả khảo sát nhận thức của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng về trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm.	35% (140)	1% (4)	64% (256)
2	Trung tâm học tập cộng đồng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng	60,5% (242)	1,4% (6)	48% (192)
3	Hoạt động của TTHTCĐ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học tập suốt đời.	36,5% (146)	2,5% (10)	61% (244)
4	Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác XMC, GDTTSKBC và các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng.	49% (196)	0,5% (2)	50,5% (202)
5	Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, tư vấn khuyến học.	47% (188)	1% (4)	52% (208)
6	Điều tra nhu cầu học tập của cộng đồng, xây dựng nội dung và hình thức học tập phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nhóm đối tượng.	30,5% (122)	2,5% (10)	67% (268)
7	Trung tâm học tập cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng GD&ĐT.	68% (272)	3% (12)	29% (116)
8	Trung tâm học tập cộng đồng có 4 chức năng cơ bản: Giáo dục và huấn luyện; thông tin và tư vấn; phát triển cộng đồng; liên kết phối hợp.	29% (116)	2% (8)	69% (276)
9	Tính chất của TTHTCĐ: tính đa dạng linh hoạt; tính mềm dẻo; tính thiết thực khả thi; của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng.	26% (104)	3,5% (14)	70,5% (282)

Kết quả khảo sát và thông qua phỏng vấn cho thấy việc nhận thức về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng của nhiều cán bộ quản lý còn rất hạn chế. Có 64% số người chưa hiểu đúng vị trí của trung tâm học tập cộng đồng, chưa nhận thức được TTHTCĐ là của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng. 61% chưa xác định đúng chức năng TTHTCĐ; 70,5% chưa xác định đúng tính chất TTHTCĐ, chưa xác định rõ trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở GDTX trong hệ thống giáo dục quốc dân, để hoạt động thực sự có hiệu quả và phát triển bền vững, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cộng đồng, trong hoạt động trung tâm phải đảm bảo tính đa dạng, linh hoạt, tính mềm dẻo, tính thiết thực khả thi, của cộng đồng và do cộng đồng. 69% chưa hiểu đúng về chức năng cơ bản của trung tâm học tập cộng đồng.

Như vậy, đội ngũ cán bộ cấp ủy Đảng, chính quyền, ngành giáo dục, trung tâm học tập cộng đồng nhận thức về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của trung tâm học tập cộng đồng còn nhiều hạn chế, đây chính là một trong những nguyên nhân lý giải vì sao hệ thống TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội hoạt động kém hiệu quả.

2.4.2. Thực trạng cơ chế quản lý, chế độ chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng

2.4.2.1. Quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở GD&ĐT có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của TTHTCĐ. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, những năm qua Hà Nội đã tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ. Sở GD&ĐT tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo và các chính sách cụ thể của địa phương (Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT Thành phố, Kế hoạch xây dựng XHHT Thành phố Hà Nội, Kế hoạch xóa mù chữ trên địa bàn Hà Nội, Quyết định quy định mức hỗ trợ kinh phí lần đầu cho các TTHTCĐ và phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý TTHTCĐ...); Hàng năm, Sở đã phối hợp với Hội Khuyến học Thành phố tổ chức “Tuần lễ hướng ứng học tập suốt đời”, mở các lớp học chuyên đề, các lớp tập huấn thuộc chương trình, dự án có liên quan; tổ chức biên soạn tài liệu để phục vụ các hoạt động của trung tâm; tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý TTHTCĐ cho đội ngũ lãnh đạo trung tâm (trung bình mỗi năm có 650 cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng được bồi dưỡng).

Nhằm nâng cao năng lực và trình độ quản lý trung tâm học tập cộng đồng cho đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ, Sở GD&ĐT đã phối hợp với Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội biên soạn chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý TTHTCĐ, giao cho trường tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ sau khi hoàn thành khóa học. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Hội Khuyến học Thành phố, chỉ đạo các hoạt động giáo dục của TTHTCĐ phù hợp với tình hình thực tế của Hà Nội. Tham mưu Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc

xây dựng XHHT, thành lập hệ thống TTHTCĐ, kiện toàn nhân sự, bộ máy quản lý TTHTCĐ, các chế độ chính sách, điều kiện hoạt động của các TTHTCĐ.

Tuy nhiên, do việc tham mưu với Thành phố chưa thường xuyên, chưa kịp thời cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, công tác kiểm tra, đánh giá chưa sâu sát, nên hiệu quả chỉ đạo của Sở GD&ĐT đối với việc xây dựng XHHT, quản lý trung tâm học tập cộng đồng còn thấp.

Bảng 2.10. Kết quả khảo sát thực trạng vai trò quản lý của Sở GD&ĐT đối với trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tham mưu Thành phố nhiều chính sách cho xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ.	104 (26%)	132 (33%)	164 (41%)
2	Tham mưu Thành phố chỉ đạo quận, huyện, thị xã tích cực thành lập, phát triển TTHTCĐ.	88 (22%)	204 (51%)	108 (27%)
3	Thường xuyên phối hợp với Sở, ngành, quận, huyện về chỉ đạo TTHTCĐ.	124 (31%)	200 (50%)	76 (19%)
4	Kịp thời chỉ đạo Phòng GD&ĐT, TTGD TX trong quản lý, tổ chức hoạt động TTHTCĐ.	220 (55%)	136 (34%)	44 (11%)
5	Tổ chức việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên TTHTCĐ.	284 (71%)	96 (24%)	20 (5%)

Kết quả bảng trên cho thấy: Việc tham mưu của Sở GD&ĐT các cơ chế, chính sách về xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội còn nhiều hạn chế, chỉ có 26% ý kiến đánh giá là tốt, 41% ý kiến đánh giá là chưa tốt. 22% ý kiến đánh giá tốt, 27% ý kiến đánh giá là chưa tốt việc tham mưu của Sở đối với Thành phố chỉ đạo quận, huyện, thị xã thành lập, phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Việc chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, trung tâm giáo dục thường xuyên trong quản lý, tổ chức hoạt động trung tâm học tập cộng đồng và việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng của Sở được đánh giá tốt ở mức trung bình và khá (55% và 71%).

Với kết quả phân tích trên cho thấy cần phải đẩy mạnh, nâng cao vai trò của Sở GD&ĐT trong việc tham mưu với Thành phố về cơ chế, chính sách để phát triển trung tâm học tập cộng đồng thời gian tới.

2.4.2.2. Quản lý của Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phòng Giáo dục và Đào tạo có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền huyện thành lập (kiện toàn) Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT cấp huyện. Chủ trì, phối hợp với các ban ngành của huyện xây dựng kế hoạch hàng năm về phát triển TTHTCĐ.

Trong những năm qua, các Phòng Giáo dục và Đào tạo ở Hà Nội đã làm tốt việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chức năng cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập

TTHTCĐ, kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm. Tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp huyện về chủ trương, biện pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung, chương trình, hình thức hoạt động của TTHTCĐ. Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các trung tâm học tập cộng đồng. Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, các Phòng Giáo dục và Đào tạo chưa làm tốt công tác chủ trì phối hợp với các ban, ngành của huyện về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động xây dựng XHHT, quản lý trung tâm học tập cộng đồng, vì vậy sự tham gia của các ngành để hỗ trợ các nguồn lực cho trung tâm học tập cộng đồng hoạt động còn ít, hiệu quả thấp. Việc kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ chưa được tổ chức thường xuyên.

Bảng 2.11. Kết quả khảo sát vai trò quản lý của Phòng GD&ĐT đối với Trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tham mưu với UBND cấp huyện thành Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ.	304 (76%)	82 (20,5%)	14 (3,5%)
2	Phối hợp với các phòng, ban, ngành xây dựng kế hoạch phát triển TTHTCĐ phù hợp với địa phương.	104 (26%)	88 (22%)	208 (52%)
3	Phối hợp với phòng, ban, ngành tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển TTHTCĐ có hiệu quả.	86 (21,5%)	98 (24,5%)	216 (54%)
4	Tổ chức việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên TTHTCĐ tối thiểu 2 lần/năm.	182 (45,5%)	124 (31%)	94 (23,5%)
5	Tổ chức kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ theo kế hoạch hàng năm.	88 (22%)	60 (15%)	252 (63%)

Kết quả khảo sát cho thấy: Phòng GD&ĐT thực hiện khá tốt việc tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ (76%). Tuy nhiên, việc phối hợp với các phòng, ban, ngành xây dựng kế hoạch phát triển trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với địa phương và phối hợp với phòng, ban, ngành tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trung tâm học tập cộng đồng có hiệu quả lại rất hạn chế (52% và 54% ý kiến đánh giá là chưa tốt). Việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng tối thiểu 2 lần/năm chỉ có 45,5% ý kiến đánh giá tốt. Tổ chức kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ theo kế hoạch hàng năm chưa tốt (63%).

Như vậy, vai trò của Phòng GD&ĐT trong việc tham mưu, tổ chức các hoạt động đối với TTHTCĐ còn nhiều hạn chế. Đó cũng chính là nguyên nhân lý giải tại sao trong thời gian qua các TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội hoạt động kém hiệu quả.

2.4.2.3. Quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị trực tiếp quản lý về tổ chức, nhân sự, nội dung và kế hoạch hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Thực tế cho thấy, hàng năm Ủy ban nhân dân cấp xã đã chủ động rà soát, bổ sung nhân sự cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng, các chế độ chính sách, kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động phục vụ cho các hoạt động của TTHTCĐ để tham mưu các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết. Một số địa phương đã tích cực tham mưu Hội đồng nhân dân xã cân đối ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng, chế độ kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng. Tổ chức giám sát hoạt động trung tâm học tập cộng đồng. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phê duyệt kế hoạch hoạt động, các điều kiện tổ chức hoạt động, tạo điều kiện cho các trung tâm hoạt động có hiệu quả. Phối hợp với các trường tiểu học, trung học cơ sở, Hội Khuyến học cấp xã, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đoàn thể quần chúng trên địa bàn và các tổ chức khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư hỗ trợ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, còn nhiều Ủy ban nhân dân cấp xã chưa xác định đúng nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, chỉ đạo trung tâm học tập cộng đồng.

Bảng 2.12. Kết quả khảo sát vai trò của UBND cấp xã đối với trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Kịp thời tham mưu kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý TTHTCĐ.	264 (66%)	118 (29,5%)	18 (4,5%)
2	Chỉ đạo TTHTCĐ xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với địa phương.	176 (44%)	114 (28,5%)	110 (27,5%)
3	Chỉ đạo TTHTCĐ phối hợp với các ban, ngành xây dựng quy chế phối hợp và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp.	146 (36,5%)	126 (31,5%)	128 (32%)
4	Cấp ngân sách đảm bảo các hoạt động của TTHTCĐ.	146 (36,5%)	64 (16%)	190 (47,5%)
5	Tổ chức kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ theo kế hoạch hàng năm.	126 (31,5%)	62 (15,5%)	212 (53%)

Kết quả khảo sát trên cho thấy: Ủy ban nhân dân cấp xã đã tích cực tham mưu kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý TTHTCĐ, xác định đây là yếu tố quan trọng trong công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng (66%). Tuy nhiên, việc chỉ đạo TTHTCĐ xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với địa phương và việc chỉ đạo trung tâm phối hợp với các ban, ngành xây dựng quy chế phối hợp và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp lại chưa thường xuyên, còn nhiều hạn chế (36,5% đánh giá tốt, 27,5% và 32% đánh giá chưa tốt). 47% ý kiến đánh giá chưa tốt việc cấp ngân sách đảm bảo các hoạt động của trung tâm và 53% ý kiến đánh giá chưa tốt việc tổ chức kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ theo kế hoạch hàng năm.

2.4.2.4. Hội Khuyến học Thành phố

Trong những năm qua Hội Khuyến học Thành phố đã phối hợp với Sở GD&ĐT tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền Thành phố về chủ trương, giải pháp, cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để duy trì hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững các TTHTCĐ trên địa bàn Thành phố.

Chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các cơ sở giáo dục, các cá nhân, tổ chức, đoàn thể xã hội trong việc vận động người học, hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập cho các TTHTCĐ, tham gia giảng dạy tại các TTHTCĐ. Cùng với các ban ngành, đoàn thể đã tích cực tổ chức chỉ đạo việc khảo sát, điều tra nắm bắt nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội Khuyến học chưa được thường xuyên, việc phối hợp với ngành giáo dục chưa nhiều, chưa chủ động. Việc tập huấn cho cán bộ các cấp hội về trung tâm học tập cộng đồng còn ít.

Bảng 2.13. Kết quả khảo sát vai trò của Hội Khuyến học thành phố đối với trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Phối hợp kịp thời với ngành giáo dục tham mưu cơ chế, chính sách phát triển TTHTCĐ.	196 (49%)	62 (15,5%)	142 (35,5%)
2	Chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, trang thiết bị cho TTHTCĐ.	220 (55%)	30 (7,5%)	150 (37,5%)
3	Tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội Khuyến học các cấp về các chương trình, nội dung giáo dục tại TTHTCĐ.	106 (26,5%)	108 (27%)	186 (46,5%)

Qua số liệu khảo sát cho thấy: Việc phối hợp với ngành giáo dục tham mưu cơ chế, chính sách phát triển TTHTCĐ đã được tiến hành, tuy nhiên kết quả chưa cao (35,5% ý kiến cho rằng việc phối hợp chưa tốt). 55% ý kiến đánh giá tốt việc chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, trang thiết bị cho TTHTCĐ, tuy nhiên ý kiến đánh giá chưa tốt còn nhiều (37,5%). Đặc biệt, việc tập huấn cho cán bộ Hội Khuyến học về các chương trình, nội dung giáo dục tại TTHTCĐ được đánh giá tốt chỉ đạt 26,5%.

Như vậy, những năm qua, việc xây dựng, phát triển, quản lý TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội đã bước đầu được quan tâm, chế độ chính sách đối với TTHTCĐ từng bước được thực hiện đáp ứng nhu cầu hoạt động của TTHTCĐ. Tuy nhiên, sự tham gia vào cuộc đối với việc xây dựng, phát triển, quản lý TTHTCĐ của các cấp, các ngành còn nhiều hạn chế. Cơ chế quản lý chưa rõ ràng, sự liên kết phối hợp giữa ngành giáo dục và các ngành, đoàn thể chưa nhiều, thiếu thường xuyên, hiệu quả thấp.

2.4.3. Thực trạng phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thành phố Hà Nội sau khi hợp nhất có 30 quận, huyện, thị xã với tổng số 584 xã, phường, thị trấn. Tính đến tháng 8/2009 mới có 306 xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng, còn lại 278 xã, phường, thị trấn chưa có trung tâm học tập cộng đồng. Do có sự chỉ đạo quyết liệt của Thành phố Hà Nội và Sở GD&ĐT Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã nên số lượng các TTHTCĐ đã tăng lên nhanh chóng. Tính đến năm học 2015-2016 số trung tâm học tập cộng đồng thuộc các quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội như sau:

Bảng 2.14. Thống kê số lượng TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội Năm học 2015-2016

TT	Quận, huyện, thị xã	Số xã, phường, thị trấn	Số TTHTCĐ	TT	Quận, huyện, thị xã	Số xã, phường	Số TTHTCĐ
1	Ba Đình	14	14	16	Sóc Sơn	26	26
2	Đống Đa	21	21	17	Ba Vì	31	31
3	Hai Bà Trưng	20	20	18	Chương Mỹ	32	32
4	Hoàn Kiếm	18	18	19	Đan Phượng	16	16
5	Hoàng Mai	14	14	20	Hoài Đức	20	20
6	Cầu Giấy	8	8	21	Phú Xuyên	28	28
7	Thanh Xuân	11	11	22	Phúc Thọ	23	23
8	Tây Hồ	8	8	23	Thường Tín	29	29
9	Long Biên	14	14	24	Mê Linh	18	18
10	Sơn Tây	15	15	25	Thạch Thất	23	23
11	Bắc Từ Liêm	13	13	26	Thanh Oai	21	21
12	Nam Từ Liêm	10	10	27	Quốc Oai	21	21
13	Đông Anh	24	24	28	Hà Đông	17	17
14	Thanh Trì	16	16	29	Ứng Hoà	29	29
15	Gia Lâm	22	22	30	Mỹ Đức	22	22

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, năm 2016)

Số trung tâm học tập cộng đồng được thành lập so với số xã, phường thị trấn đạt 100%. Đối với 14 quận, huyện của Hà Nội cũ đến cuối năm 2007 tất cả các xã, phường đã thành lập TTHTCĐ và đi vào hoạt động. Quận Long Biên là quận có các TTHTCĐ hoạt động đạt hiệu quả cao. Trung tâm học tập cộng đồng Đức Giang, quận Long Biên là đơn vị được thành lập sớm nhất (19/5/1999) và hoạt động có hiệu quả. Đối với các huyện thuộc Hà Tây (cũ) việc thành lập trung tâm học tập cộng đồng chậm, khi thành lập lại tiến hành ở ạt, vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hoạt động của trung tâm.

2.4.4. Thực trạng quản lý hoạt động trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.4.4.1. Thực trạng quản lý chương trình, nội dung hoạt động trong trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Các chương trình, nội dung hoạt động tại các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua tập trung vào các lĩnh vực:

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Kỹ thuật gieo cấy lúa theo mùa vụ; kỹ thuật trồng cây vụ đông; kỹ thuật thâm canh lúa chất lượng cao; kỹ thuật trồng cây đậu tương và ngô trên đất hai lúa; kỹ thuật trồng rau sạch; kỹ thuật trồng, chiết, ghép cây cảnh; kỹ thuật trồng nấm rom, nấm linh chi; kỹ thuật trồng cây ăn quả chất lượng cao; kỹ thuật phun thuốc trừ sâu và phòng trừ sâu bệnh cho lúa, rau màu...; kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm; kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trong ao hồ; chuyên đề về kinh tế vườn, kinh tế trang trại; phổ biến kiến thức về quản lý kinh doanh, dịch vụ...

- Về lĩnh vực y tế: Vệ sinh an toàn thực phẩm; truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; kiến thức làm vợ, làm mẹ; phòng chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội; phòng chống dịch cúm gia cầm; các phương pháp sơ cứu ban đầu khi bị bỏng, say nắng, điện giật, ngộ độc thức ăn; các phương pháp xoa bóp, bấm huyệt; phòng chống suy dinh dưỡng, rối loạn huyết áp, tai biến mạch máu não...; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; nước sạch và vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm...

- Phổ biến chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước: Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chủ trương mới của Nhà nước và của địa phương; các bộ luật; phát động hưởng ứng thực hiện các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước...

- Tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân nhằm phổ biến kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng giữa các hộ gia đình trong cộng đồng xã, phường và trong huyện: Điện lạnh, điện dân dụng, nghề lái xe; nghề mây tre đan, thêu ren, sơn mài xuất khẩu; nghề khắc trạm gỗ, khắc trai; nghề giúp việc gia đình...

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng, đặc biệt là vào dịp lễ hội của địa phương, nhằm duy trì và phát triển bền vững truyền thống và bản sắc văn hóa cộng đồng; các câu lạc bộ Hán Nôm, câu lạc bộ thơ, thư pháp...

**Bảng 2.15. Kết quả tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung hoạt động
tại trung tâm học tập cộng đồng**

TT	Nội dung hoạt động	Mức độ đánh giá		
		Thường xuyên	Phân vân	Không thường xuyên
1	Tham gia công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.	290 (72,5%)	9 (2,2%)	101 (25,3%)
2	Cung cấp kiến thức về khoa học, kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.	144 (36%)	16 (4%)	240 (60%)
3	Góp phần trang bị cho người dân kiến thức về Hiến pháp, pháp luật.	242 (60,5%)	15 (3,7%)	143 (35,8%)
4	Nâng cao hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.	298 (74,5%)	8 (2%)	94 (23,5%)
5	Tổ chức các chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên tại địa phương.	184 (46%)	21 (5,3%)	195 (48,7%)
6	Cung cấp những kiến thức về phòng bệnh, chữa bệnh, phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội.	232 (57,9%)	11 (2,8%)	157 (39,3%)
7	Góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.	290 (72,5%)	9 (2,2%)	101 (25,3%)
8	Truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, kiến thức làm mẹ, chăm sóc sức khỏe vị thành niên.	243 (60,7%)	12 (3%)	145 (36,3%)
9	Tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân nhằm phổ biến kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo.	290 (72,5%)	5 (1,2%)	105 (26,3%)
10	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng...	312 (78%)	2 (0,5%)	86 (21,5%)

Qua khảo sát cho thấy chương trình, nội dung hoạt động tại các TTHTCĐ khá phong phú. Công tác XMC, phổ cập giáo dục các cấp được tiến hành thường xuyên (72,5%). Trung tâm học tập cộng đồng tổ chức thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường và tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân (72,5%). Tuy nhiên, chương trình, nội dung về cung cấp kiến thức khoa học, kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và tổ chức các chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên tại địa phương tiến hành không thường xuyên (63,9%; 54%). Nội dung cung cấp kiến thức về phòng bệnh, chữa bệnh, ma túy, mại dâm, truyền thông về sức khỏe, dân số chưa được quan tâm đúng mức.

Như vậy, nội dung học tập tại các TTHTCĐ tương đối đa dạng, phong phú. Tuy nhiên nhiều nội dung, chương trình tiến hành không thường xuyên, vì vậy chưa thu hút được nhiều người đến học tại trung tâm học tập cộng đồng.

2.4.4.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục trung tâm học tập cộng đồng

Một trong những giải pháp quan trọng để xây dựng XHHT là xây dựng và phát triển hệ thống TTHTCĐ, coi đây là công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT từ cơ sở.

Việc xây dựng, phát triển TTHTCĐ trong thời gian qua tại Hà Nội đã tạo điều kiện cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học liên tục, học suốt đời. Thông qua TTHTCĐ người dân được trang bị kiến thức nhiều mặt, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng, làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội, là nơi để chính quyền địa phương phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật rộng rãi và nhanh nhất đến với mọi người dân.

Các hoạt động chính tại các TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội trong thời gian qua là: Tổ chức các lớp học xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; Hỗ trợ các trung tâm GDTX mở các lớp học phổ cập; Biên soạn học liệu và tổ chức các lớp học chuyên đề phổ biến kiến thức về các lĩnh vực.

Bảng 2.16. Số lượng học viên tham gia học tập các chuyên đề năm học 2015 -2016

TT	Quận, huyện	Số lượng học viên các chuyên đề	TT	Quận, huyện	Số lượng học viên các chuyên đề
1	Ba Đình	88324	16	Chương Mỹ	8959
2	Đống Đa	12514	17	Đan Phượng	13619
3	Hai Bà Trưng	8346	18	Hoài Đức	12388
4	Hoàn Kiếm	16845	19	Mỹ Đức	3240
5	Hoàng Mai	26846	20	Phú Xuyên	7449
6	Cầu Giấy	12997	21	Sơn Tây	1900
7	Thanh Xuân	7283	22	Thanh Oai	15403
8	Bắc Từ Liêm	14355	23	Thường Tín	2790
9	Đông Anh	29607	24	Ứng Hoà	2793
10	Thanh Trì	15227	25	N.Từ Liêm	3445
11	Gia Lâm	18128	26	Thạch Thất	4447
12	Long Biên	21962	27	Hà Đông	2864
13	Tây Hồ	35616	28	Mê Linh	3562
14	Sóc Sơn	16855	29	Phúc Thọ	2849
15	Ba Vì	5228	30	Quốc Oai	3994
Tổng cộng					420636

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

Từ những kết quả trên có thể khẳng định: Trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội là công cụ quan trọng góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; là trường học của dân, do dân, vì dân; là công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT từ cơ sở. Qua khảo sát thấy các TTHTCĐ

trên địa bàn nội thành và ngoại thành đều có điểm chung, đó là sự cần thiết có TTHTCĐ ở mỗi xã, phường, thị trấn.

- Các trung tâm học tập cộng đồng thuộc phường: Ở nội thành có nhiều trung tâm dạy nghề, tin học, ngoại ngữ, tuy nhiên, mật độ dân cư đông, chưa kể người dân ngoại tỉnh đến làm ăn sinh sống, trình độ dân trí, hoàn cảnh kinh tế của từng gia đình khá cao (nhưng không đồng đều trong mỗi quận và giữa các quận với nhau), cuộc sống của người dân đô thị luôn sôi động, nhu cầu học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, hiểu biết xã hội cũng rất đa dạng, nhiều cấp độ, do đó vẫn rất cần thiết có TTHTCĐ để đáp ứng các nhu cầu học tập, đặc biệt là việc nâng cao dân trí phổ biến pháp luật, sức khỏe và đời sống, văn hóa, tinh thần. Thực tế khảo sát tại các quận cho thấy số lớp học chuyên đề tại TTHTCĐ của các quận mở nhiều, số người dự khá đông.

- Các TTHTCĐ xã, thị trấn thuộc huyện: Đặc điểm khu vực nông thôn ngoại thành đời sống kinh tế của người dân chủ yếu vẫn là nông nghiệp. Trong thời đại ngày nay, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới, đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2 và phổ cập THCS mức độ 2, đang từng bước phấn đấu phổ cập trình độ bậc trung học. Tại các huyện ngoại thành còn có nhiều khó khăn, đó là trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng miền thuộc 17 huyện ngoại thành, tình hình kinh tế - xã hội phát triển chậm so với khu vực nội thành, do đó việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ là hết sức cần thiết để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân đặc biệt là nâng cao dân trí, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phổ biến pháp luật, tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn giúp người nông dân khi nông nhàn và người dân vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, vùng cạnh các khu công nghiệp có nghề và sống bằng nghề.

- Tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ ở các vùng đều còn gặp nhiều khó khăn, riêng quận Thanh Xuân, Long Biên, huyện Gia Lâm chỉ đạo chặt chẽ, bài bản còn các quận, huyện khác thì không thường xuyên, không đồng đều, có nơi chỉ đạo theo văn bản, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, song nhiều nơi còn lúng túng về nội dung, chương trình và đặc biệt là điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động.

- Những đặc điểm riêng về địa bàn cần lưu ý:

Giữa 2 địa bàn nội thành và ngoại thành có sự khác biệt về: mật độ dân cư, trình độ dân trí; nhu cầu và điều kiện học tập khác nhau nên sự phát triển các TTHTCĐ cũng cần có sự hướng dẫn chu đáo, cụ thể.

Trình độ tổ chức, nhận thức về sự cần thiết phải có TTHTCĐ, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của TTHTCĐ của lãnh đạo các quận, huyện cũng khác nhau nên việc đầu tư cũng khác nhau.

Nhìn chung các quận nội thành TTHTCĐ đã được phủ kín ở các phường từ khá sớm. Song ở các huyện ngoại thành phát triển chậm, khi phát triển lại ồ ạt, đồng loạt nên việc tổ chức và hoạt động có nhiều khó khăn. Điều này cần có sự quan tâm, hướng dẫn chỉ đạo đặc biệt của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, các ngành, nhất là ngành GD&ĐT.

Bảng 2.17. Kết quả tổ chức hoạt động giáo dục ở trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung hoạt động	Đánh giá kết quả thực hiện		
		Tốt	Trung bình	Yếu
1	Tham gia công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở.	256 (64%)	91 (22,7%)	53 (13,3%)
2	Cung cấp kiến thức về khoa học, kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.	100 (25,1%)	125 (31,3%)	175 (43,6%)
3	Góp phần trang bị cho người dân kiến thức về Hiến pháp, pháp luật.	224 (56%)	85 (21,3%)	91 (22,7%)
4	Nâng cao hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.	274 (68,5%)	70 (17,6%)	56 (13,9%)
5	Tổ chức các chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên tại địa phương.	76 (19,1%)	142 (35,4%)	182 (45,5%)
6	Cung cấp những kiến thức về phòng bệnh, chữa bệnh, phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội.	162 (40,5%)	116 (29%)	122 (30,5%)
7	Góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.	285 (71,3%)	66 (16,5%)	49 (12,2%)
8	Truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, kiến thức làm mẹ, chăm sóc sức khỏe vị thành niên.	162 (40,5%)	113 (28,2%)	125 (31,3%)
9	Tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân nhằm phổ biến kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng.	258 (64,5%)	72 (18%)	70 (17,5%)
10	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng...	274 (68,5%)	78 (19,5%)	48 (12%)

Qua khảo sát và qua nghiên cứu hồ sơ, báo cáo thường kỳ về hoạt động của TTHTCĐ cho thấy nội dung hoạt động tại các TTHTCĐ khá phong phú. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung: Một số nội dung được các TTHTCĐ vừa thực hiện thường xuyên, vừa thực hiện có chất lượng: Công tác XMC, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS (64%); Tuyên truyền nâng cao hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (68,5%); Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường (71%); Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ... (68,5%).

Một số nội dung kết quả hoạt động thấp: Cung cấp kiến thức khoa học, kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo (25,1%); Tổ chức chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên (19,1%); các chuyên đề về giáo dục sức khỏe (40,5%).

Từ kết quả trên cho thấy, nội dung học tập tại các TTHTCD rất phong phú, thu hút được nhiều người đến học. Tuy nhiên, chất lượng các chuyên đề còn thấp, vì vậy việc tổ chức cần phải có giải pháp phù hợp trong việc tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng các nội dung được tổ chức trong TTHTCD, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

2.4.4.3. Thực trạng quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên TTHTCD

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (nguồn nhân lực của TTHTCD)

Bảng 2.18. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, báo cáo viên trung tâm học tập cộng đồng năm học 2015-2016)

TT	Quận, huyện	S.L CBQL	S.L giáo viên	S.L báo cáo viên	TT	Quận, huyện	S.L CBQL	S.L giáo viên	S.L báo cáo viên
1	Ba Đình	42	8	70	16	Mỹ Đức	66	0	123
2	Ba Vì	90	45	60	17	Phú Xuyên	70	0	130
3	Cầu Giấy	24	0	133	18	Phúc Thọ	69	0	23
4	Chương Mỹ	96	0	68	19	Quốc Oai	68	47	131
5	Đan Phượng	48	0	64	20	Sóc Sơn	52	26	163
6	Đống Đa	61	21	72	21	Sơn Tây	45	0	87
7	Đông Anh	30	0	211	22	Tây Hồ	65	0	104
8	Gia Lâm	66	0	195	23	Thạch Thất	15	0	185
9	Hà Đông	17	0	50	24	Thạch Oai	23	0	0
10	Hai Bà Trưng	87	4	93	25	Thanh Trì	36	0	0
11	Hoài Đức	60	0	110	26	Thanh Xuân	22	70	0
12	Hoàn Kiếm	24	0	35	27	Thường Tín	85	57	64
13	Hoàng Mai	42	56	53	28	B.Từ Liêm	45	0	117
14	Long Biên	26	0	277	29	N.Từ Liêm	20	41	92
15	Mê Linh	54	235	36	30	Ứng Hòa	129	0	79
Tổng cộng							1629	555	2946

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

Như vậy, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các TTHTCD chủ yếu là kiêm nhiệm, thỉnh giảng, được mời tham gia giảng dạy, nói chuyện theo chuyên đề.

Hiện nay, cơ bản đội ngũ cán bộ quản lý các TTHTCĐ được kiện toàn theo Quy chế 09, đó là mỗi trung tâm có 01 Giám đốc, có địa phương Giám đốc TTHTCĐ là Phó Bí thư Đảng uỷ, có địa phương là Phó Chủ tịch UBND xã, phường và từ 01 đến 02 Phó Giám đốc TTHTCĐ là đại diện Hội Khuyến học và đại diện các trường học trên địa bàn, có một số cán bộ làm công tác hành chính, thường trực và đội ngũ giáo viên, cộng tác viên. Trên địa bàn toàn thành phố Hà Nội chưa có quận, huyện, xã, phường nào bố trí giáo viên biệt phái từ trường tiểu học, trung học cơ sở sang làm việc tại TTHTCĐ.

Bảng 2.19. Trình độ chuyên môn, độ tuổi và thâm niên công tác của cán bộ quản

lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (năm học 2015-2016)

Mục	Số người khảo sát	Trình độ chuyên môn			Độ tuổi			Thâm niên công tác		
		Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Từ 35 trở xuống	36-45	Trên 45	10 năm trở xuống	11 đến 20 năm	Trên 20 năm
CB quản lý TT	1629	684	244	701	316	341	972	815	286	528
Giáo viên	555	342	171	42	82	282	191	104	262	189
Nhân viên	578	47	149	382	176	191	211	203	180	195

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Hầu hết lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng đều kiêm nhiệm và thường không được giao ổn định công việc, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý hoạt động. Đặc biệt số cán bộ quản lý có trình độ trung cấp còn nhiều, độ tuổi cao, chuyên môn sơ phạm hạn chế.

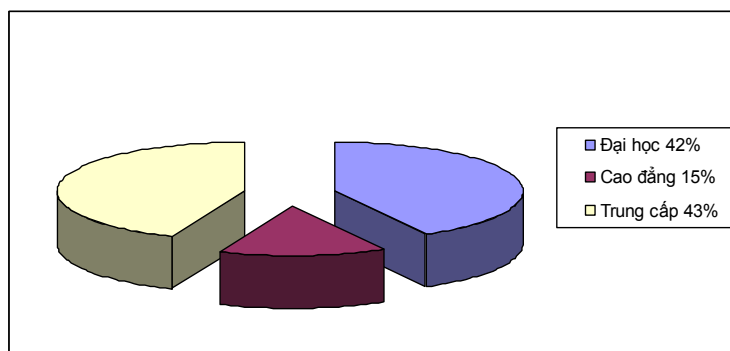
Đội ngũ giáo viên các TTHTCĐ bao gồm giáo viên mời dạy văn hóa, chuyên đề; các cộng tác viên, hướng dẫn viên, báo cáo viên và những người tham gia hướng dẫn tại trung tâm. Đội ngũ này là những người có tinh thần tự nguyện rất cao, nhiệt tình với công việc. Tuy nhiên, một số hạn chế việc nghiệp vụ sơ phạm, điều kiện tham gia vào các hoạt động của trung tâm rất khác nhau. Thực tế cho thấy đội ngũ giáo viên ở các TTHTCĐ Hà Nội không ổn định, vì thế chưa đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng phong phú, đa dạng của cộng đồng. Chưa có những biện pháp hiệu quả để thường xuyên tập hợp, lôi cuốn và động viên đội ngũ giáo viên tích cực thực hiện các chức năng của TTHTCĐ. Phương thức quản lý đội ngũ giáo viên chưa linh hoạt, thiếu mềm dẻo. Việc tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ còn ít... Hà Nội cũng chưa tổ chức được việc bồi dưỡng thường xuyên về kỹ năng quản lý TTHTCĐ cho cán bộ quản lý của TTHTCĐ.

Đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội hiện nay là 1629 người. Qua thống kê cho thấy:

- Về trình độ chuyên môn: 42% cán bộ quản lý TTHTCĐ có trình độ Đại học, 15% có trình độ Cao đẳng và 43% có trình độ Trung cấp. Như vậy, số cán bộ quản lý TTHTCĐ có trình độ Đại học chiếm tỷ lệ thấp, trong khi đó số có trình độ Trung cấp lại chiếm tỷ lệ cao. Điều này tác động nhiều và làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức hoạt động tại các trung tâm học tập cộng đồng.

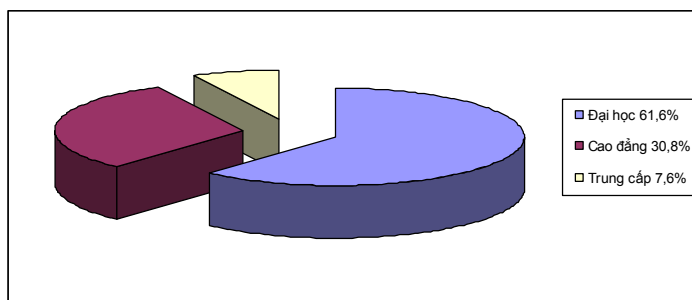
- Về trình độ quản lý: Đa số cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng chưa được đào tạo về nghiệp vụ quản lý TTHTCĐ. Số cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý chiếm tỷ lệ thấp. Tuy nhiên, số cán bộ được bồi dưỡng này mới chỉ được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục nói chung, chứ chưa phải là nghiệp vụ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

Như vậy, số lượng đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng thiếu, trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm khá cao, tuy nhiên còn nhiều bất cập. Trong đó, bất cập nhất là đa số cán bộ quản lý của các TTHTCĐ chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.



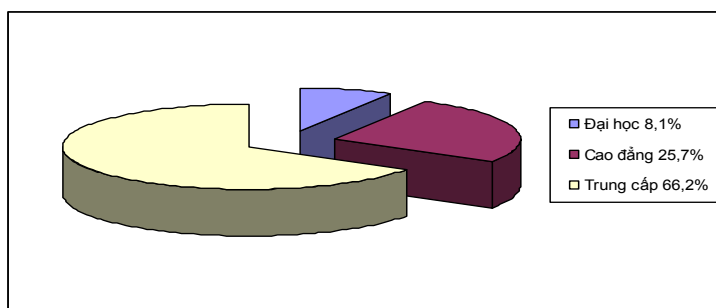
Biểu đồ 2.1. Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Trình độ đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy ở các TTHTCĐ nhìn chung là đạt chuẩn (bằng cấp). Tuy nhiên phương pháp truyền đạt kiến thức của đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên ở các trung tâm còn nhiều bất cập, phần lớn giáo viên chưa có kinh nghiệm dạy học đối với phương thức dạy học không chính qui, nhất là đối với các đối tượng người học lớn tuổi.



Biểu đồ 2.2. Trình độ chuyên môn của giáo viên trung tâm học tập cộng đồng

Trình độ đội ngũ nhân viên các TTHTCĐ chủ yếu là trình độ trung cấp và sơ cấp, không có chuyên môn sư phạm nên việc phục vụ các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế nhiều.



Biểu đồ 2.3. Trình độ chuyên môn của nhân viên trung tâm học tập cộng đồng

Như vậy, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các TTHTCĐ cơ bản chưa đáp ứng về số lượng, về chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ trong giai đoạn hiện nay.

Bảng 2.20. Kết quả khảo sát về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên trung tâm học tập cộng đồng

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đúng	Sai	Không rõ
1	Đủ về số lượng, mạnh về chất lượng.	16 (4%)	360 (90%)	24 (6%)
2	Thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.	244 (61%)	146 (36,5%)	10 (2,5%)
3	Đủ về số lượng, yếu về chất lượng.	248 (62%)	144 (36%)	8 (2%)
4	Chất lượng tốt.	24 (6%)	358 (89,5%)	18 (4,5%)
5	Chất lượng yếu.	192 (48%)	202 (50,5%)	6 (1,5%)

Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ, ngoài các yếu tố về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, yếu tố về điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, thì vấn đề đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên của TTHTCĐ là rất quan trọng, một trong những yếu tố quyết định sự phát triển của TTHTCĐ.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên được quan tâm, bố trí để từng bước đáp ứng yêu cầu về tổ chức và hoạt động của trung tâm. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, số TTHTCĐ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng còn quá ít (4%); số TTHTCĐ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên thiếu về số lượng, yếu về chất lượng chiếm tỷ lệ cao (61%). Nhiều trung tâm đủ về số lượng nhưng chất lượng đội ngũ lại rất yếu (62%); Đặc biệt số TTHTCĐ cán bộ quản, giáo viên, cộng tác viên chất lượng tốt rất ít (6%), số chất lượng yếu chiếm tỷ lệ cao (48%).

Bảng 2.21. Kết quả khảo sát công tác lãnh đạo, quản lý trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động linh hoạt, đáp ứng nhu cầu người học, được đưa đến xã, phường, thị trấn, tổ dân phố, cụm dân cư...	26% (104)	1,5% (6)	72,5% (290)
2	Lãnh đạo TTHTCĐ được bố trí là cán bộ chuyên trách, có năng lực hoạt động cộng đồng và đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.	22% (88)	2% (8)	76% (304)
3	Hoạt động của TTHTCĐ đã đáp ứng được nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân trên địa bàn.	35% (140)	2% (8)	63% (252)
4	Lãnh đạo TTHTCĐ đã tổ chức có hiệu quả các hoạt động tại TTHTCĐ.	36,5% (146)	2,5% (10)	61% (244)
5	Giám đốc TTHTCĐ đã làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động.	44% (176)	1% (4)	55% (220)
6	Lãnh đạo TTHTCĐ đều là những người được đào tạo về hoạt động cộng đồng và được cộng đồng giới thiệu, lựa chọn làm quản lý TTHTCĐ.	23% (92)	2,5% (10)	74,5% (298)

Kết quả khảo sát và kết quả nghiên cứu hồ sơ, sổ sách liên quan đến công tác quản lý, hoạt động của TTHTCĐ cho thấy: Các hoạt động của TTHTCĐ chưa thực sự linh hoạt, chưa đáp ứng được nhu cầu của người học. Cơ cấu tổ chức của TTHTCĐ mới dừng lại ở cấp xã, phường, thị trấn, các hoạt động chưa được đưa đến thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư. Chỉ có 26% ý kiến đánh giá TTHTCĐ hoạt động linh hoạt, đáp ứng nhu cầu người học, được đưa đến xã, phường, thị trấn, tổ dân phố, cụm dân cư. Lãnh đạo TTHTCĐ đều là kiêm nhiệm, năng lực hoạt động lĩnh vực cộng đồng hạn chế (76%). Lãnh đạo TTHTCĐ được bố trí là cán bộ chuyên trách, có năng lực hoạt động cộng đồng và đáp ứng các tiêu chuẩn quy định (22%). Trong lãnh

đạo, điều hành lãnh đạo TTHTCĐ chưa thực hiện đúng chức năng, quyền hạn theo quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ (55%). Phần lớn lãnh đạo TTHTCĐ chưa được đào tạo hoặc bồi dưỡng về chuyên môn thuộc lĩnh vực hoạt động giáo dục cộng đồng (74,5%). Việc tổ chức các hoạt động trong TTHTCĐ hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng (61%).

2.3.4.4. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất TTHTCĐ

Về điều kiện làm việc của trung tâm học tập cộng đồng: Với tính chất của một cơ sở giáo dục thường xuyên mang tính chất cộng đồng và vì cộng đồng, do vậy các điều kiện phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ rất linh hoạt, đa dạng nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Nhiều trung tâm đã sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất là nhà văn hoá thôn, là hội trường UBND xã và các thiết bị của UBND xã để hoạt động. Nhiều trung tâm được trang bị phòng thường trực riêng, có địa điểm riêng để tổ chức hoạt động, được trang bị máy vi tính, loa đài...

Tuy nhiên, nhiều trung tâm không có cơ sở vật chất riêng, phần lớn là mượn các phương tiện của địa phương như hội trường, phòng họp của UBND và các đoàn thể. Các phương tiện và kinh phí hoạt động được chính quyền hỗ trợ một phần, còn lại thực hiện “xã hội hoá”.

Bảng 2.22. Tình hình cơ sở vật chất, thiết bị trung tâm học tập cộng đồng năm học 2015-2016

TT	Quận, huyện	TT có trụ sở riêng	TT có tủ sách riêng	TT có thiết bị riêng	TT	Quận, huyện	TT có trụ sở riêng	TT có tủ sách riêng	TT có thiết bị riêng
1	Ba Đình	1	5	7	16	Hoài Đức	0	0	11
2	Đống Đa	0	21	21	17	Phú Xuyên	1	28	4
3	Hai Bà Trưng	2	13	17	18	Phúc Thọ	0	23	0
4	Hoàn Kiếm	0	18	18	19	Sơn Tây	4	4	10
5	Hoàng Mai	6	14	1	20	Thanh Oai	0	21	21
6	Cầu Giấy	8	8	8	21	Ba Vì	6	0	31
7	Thanh Xuân	0	11	11	22	Chương Mỹ	0	0	0
8	Long Biên	3	3	14	23	Đan Phượng	0	16	3
9	Tây Hồ	1	7	8	24	Mê Linh	0	0	11
10	B.Từ Liêm	0	4	4	25	Mỹ Đức	1	22	22
11	N.Từ Liêm	0	4	4	26	Quốc Oai	0	10	16
12	Đông Anh	0	24	24	27	Thạch Thất	0	23	23
13	Thanh Trì	0	16	16	28	Thường Tín	0	29	29
14	Gia Lâm	3	21	21	29	Ứng Hòa	0	29	29
15	Sóc Sơn	3	2	4	30	Hà Đông	3	17	17
Tổng cộng							42	393	405

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

Như vậy, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của TTHTCĐ còn thiếu và rất nghèo nàn. Số trung tâm học tập cộng đồng có trụ sở làm việc riêng rất ít (42 trung tâm), nhiều quận, huyện, thị xã không có TTHTCĐ nào có trụ sở làm việc riêng biệt. Trang thiết bị phục vụ hoạt động như loa đài, máy vi tính hầu như phải mượn hoặc dùng chung với một số đơn vị khác. 100% các TTHTCĐ không có thư viện mà chỉ là tủ sách với số lượng sách báo rất hạn chế (chỉ có 393 TTHTCĐ có tủ sách riêng, có 04 huyện không TTHTCĐ nào có tủ sách).

Bảng 2.23. Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu hoạt động.	38 (9,5%)	42 (10,5%)	320 (80%)
2	Cơ sở vật chất, thiết bị đã được đầu tư nhưng còn thiếu nhiều.	260 (65%)	42 (10,5%)	98 (24,5%)
3	Cơ sở vật chất, thiết bị không được đầu tư.	122 (30,5%)	34 (8,5%)	244 (61%)

Qua khảo sát và thông qua sự đánh giá của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho thấy cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ hoạt động của TTHTCĐ bước đầu đã được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, với thực tế cơ sở vật chất như hiện có là rất thiếu thốn. Đa số các TTHTCĐ cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, chủ yếu tận dụng cơ sở vật chất, thiết bị của UBND xã, phường, thị trấn. Chỉ có 9,5% ý kiến cho rằng cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu hoạt động. Có tới 30,5% ý kiến đánh giá cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ không được đầu tư.

2.4.4.5. Thực trạng quản lý đầu tư tài chính

Về kinh phí: Trước ngày 31/12/2009 do chưa có Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về định mức kinh phí cho các trung tâm học tập cộng đồng nên việc đầu tư kinh phí ở mỗi quận, huyện cho từng trung tâm học tập cộng đồng là không giống nhau. Mức độ đầu tư kinh phí phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động của trung tâm, số lượng chuyên đề tổ chức học tập và sự tham mưu của Phòng GD&ĐT, trung tâm GDTX, trung tâm học tập cộng đồng đối với lãnh đạo quận, huyện, thị xã. Ngày 31/12/2009 Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 125 ban hành Quy định về mức kinh phí hỗ trợ lần đầu cho các TTHTCĐ và phụ cấp trách nhiệm cho Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng.

Từ sau khi có Quyết định của UBND Thành phố về kinh phí cho trung tâm học tập cộng đồng, các quận, huyện, thị xã đã tăng cường đầu tư kinh phí và các điều kiện cho trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có chất lượng. Đặc biệt, đối với các địa phương

chưa có TTHTCĐ đã tích cực chỉ đạo để thành lập và tổ chức hoạt động đối với trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước chỉ cấp cho các TTHTCĐ khi mới thành lập và chế độ phụ cấp kiêm nhiệm cho Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng. Kinh phí hoạt động thường xuyên không được cấp, vì vậy rất khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động.

Để tạo điều kiện cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã hỗ trợ ban đầu cho các trung tâm, theo đó, mỗi trung tâm được hỗ trợ ban đầu 40 triệu đồng để mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động. Cấp kinh phí phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý TTHTCĐ, đối với Giám đốc hệ số phụ cấp là 0,4, và Phó Giám đốc là 0,3 mức lương tối thiểu. Căn cứ điều kiện thực tế, từng trung tâm xây dựng kế hoạch kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền quyết định (riêng năm học 2015 - 2016 ngân sách nhà nước cấp cho các TTHTCĐ trên toàn Thành phố là 11,5 tỷ đồng).

Mặc dù đã được quan tâm đầu tư, cấp kinh phí, nhưng sự đầu tư đó chỉ đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu cần thiết để tổ chức các hoạt động ở trung tâm. Vì vậy, để hoạt động của trung tâm có hiệu quả, bền vững, đòi hỏi phải huy động tổng hợp các nguồn lực từ cộng đồng, thực hiện xã hội hóa công tác xây dựng cơ sở vật chất TTHTCĐ. Tuy nhiên, thực tế việc tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng, phát triển TTHTCĐ chưa được quan tâm đúng mức. Tâm lý chờ đợi sự hỗ trợ kinh phí của nhà nước trong cán bộ quản lý TTHTCĐ còn phổ biến. Nhiều cán bộ quản lý TTHTCĐ còn lúng túng trong việc tham mưu với lãnh đạo địa phương về đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho trung tâm.

Bảng 2.24. Đánh giá thực trạng kinh phí hoạt động đối với trung tâm học tập cộng đồng

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Kinh phí đầy đủ để hoạt động.	36 (9%)	4 (1%)	360 (90%)
2	Kinh phí thiếu.	352 (88%)	6 (1,5%)	82 (20,5%)
3	Không có kinh phí hoạt động.	212 (53%)	16 (4%)	172 (43%)

Thực hiện Thông tư 96 của Bộ Tài chính, Quyết định số 125 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, trong thời gian qua các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được đầu tư kinh phí cho các hoạt động. Tuy nhiên, kinh

phí chủ yếu dành cho việc chi trả phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý trung tâm, kinh phí dành cho hoạt động của trung tâm gần như chưa được đầu tư.

Qua khảo sát và đánh giá của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng cho thấy, kinh phí hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn rất khó khăn, thiếu thốn. Rất ít trung tâm học tập cộng đồng có đủ kinh phí để tổ chức các hoạt động (9%). Phần lớn trung tâm học tập cộng đồng thiếu kinh phí hoạt động (88%) và nhiều trung tâm học tập cộng đồng không có kinh phí hoạt động (53%).

Như vậy, tuy đã có sự quan tâm đầu tư của nhà nước đối với các điều kiện để tổ chức hoạt động của TTHTCD, nhưng để đảm bảo việc tổ chức các hoạt động thường xuyên, liên tục, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của TTHTCD thì cần phải có sự đầu tư kinh phí đáp ứng nhu cầu hoạt động. Điều này đặt ra cho các cấp lãnh đạo, quản lý cần phải xây dựng và hoạch định chính sách phù hợp với thực tiễn địa phương để đầu tư kinh phí đảm bảo cho các TTHTCD hoạt động, nhất là nhu cầu học tập của người dân trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

2.4.5. Thực trạng công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Để tìm hiểu về thực trạng công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng về các nội dung:

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCD về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học để cán bộ, nhân viên, giáo viên hiểu và có trách nhiệm, tự giác trong việc triển khai ứng dụng.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên để họ có đủ khả năng triển khai ứng dụng và đạt hiệu quả cao trong công việc.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ cho việc quản lý và dạy học.

- Chỉ đạo đầu tư phần mềm, trang thiết bị Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cho việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên.

- Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu về các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống quản lý mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng.

Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.25. Thực trạng công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Chưa tốt	Chưa thực hiện
1	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên TTHTCĐ về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học	240 (60%)	148 (37%)	12 (3%)
2	Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.	204 (51%)	156 (39%)	40 (10%)
3	Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin	276 (69%)	92 (23%)	32 (8%)
4	Chỉ đạo đầu tư phần mềm, trang thiết bị Công nghệ thông tin	296 (74%)	104 (26%)	0 (0%)
5	Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin	324 (81%)	68 (17%)	8 (2%)
6	Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu về các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống quản lý mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng	0 (0%)	156 (39%)	244 (61%)

Theo kết quả tổng hợp đánh giá trên chúng ta thấy, công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng về cơ bản đã thực hiện được một số nội dung nhưng kết quả còn rất hạn chế. Những nội dung như: Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin; Ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, quản lý việc ứng dụng công nghệ thông tin được đánh giá thực hiện khá tốt. Các nội dung: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên TTHTCĐ về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tỷ lệ giữa đánh giá tốt và chưa tốt còn khá tương đương. Ngoài ra còn có nhưng ý kiến đánh giá chưa thực hiện. Điều này chứng tỏ các nội dung này chưa đến được mọi người. Đặc biệt nội dung chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu về các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống quản lý mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng gần như chưa thực hiện. Đây là một thực tế, hiện nay Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chưa có những chỉ đạo cụ thể để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống quản lý mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng cho toàn Thành phố.

Như vậy, so với các nội dung quản lý khác, công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa.

2.4.6. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Qua khảo sát cho thấy, hiện nay cơ bản đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng được kiện toàn theo Quy chế 09, đó là mỗi trung tâm có Giám đốc, có địa phương Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là Phó Bí thư Đảng ủy, có địa phương là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và từ 1 đến 2 Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là đại diện Hội Khuyến học và đại diện các trường học trên địa bàn. Ban quản lý trung tâm học tập cộng đồng hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy và sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về mọi mặt và sự quản lý chuyên môn của ngành giáo dục.

Thực tế cho thấy, đa số cán bộ trong lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội đều tham gia các hoạt động của trung tâm với một tinh thần tự nguyện và ý thức trách nhiệm cao. Việc lựa chọn cán bộ quản lý trung tâm mới chỉ theo thành phần đại diện chứ chưa dựa trên những tiêu chuẩn nhất định. Số lượng Ban quản lý trung tâm khá đông, song đội ngũ này lại chưa hoặc ít được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm cho công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội trong giai đoạn vừa qua còn yếu, ảnh hưởng đến việc phát triển của mô hình này.

Kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch hoạt động:

Qua khảo sát cho thấy phần lớn các kế hoạch đã xác định được mục tiêu hoạt động tổng quát của trung tâm trong năm và theo từng thời gian cụ thể. Đa số các kế hoạch đã đưa ra được công việc mà trung tâm cần tiến hành theo từng tháng, quý, năm. Trong đó vẫn còn có trung tâm chưa xác định rõ công việc theo kế hoạch thời gian. Nhiều kế hoạch đã xác định rõ các nguồn lực để thực hiện các nội dung công việc đã đề ra. Một số kế hoạch đã xác định được cụ thể kết quả cần đạt được trong năm, trong từng quý, tháng.

Như vậy, các trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội đã xây dựng được kế hoạch hoạt động của mình. Đa số các kế hoạch đảm bảo nội dung quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số bản kế hoạch chưa xác định rõ mục tiêu cần đạt được, các công việc cụ thể cần phải tiến hành trong từng thời gian cụ thể, nguồn lực phải huy động...

Công tác tổ chức, quản lý hoạt động:

Tổ chức quản lý hoạt động hàng ngày và hoạt động định kỳ của trung tâm học tập cộng đồng, đây là một trong những trách nhiệm của cán bộ quản lý trung tâm. Qua khảo sát cho thấy, đa số cán bộ quản lý đã quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động hàng ngày và hoạt động định kỳ của trung tâm. Một số trung tâm đã tổ chức, quản lý khá chặt chẽ, khoa học các hoạt động hàng ngày của trung tâm mình. Điền

hình là TTHTCĐ phường Đức Giang, quận Long Biên, trong quản lý học liệu và sách báo, cán bộ quản lý trung tâm đã thực hiện: Tiến hành kiểm kê để lập bảng danh mục học liệu và sách báo của thư viện; đề ra nội quy sử dụng học liệu; lập sổ theo dõi những người đọc, người mượn sách, báo; mua bổ sung học liệu, sách báo... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trung tâm tổ chức, quản lý chưa tốt các hoạt động hàng ngày và hoạt động định kỳ của trung tâm, nhiều trung tâm không có sổ sách ghi chép những hoạt động hàng ngày diễn ra tại trung tâm.

Tổ chức và quản lý các chương trình, hoạt động giáo dục: Qua khảo sát cho thấy, các TTHTCĐ ở Hà Nội đã có rất nhiều cố gắng trong việc tổ chức và quản lý các chương trình, hoạt động giáo dục. Các chương trình, hoạt động giáo dục ở Hà Nội tập trung vào các nội dung: Chuyên đề về chuyển giao khoa học, kỹ thuật, khoa học công nghệ, dịch vụ, dạy nghề; chuyên đề học văn hóa cơ bản, xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, BTVH, ngoại ngữ, tin học; chuyên đề khoa học, sức khỏe, môi trường, văn hóa; chuyên đề thời sự, chính sách, phổ biến giáo dục pháp luật. Bên cạnh những chuyên đề trên, tại các TTHTCĐ ở Hà Nội còn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động của các câu lạc bộ thơ, dưỡng sinh...

Như vậy, các TTHTCĐ ở Hà Nội đã tổ chức nhiều chương trình và hoạt động cho cộng đồng, phần nào đã đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng. Tuy nhiên, hiệu quả mang lại từ các chương trình, hoạt động do trung tâm tổ chức chưa cao, số người tham gia vào các hoạt động ít, chưa thường xuyên, việc vận dụng kiến thức được trang bị vào cuộc sống còn hạn chế...

Tổ chức hoạt động cho người lớn: Các trung tâm đã có rất nhiều cố gắng trong việc tổ chức hoạt động học tập cho người lớn. Mô hình TTHTCĐ là hình thức thực sự phù hợp, cần thiết, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, HTSD của người dân và cộng đồng. Việc học tập đã góp phần nâng cao dân trí, chuyển đổi cơ cấu kinh tế làm tăng chất lượng cuộc sống của người dân trên từng địa bàn. Tuy nhiên, việc tổ chức hoạt động cho người lớn ở các TTHTCĐ còn bộc lộ một số hạn chế. Đó là: Nội dung học tập ở một số TTHTCĐ chưa thực sự phù hợp và đáp ứng nhu cầu người học. Chưa tạo ra môi trường học tập thuận lợi, phù hợp với người học. Chưa quan tâm hết những đặc điểm học tập của người lớn, còn lúng túng khi đánh giá kết quả học tập của học viên...

Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của trung tâm:

Đa số cán bộ quản lý còn chưa coi trọng công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động của TTHTCĐ. Vì vậy, công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của TTHTCĐ ở tất cả các bước chưa được thực hiện nghiêm túc. Vì thế, có rất nhiều khó

khẩn, vướng mắc trong quá trình tổ chức hoạt động của TTHTCĐ chậm được phát hiện để kịp thời giải quyết hoặc đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Công tác đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm:

Đa số cán bộ quản lý đều chưa quan tâm thường xuyên đến việc xác định mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động của TTHTCĐ. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp cho từng chương trình còn hạn chế, mang nặng tính hình thức. Việc đánh giá kết quả hoạt động của TTHTCĐ chưa bài bản, chưa theo đúng quy trình. Khâu xử lý sau đánh giá chưa được chú trọng. Như vậy, công tác đánh giá kết quả hoạt động của TTHTCĐ còn chưa được cán bộ quản lý quan tâm đầy đủ, thường xuyên, chính điều đó đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của việc nâng cao chất lượng hoạt động các TTHTCĐ ở Hà Nội.

Bảng 2.26. Kết quả khảo sát mục đích đánh giá trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Đánh giá TTHTCĐ theo bộ tiêu chuẩn của Sở GD&ĐT.	36 (9%)	80 (20%)	284 (71%)
2	Đánh giá TTHTCĐ là theo yêu cầu của nhà quản lý.	244 (61%)	64 (16%)	92 (23%)
3	Đánh giá TTHTCĐ xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng.	124 (31%)	68 (17%)	208 (52%)
4	Đánh giá TTHTCĐ là đòi hỏi của sự phát triển TTHTCĐ.	104 (26%)	52 (13%)	244 (61%)
5	Đánh giá TTHTCĐ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ.	72 (18%)	56 (14%)	272 (68%)
6	Đánh giá TTHTCĐ nhằm đưa ra các biện pháp củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, quản lý TTHTCĐ.	96 (24%)	56 (14%)	248 (62%)
7	Đánh giá TTHTCĐ nhằm đưa ra nhận định về chi phí, hiệu quả đạt được của các hoạt động.	272 (68%)	60 (15%)	68 (17%)

Công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý nói chung và đánh giá nội bộ TTHTCĐ nói riêng hiện nay còn nhiều hạn chế.

Qua khảo sát chỉ có 9% thống nhất, 71% không đồng ý nội dung: Đánh giá TTHTCĐ theo bộ tiêu chuẩn của Sở GD&ĐT. Điều này khẳng định công tác quản lý, chỉ đạo và việc triển khai đánh giá, xếp loại TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội chưa tốt, các TTHTCĐ chưa triển khai thực hiện. Nội dung: Đánh giá TTHTCĐ là theo yêu cầu của nhà quản lý (61%) và đánh giá TTHTCĐ nhằm đưa ra nhận định về chi phí, hiệu quả đạt được của các hoạt động (68%). Số người đồng ý đánh giá TTHTCĐ xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng (31%), đánh giá TTHTCĐ nhằm đưa ra các biện pháp củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ (24%).

Từ kết quả này cho thấy mục tiêu của hoạt động đánh giá là kết quả đạt được của trung tâm học tập cộng đồng, mục tiêu của sự đánh giá hướng tới việc quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

Bảng 2.27. Công tác đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch cụ thể việc đánh giá hoạt động TTHTCĐ.	62 (15,5%)	182 (45,5%)	156 (39%)
2	Xác định rõ mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động TTHTCĐ.	38 (9,5%)	190 (47,5%)	172 (43%)
3	Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động TTHTCĐ.	30 (7,5%)	182 (45,5%)	188 (47%)
4	Tổ chức đánh giá hoạt động TTHTCĐ.	34 (8,5%)	164 (41%)	202 (50,5%)
5	Xử lý kết quả sau đánh giá hoạt động TTHTCĐ.	26 (6,5%)	158 (39,5%)	216 (54%)

Số liệu trên cho thấy: Phần lớn cán bộ quản lý không thường xuyên quan tâm hoặc không thực hiện việc xây dựng kế hoạch cụ thể việc đánh giá hoạt động TTHTCĐ (84,5%). Việc xác định rõ mục đích, yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động TTHTCĐ đa số cán bộ quản lý chưa thường xuyên quan tâm (90,5%). Chỉ có 7,5% đánh giá là đã xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động TTHTCĐ. Việc tổ chức đánh giá hoạt động TTHTCĐ rất ít được thực hiện (8,5%), việc xử lý kết quả sau đánh giá cũng được thực hiện rất hạn chế (6,5%).

Như vậy, việc đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội còn chưa được quan tâm thực hiện, đây cũng chính là một trong những hạn chế ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý TTHTCĐ ở Hà Nội, làm cho hệ thống TTHTCĐ hoạt động kém hiệu quả, chất lượng hoạt động thấp.

2.5. Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đến quản lý trung tâm học tập cộng đồng

2.5.1. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương

Trung tâm học tập cộng đồng là một thiết chế giáo dục được tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hoạt động của trung tâm nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn, vì vậy công tác quản lý TTHTCĐ phụ thuộc rất lớn vào sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy và sự chỉ đạo, tạo điều kiện của chính quyền địa phương.

Theo báo cáo của Sở GD&ĐT Hà Nội, trong những năm qua cấp ủy, chính quyền từ Thành phố đến quận, huyện, thị xã, xã phường, thị trấn đã bước đầu quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND, ngày 04/12/2013 Kế hoạch “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2013-2020” Thành phố Hà Nội; Quyết định số 4590/QĐ-UBND, ngày 23/8/2016 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Thành phố xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020; Quyết định số 125/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 Quy định mức hỗ trợ kinh phí và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ quản lý trung tâm

học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội; Công văn số 2037/UBND-VX ngày 07/4/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hướng dẫn đánh giá xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố, 100% các quận, huyện, thị xã đã thành lập (kiện toàn) Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tập trung nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện các văn bản Thành ủy, UBND Thành phố. Chính vì vậy, hệ thống trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố đã có bước phát triển tốt, một số địa phương trung tâm học tập cộng đồng đã thực sự trở thành nơi cung ứng các cơ hội học tập suốt đời cho người dân.

Tuy nhiên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của TTHTCĐ chưa được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm thực sự, đặc biệt là cấp xã - cấp quản lý trực tiếp đối với các trung tâm học tập cộng đồng. Thành phố chưa có chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về xây dựng XHHT, quản lý trung tâm học tập cộng đồng, các chế độ chính sách dành cho trung tâm học tập cộng đồng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều địa phương chưa quan tâm giao nhiệm vụ và bố trí ngân sách hỗ trợ hoạt động của các TTHTCĐ; trong các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội hàng tháng, quý, năm cũng như trong việc đề ra phương hướng, nhiệm vụ hầu như không đề cập đến hoạt động của các TTHTCĐ; không có văn bản, không thường xuyên chỉ đạo hoạt động của các TTHTCĐ nên các TTHTCĐ được thành lập ra nhưng không hoạt động, hoặc hoạt động không thường xuyên, hiệu quả hoạt động thấp.

Bảng 2.28. Kết quả khảo sát thực trạng sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đối với việc quản lý TTHTCĐ.	144 (36%)	84 (21%)	172 (43%)
2	Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo việc thành lập, quản lý TTHTCĐ.	128 (32%)	108 (27%)	164 (41%)
3	Chỉ đạo ngành giáo dục kịp thời phối hợp với Hội Khuyến học, các ngành, tổ chức, đoàn thể chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ.	148 (37%)	60 (15%)	192 (48%)
4	Có chỉ thị của cấp ủy, kế hoạch của chính quyền về xây dựng, phát triển TTHTCĐ.	100 (25%)	44 (11%)	256 (64%)

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác quản lý TTHTCĐ là rất quan trọng. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền còn nhiều hạn chế. Chỉ có 36% ý kiến rằng cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đối với việc quản lý TTHTCĐ. Có 32% ý kiến cho rằng đã ban hành đầy đủ văn bản chỉ đạo

đối với TTHTCĐ. Rất ít ý kiến đánh giá cấp ủy có chỉ thị, chính quyền có kế hoạch chuyên đề về xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng (25%).

Với kết quả trên, cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với trung tâm học tập cộng đồng trong thời gian tới, có như vậy trung tâm học tập cộng đồng mới phát triển đúng hướng và nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng thực sự nhu cầu học tập của người dân.

2.5.2. Năng lực của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Để các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, cần phải có đội ngũ cán bộ quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm) có năng lực. Hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ ở Hà Nội chủ yếu là kiêm nhiệm. Mỗi trung tâm học tập cộng đồng có Giám đốc và từ 1 đến 2 Phó Giám đốc trung tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội hiện nay là 1629 người. Về trình độ chuyên môn: có 648 cán bộ quản lý TTHTCĐ có trình độ Đại học, 244 người có trình độ Cao đẳng và 701 người có trình độ Trung cấp. Như vậy, số cán bộ quản lý TTHTCĐ có trình độ Đại học chiếm tỷ lệ thấp. Về trình độ quản lý: không có cán bộ quản lý TTHTCĐ được đào tạo chuyên môn về giáo dục cộng đồng.

Như vậy, cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng đều là kiêm nhiệm không được đào tạo về giáo dục cộng đồng. Số cán bộ quản lý có trình độ trung cấp còn nhiều, độ tuổi cao, chuyên môn sơ phạm hạn chế.

Bảng 2.29. Kết quả khảo sát năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Lãnh đạo TTHTCĐ là cán bộ có năng lực quản lý TTHTCĐ, năng lực tổ chức các hoạt động cộng đồng.	22% (88)	2% (8)	76% (304)
2	Lãnh đạo TTHTCĐ đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động tại TTHTCĐ.	36,5% (146)	2,5% (10)	61% (244)
3	Giám đốc TTHTCĐ đã làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ.	44% (176)	1% (4)	55% (220)
4	Lãnh đạo TTHTCĐ được bồi dưỡng thường xuyên kiến thức về quản lý TTHTCĐ.	39% (156)	26% (104)	35% (140)

Kết quả khảo sát cho thấy: Đội ngũ lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng có năng lực quản lý trung tâm học tập cộng đồng, năng lực tổ chức các hoạt động cộng đồng chiếm tỷ lệ thấp (22%). 36% ý kiến đánh giá lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch hoạt động, tổ chức triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động tại TTHTCĐ; 44% ý kiến cho

rằng Giám đốc trung tâm đã làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động; 39% ý kiến cho rằng lãnh đạo trung tâm được bồi dưỡng thường xuyên kiến thức về quản lý TTHTCĐ.

Như vậy, năng lực của một bộ phận cán bộ quản lý TTHTCĐ rất hạn chế. Để trung tâm hoạt động có hiệu quả, người cán bộ quản lý trung tâm cần phải có những năng lực cần thiết để tổ chức các hoạt động của trung tâm. Chính vì vậy, cần có những yêu cầu cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý TTHTCĐ cho đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ trên địa bàn Thành phố hiện nay.

2.5.3. Chương trình, nội dung hoạt động trong trung tâm học tập cộng đồng

Người dân đến với trung tâm học tập cộng đồng để được đáp ứng nhu cầu của mình về một hay nhiều lĩnh vực nào đó mà họ quan tâm. Vì vậy, nếu chương trình, nội dung các chuyên đề tổ chức trong trung tâm dập khuôn, máy móc, áp đặt sẽ không thu hút được người dân đến học tập.

Trong thời gian qua, các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội tập trung thực hiện các chương trình, nội dung: Chương trình giáo dục pháp luật; chương trình giáo dục phát triển kinh tế; chương trình giáo dục văn hoá xã hội; chương trình giáo dục bảo vệ sức khoẻ; chương trình giáo dục bảo vệ môi trường.

Qua khảo sát về hoạt động của TTHTCĐ cho thấy: Chương trình, nội dung về công tác XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS được tổ chức thường xuyên tại các TTHTCĐ (72,5%); Về tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và nội dung tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân nhằm phổ biến kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng được coi trọng và tiến hành khá thường xuyên (72,5%). Về nâng cao hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng, nhằm phát huy bản sắc văn hóa địa phương được các TTHTCĐ tiến hành thường xuyên nhất (74,5% và 78%). Các nội dung: Cung cấp kiến thức khoa học, kỹ thuật, góp phần phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; Tổ chức các chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên tại địa phương không được tiến hành thường xuyên (63,9% và 54%). Nội dung cung cấp kiến thức về phòng bệnh, chữa bệnh, ma túy, mại dâm, truyền thông về sức khỏe, dân số cũng chưa được quan tâm đúng mức (42% và 39%).

Từ kết quả trên cho thấy, nội dung học tập tại các TTHTCĐ rất phong phú, thu hút được nhiều người đến học. Tuy nhiên, các chuyên đề còn nặng về áp đặt, dập khuôn, chưa xuất phát từ nhu cầu người học, nhất là thiếu các chuyên đề mang tính thiết thực như: phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước..., chất lượng các chuyên đề còn thấp. Vì vậy, việc đổi mới chương trình, nội dung hoạt động trong TTHTCĐ, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trong bối cảnh đổi mới là hết sức cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

2.5.4. Nhu cầu học tập thường xuyên của người dân

Nhu cầu học tập của mỗi người dân là hoàn toàn tự nguyện. Đến học tại trung tâm học tập cộng đồng là nhu cầu, mục đích riêng của từng cá nhân, song có một điểm chung nhất, đó là mong muốn được bồi dưỡng, cập nhật thêm kiến thức, kỹ năng mà mỗi cá nhân thấy thực sự cần thiết cho bản thân. Vì vậy, việc khơi dậy lòng hiếu học, nhu cầu học tập thường xuyên, liên tục, suốt đời của người dân là nhân tố không thể thiếu đối với công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

Tại Hà Nội những năm qua trung tâm học tập cộng đồng là nơi đáp ứng nhu cầu cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, học liên tục, học suốt đời, được trang bị kiến thức nhiều mặt, góp phần xoá đói, giảm nghèo, tăng năng suất lao động, giải quyết việc làm, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người dân và cả cộng đồng, làm lành mạnh hoá các quan hệ xã hội. Số lượng học viên tham gia học tập các chuyên đề năm học 2015 – 2016: Tin học, ngoại ngữ 15.861 học viên; Nghề ngắn hạn: 40.144 học viên; Bồi dưỡng chuyên đề: 364.631 học viên.

Bảng 2.30. Số lượng học viên tham gia học tập các chuyên đề năm học 2015 -2016

TT	Quận, huyện	TH, NN	Nghề ngắn hạn	BD chuyên đề	TT	Quận, huyện	TH, NN	Nghề ngắn hạn	BD chuyên đề
1	Ba Đình	1255	548	86521	16	Chương Mỹ	773	7186	1000
2	Đống Đa	1386	1678	9450	17	Đan Phượng	1372	5247	7000
3	Hai Bà Trưng	571	125	7650	18	Hoài Đức	921	2467	9000
4	Hoàn Kiếm	633	662	15550	19	Mỹ Đức	220	70	2950
5	Hoàng Mai	235	111	26500	20	Phú Xuyên	541	4258	2650
6	Cầu Giấy	515	1922	10560	21	Sơn Tây	280	130	1500
7	Thanh Xuân	787	5496	1000	22	Thanh Oai	277	126	15000
8	Bắc Từ Liêm	731	824	12800	23	Thường Tín	184	115	2500
9	Đông Anh	419	2688	26500	24	Ứng Hoà	143	150	2500
10	Thanh Trì	1035	1692	12500	25	N. Từ Liêm	421	224	2800
11	Gia Lâm	285	343	17500	26	Thạch Thất	539	258	3650
12	Long Biên	152	810	21000	27	Hà Đông	226	138	2500
13	Tây Hồ	416	200	35000	28	Mê Linh	383	129	3050
14	Sóc Sơn	534	1321	15000	29	Phúc Thọ	194	155	2500
15	Ba Vì	123	105	5000	30	Quốc Oai	344	150	3500
Tổng cộng							15861	40144	364631

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo)

Nhu cầu học tập của người dân tập trung vào các nội dung: Thời sự, chính sách; các lớp dạy nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ; các câu lạc bộ dành cho các lứa tuổi...

Tuy nhiên, nhu cầu học tập của mỗi người, mỗi địa phương, vùng, miền rất khác nhau, vì vậy số học viên tham gia học tập tại các TTHTCĐ ở từng địa phương cũng rất khác nhau. Thực tế khảo sát cho thấy ở nội thành trình độ dân trí, hoàn cảnh kinh tế của từng gia đình khá cao, nhu cầu học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, hiểu biết xã hội cũng rất đa dạng, vì vậy các chương trình về công nghệ thông tin, ngoại ngữ, thời sự chính sách, chất lượng cuộc sống... thu hút được đông đảo người học.

Vùng ngoại thành với đặc thù chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trình độ dân trí không đồng đều, tình hình kinh tế - xã hội phát triển chậm, do đó nhu cầu học tập của người dân chủ yếu tập trung vào nâng cao dân trí, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phổ biến pháp luật, các lớp dạy nghề ngắn hạn...

Như vậy, trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội là công cụ quan trọng góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; là trường học của dân, do dân, vì dân; là công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT từ cơ sở.

2.5.5. Vấn đề xã hội hóa nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính) phục vụ cho hoạt động

Thực tế khảo sát cho thấy: trung tâm học tập cộng đồng có cơ sở vật chất và các thiết bị cần thiết đáp ứng được yêu cầu hoạt động của trung tâm trên cơ sở đầu tư, trang bị mới hoặc tận dụng các cơ sở vật chất sẵn có trên địa bàn cấp xã. Nguồn tài chính của trung tâm học tập cộng đồng bao gồm: Ngân sách nhà nước hỗ trợ; kinh phí huy động từ các nguồn khác, thông qua hoạt động thiết thực, có hiệu quả trên địa bàn.

Về cơ sở vật chất, thiết bị: Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của TTHTCĐ còn thiếu và rất nghèo nàn. Trụ sở làm việc riêng rất ít, trang thiết bị phục vụ hoạt động hầu như phải mượn hoặc dùng chung với một số đơn vị khác.

Bảng 2.31. Kết quả đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu hoạt động.	38 (9,5%)	42 (10,5%)	320 (80%)
2	Cơ sở vật chất, thiết bị đã được đầu tư nhưng còn thiếu nhiều.	260 (65%)	42 (10,5%)	98 (24,5%)
3	Cơ sở vật chất, thiết bị không được đầu tư.	122 (30,5%)	34 (8,5%)	244 (61%)

Qua thực tế khảo sát và thông qua sự đánh giá của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho thấy cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng bước đầu đã được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, với thực tế cơ sở

vật chất như hiện có là rất thiếu thốn. Đa số các trung tâm học tập cộng đồng cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, chủ yếu tận dụng cơ sở vật chất, thiết bị của UBND xã, phường, thị trấn. Chỉ có 9,5% ý kiến cho rằng cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu hoạt động. 35,5% ý kiến đánh giá cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng không được đầu tư.

Về kinh phí: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có quy định về định mức kinh phí cho các trung tâm học tập cộng đồng. Tuy nhiên, nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước chỉ cấp cho TTHTCĐ khi mới thành lập và chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng.

Qua khảo sát cho thấy, kinh phí hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng rất khó khăn, thiếu thốn. Rất ít trung tâm có đủ kinh phí để tổ chức các hoạt động (9%). Phần lớn các trung tâm học tập cộng đồng thiếu kinh phí hoạt động (88%), nhiều trung tâm học tập cộng đồng không có kinh phí hoạt động (53%).

Như vậy, để hoạt động của trung tâm có hiệu quả, đòi hỏi phải huy động tổng hợp các nguồn lực từ cộng đồng, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực (cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính) phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ. Cần phải đẩy mạnh xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm thì vấn đề huy động nguồn lực trong cộng đồng là rất cần thiết.

2.6. Nhận xét chung về thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng

2.6.1. Điểm mạnh

- Trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có 584 trung tâm học tập cộng đồng (100% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng). Nhiều trung tâm học tập cộng đồng sau khi thành lập đã tổ chức các hoạt động có hiệu quả;
- Trung tâm học tập cộng đồng đã làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của mọi người dân về HTSD, xây dựng XHHT; đa dạng hóa các hình thức, thời gian học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng đều có thể đến học;
- Nội dung hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng tương đối đúng hướng.
- Trung tâm học tập cộng đồng đã góp phần giúp cho người lao động, đặc biệt là nông dân biết cách xoá đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống; góp phần ổn định chính trị - xã hội, xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong nhân dân và mối liên kết chặt chẽ giữa các đoàn thể, tổ chức xã hội trong mọi hoạt động nhằm phát triển cộng đồng, đặc biệt là trong việc xây dựng đời sống văn hoá và xoá đói giảm nghèo, xây dựng gia đình học tập, cộng đồng học tập.
- Thành phố Hà Nội đã ban hành kịp thời một số cơ chế, chính sách cho xây dựng xã hội học tập, quản lý trung tâm học tập cộng đồng.
- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên một số trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng đủ về số lượng.

- Trung tâm học tập cộng đồng đã tạo ra cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho người dân ngay tại cộng đồng do được tổ chức ngay tại cơ sở làng, xã với phương châm “cần gì, học nấy”, “thiếu đâu, học đấy”;

- Trung tâm học tập cộng đồng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở cộng đồng cả về dân trí, dân sinh, dân quyền, ổn định, nâng cao chất lượng dân số và cải thiện môi trường dân cư;

- Góp phần phát triển cộng đồng bền vững thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế địa phương, thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội của địa phương.

2.6.2. Hạn chế

- Nhận thức về vị trí, vai trò, tác dụng của TTHTCĐ đối với việc nâng cao dân trí và phát triển cộng đồng xã hội ở một bộ phận cán bộ và nhân dân còn hạn chế.

- Các cơ chế, chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức. Thành phố chưa quy định, phân công trách nhiệm cụ thể đối với các cấp, các ngành trong việc tổ chức xây dựng XHHT, quản lý TTHTCĐ.

- Trung tâm học tập cộng đồng đã được thành lập ở các xã, thị trấn, tuy nhiên việc phát triển trung tâm học tập cộng đồng theo địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố, cụm dân cư mới có một số nơi thực hiện.

- Việc tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng không thường xuyên, hiệu quả hoạt động của hệ thống TTHTCĐ còn thấp, thiếu bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Thủ đô. Công tác liên kết, cơ chế phối hợp và sự phân định trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng chưa rõ ràng, vì vậy một số ngành, đoàn thể chưa thấy hết trách nhiệm trong việc tham gia hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng.

- Việc đầu tư các điều kiện đảm bảo hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng ít, cơ sở vật chất các trung tâm học tập cộng đồng nhiều nơi còn thiếu thốn, chưa có trụ sở hoạt động riêng, các phương tiện, thiết bị, tài liệu học tập thiếu.

- Bộ máy cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng chưa được kiện toàn kịp thời, không có cán bộ chuyên trách. Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng hạn chế. Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên, cộng tác viên được tập huấn ít, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Kế hoạch hoạt động của TTHTCĐ mang tính mùa vụ, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động đề ra chưa cụ thể, chưa xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng.

- Chương trình, nội dung học tập, bồi dưỡng chưa được cập nhật thường xuyên, chưa thực sự phù hợp với nhu cầu học tập, bồi dưỡng của đa số người dân các vùng miền của Thành phố.

- Ngân sách nhà nước đầu tư cho trung tâm học tập cộng đồng ít, không đáp ứng được yêu cầu tổ chức hoạt động tại các trung tâm. Thực hiện xã hội hoá giáo dục còn nhiều hạn chế, sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong việc huy động các nguồn lực phục vụ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng chưa chặt chẽ.

- Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát hoạt động trung tâm học tập cộng đồng chưa được tiến hành thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá chưa tạo được động lực để các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có chất lượng và hiệu quả.

2.6.3. Nguyên nhân

2.6.3.1. Nguyên nhân thành công

- Chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước và Thành phố về xây dựng xã hội học tập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, linh hoạt của nhân dân đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng, chính quyền các cấp đối với các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội ở địa phương trong việc triển khai kế hoạch hành động xây dựng XHHT nói chung và phát triển TTHTCĐ nói riêng;

- Bước đầu đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, phát huy được vai trò chủ động của các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức xã hội-ngề nghiệp tham gia vào phong trào xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng;

- Cấp ủy cơ sở đã thường trực lãnh đạo, thống nhất với chính quyền trực tiếp quản lý các TTHTCĐ, ngành giáo dục thực hiện quản lý nhà nước về chuyên môn;

- Trung tâm học tập cộng đồng đã đáp ứng linh hoạt, kịp thời và hiệu quả nhu cầu học tập đa dạng của nhân dân lao động Thủ đô.

2.6.3.2. Nguyên nhân hạn chế

- Nhận thức về vị trí, vai trò, tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng đối với việc nâng cao dân trí và phát triển cộng đồng xã hội còn hạn chế;

- Do một số xã, phường còn nghèo, đặc biệt đối với các xã ở vùng xa trung tâm Thành phố, việc đầu tư cơ sở vật chất cho các TTHTCĐ còn rất hạn chế, dẫn đến thiếu phương tiện quản lý, phương tiện hoạt động, thiếu đồ dùng dạy học và tài liệu học tập;

- Nhiều Ban Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng còn lúng túng trong việc xây dựng nội dung, kế hoạch hoạt động;

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên chưa được tập huấn thường xuyên, bài bản và chưa có kinh nghiệm về quản lý, tổ chức các hoạt động và biên soạn tài liệu cho các trung tâm học tập cộng đồng;

- Việc tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng không thường xuyên, hiệu quả thấp vì thiếu các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực).

2.6.4. Những thách thức và bài học kinh nghiệm rút ra đối với quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Trên cơ sở những điểm mạnh, điểm yếu trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng, thấy rõ những thách thức đặt ra trong thời gian tới đối với việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng:

- Nhận thức của xã hội, các cấp chính quyền và người dân đối với vị trí, vai trò, tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng còn chưa đầy đủ, sự quan tâm chỉ đạo của nhiều địa phương và sự tích cực chủ động tham gia của nhiều người dân còn hạn chế; sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong việc tổ chức hoạt động tại các trung tâm học tập cộng đồng chưa chặt chẽ và thiếu hiệu quả;
- Cơ sở pháp lý, chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý và giáo viên của trung tâm học tập cộng đồng chưa đầy đủ, thiếu thống nhất và chưa phù hợp;
- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của trung tâm học tập cộng đồng nhiều bất cập, còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập tại trung tâm học tập cộng đồng còn thiếu thốn, chưa phù hợp.

Từ thực tiễn xây dựng, phát triển và tổ chức quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố, có thể đúc rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

- Để các trung tâm học tập cộng đồng phát triển và hoạt động bền vững thì chủ trương xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng phải trở thành chính sách quốc gia và được thể chế hóa thành văn bản của nhà nước ở Trung ương, địa phương. Thành ủy, UBND Thành phố cần có những văn bản quy định cơ chế, chính sách đối với việc xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng;
- Cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở đóng vai trò quyết định đến chủ trương đầu tư xây dựng và phát triển cũng như chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ;
- Sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, thường xuyên giữa các ngành, đoàn thể, các tổ chức, thông qua việc ký kết các chương trình, kế hoạch phối hợp cụ thể như giữa ngành Giáo dục với Hội Khuyến học, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn lao động các cấp là hết sức cần thiết. Sự phối hợp này sẽ phát huy nguồn lực của toàn xã hội, gắn kết các lực lượng để xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng;
- Nguồn tài chính: Ngân sách địa phương, hỗ trợ của Thành phố, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, lồng ghép các chương trình mục tiêu, các đề án, dự án đầu tư cho cơ sở...;
- Về cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu: cần tận dụng tối đa cơ sở vật chất, các phương tiện, thiết bị sẵn có ở địa phương như hội trường Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa thôn, xã, trụ sở hợp tác xã làm trụ sở tạm thời và từng bước xây dựng cơ sở vật chất riêng, mua sắm thiết bị cho trung tâm học tập cộng đồng;
- Trình độ và năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng cần được bồi dưỡng, nâng cao thường xuyên bằng nhiều phương thức thích hợp.

Kết luận chương 2

Học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay đối với các quốc gia. Trung tâm học tập cộng đồng là thiết chế giáo dục quan trọng trong việc xây dựng xã hội học tập.

Trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam được xây dựng và phát triển muộn hơn so với nhiều nước trên thế giới. Tiếp thu kinh nghiệm xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng của các nước, vì vậy hệ thống trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam phát triển khá nhanh trên phạm vi cả nước. Từ những kinh nghiệm về vai trò của các cấp chính quyền trong công tác chỉ đạo, công tác quản lý, xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy... đã được Việt Nam vận dụng trong việc lãnh đạo, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý, tổ chức hoạt động... đối với trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam.

Sau hơn 15 năm phát triển, hệ thống trung tâm học tập cộng đồng ở Việt nam đã được đánh giá là một mô hình cơ sở giáo dục mới, có sự phát triển bền vững và trở thành công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT từ cơ sở. Trung tâm học tập cộng đồng ở nước ta đã tạo ra cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho người dân ngay tại cộng đồng do được tổ chức ngay tại cơ sở làng, xã với phương châm “cần gì, học nấy”, “thiếu đâu, học đấy”; Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở cộng đồng cả về nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, thực hiện dân quyền, ổn định và nâng cao chất lượng dân số và cải thiện môi trường dân cư; Góp phần phát triển cộng đồng bền vững thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế địa phương, thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, mô hình trung tâm học tập cộng đồng cũng đang đứng trước những khó khăn, tồn tại về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, chế độ chính sách, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu học tập và các nguồn lực đầu tư để phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

Thành phố Hà Nội trong nhiều năm qua đã quan tâm phát triển hệ thống trung tâm học tập cộng đồng. Hà Nội là Thành phố có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các trung tâm học tập cộng đồng, bên cạnh đó Hà Nội với đặc thù của mình cũng gặp không ít khó khăn để trung tâm học tập cộng đồng phát triển bền vững.

Hiện nay, Hà Nội có 584 trung tâm học tập cộng đồng. Các trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội sau khi thành lập đã tổ chức các hoạt động bước đầu có hiệu quả. Hàng năm, tại các trung tâm học tập cộng đồng với nhiều nội dung và hình thức học tập khác nhau đã thu hút hàng triệu công dân Thủ đô tham gia học tập, bồi dưỡng. Trung tâm học tập cộng đồng đã đa dạng hóa các hình thức học tập và thời gian học tập nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đối tượng có hoàn cảnh khác nhau đều có thể đến học. Hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng góp phần

nâng cao chất lượng công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục các cấp; giúp cho người dân nâng cao hiểu biết, nâng chất lượng cuộc sống.

Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của trung tâm học tập cộng đồng bước đầu được quan tâm, tuy nhiên còn một bộ phận cán bộ và người dân nhận thức chưa đầy đủ về trung tâm học tập cộng đồng. Một số cơ chế, chính sách đối với trung tâm học tập cộng đồng được thực hiện, song mới chỉ dừng lại ở việc đầu tư ban đầu và chế độ phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý TTHTCĐ. Mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố tuy đã phát triển đều khắp ở phường, xã, thị trấn nhưng chưa tới địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố, cụm dân cư. Đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng toàn Thành phố về cơ bản đảm bảo về số lượng, nhiệt tình, trách nhiệm trong hoạt động cộng đồng nhưng hầu hết chưa được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý trung tâm học tập cộng đồng, đội ngũ cán bộ quản lý lại thường xuyên biến động, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng, ảnh hưởng đến sự phát triển và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ.

Như vậy, trong quá trình quản lý trung tâm học tập cộng đồng, bên cạnh những thuận lợi về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của trung tâm... thì việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội còn gặp nhiều khó khăn, đó là vấn đề nhận thức về trung tâm học tập cộng đồng, vấn đề năng lực đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm, chương trình, nội dung hoạt động, công tác kiểm tra, giám sát TTHTCĐ...

Để trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội hoạt động hiệu quả và bền vững, trong những năm qua Hà Nội đã có nhiều giải pháp được triển khai, tuy nhiên các giải pháp đó mới chỉ dừng lại ở sự định hướng chung chung mà chưa cụ thể hóa thành nội dung, biện pháp cụ thể với những bước đi thích hợp, phù hợp với đặc thù Thủ đô. Do đó, kết quả thu được từ mô hình hoạt động trung tâm học tập cộng đồng chưa đạt được mục tiêu đề ra. Điều đó đòi hỏi phải có những giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng phù hợp, với những nội dung cụ thể, biện pháp sát thực, phát huy tối đa lợi thế Thủ đô để TTHTCĐ đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, xây dựng thành công XHHT trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY

3.1. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội từ nay đến năm 2020 được xác định: Phát huy tiềm năng và thế mạnh của Thủ đô, đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo đảm kinh tế Thủ đô phát triển nhanh, bền vững.

Tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; bảo đảm an sinh, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển khoa học và công nghệ, văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô.

Phát huy tối đa các nguồn lực để xây dựng Thủ đô thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu, hàng đầu của cả nước về giáo dục và đào tạo; thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng, phát triển nhân tài; tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô, đất nước và nhu cầu học tập của nhân dân.

3.1.2. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI đã chỉ rõ: “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”.

Một trong những mục tiêu “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/10/2014 là: “đến năm 2015, 50% lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các TTHTCĐ; đến năm 2020, 70% lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các TTHTCĐ” và thực hiện “Củng cố, phát triển bền vững các TTHTCĐ; tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCĐ; mở rộng địa bàn hoạt động đến các thôn, bản, cụm dân cư; đa dạng hóa nội dung giáo dục; phấn đấu tăng số lượng TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả; phát triển mô hình TTHTCĐ kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao xã hoạt động có hiệu quả”.

Mục tiêu Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 20/02/2014: “Xây dựng và thí điểm các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” để triển khai nhân rộng từ năm 2016 trong phạm vi cả nước; Phần đầu đến năm 2020: 100% cán bộ, hội viên của Hội Khuyến học Việt Nam được tập huấn nâng cao nhận thức về xã hội học tập và các mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng...”

Với vị trí là Thủ đô của đất nước, trong những năm tới Hà Nội thực hiện các mục tiêu sau:

- Về XMC và phổ cập giáo dục: 100% quận, huyện củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Về nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ: 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; 100% người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, dịch vụ được tiếp cận và thụ hưởng các chương trình bồi dưỡng, giúp nâng cao hiểu biết, khả năng lao động sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống. 80% TTHTCĐ xã, phường, thị trấn hoạt động chất lượng tốt.

- Về nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tiếp tục duy trì 100% cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định; 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định; 100% thực hiện tốt chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm.

- Xây dựng và phát triển mô hình giáo dục mở, gắn kết được hệ thống giáo dục ban đầu - giáo dục chính quy - với hệ thống giáo dục không chính quy - cụ thể là hệ thống TTHTCĐ ở cấp xã phù hợp với tư tưởng chiến lược xây dựng XHHT từ cơ sở, gắn việc học tập ở TTHTCĐ với việc xây dựng “Công dân học tập”, “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” tiến tới xây dựng “Thành phố học tập”, hướng đến xây dựng XHHT theo mục tiêu của Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” và “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”.

- Hoàn thiện mô hình phát triển TTHTCĐ đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần tạo tiền đề vững chắc để xây dựng XHHT từ cơ sở.

- Trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay phải là mô hình thực sự của cộng đồng, huy động và phát huy được mọi lực lượng trong cộng đồng tham gia, tạo cơ hội và cung cấp các chương trình, phương tiện học tập ngày càng có chất lượng thỏa mãn được nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng.

Với định hướng trên, đòi hỏi phải có những giải pháp quản lý TTHTCĐ phù hợp, để từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

3.2. Nguyên tắc xây dựng giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay

Để có những giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với yêu cầu về mặt lý luận, đáp ứng tình hình thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đất nước, cần phải căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản sau đây:

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Những giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay mà luận án đề xuất phải có cơ sở khoa học cả về lý luận và thực tiễn. Quá trình quản lý trung tâm học tập cộng đồng cần quan tâm đến việc tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cộng đồng dân cư đối với trung tâm. Việc quản lý TTHTCĐ cần được tiến hành đồng thời giữa quản lý các điều kiện phục vụ cho hoạt động của trung tâm và quản lý nâng cao về mặt chất lượng hoạt động.

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp được đề xuất phải phù hợp với chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các nguyên tắc trong quá trình quản lý cũng như phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa - xã hội của Hà Nội, đất nước. Các giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng phải phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của cộng đồng và xã hội, phù hợp với khả năng phát triển kinh tế - xã hội từng vùng, miền của Thủ đô.

3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Nguyên tắc này nhấn mạnh đến tính kế thừa của những giải pháp trước đây mà các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội đã và đang thực hiện. Nguyên tắc này đòi hỏi cán bộ quản lý TTHTCĐ phải có năng lực thực sự để có thể vận dụng một cách linh hoạt, mềm dẻo và sáng tạo các kinh nghiệm sẵn có tại cộng đồng để các trung tâm có thể hoạt động một cách hiệu quả và phát triển bền vững.

3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính phối hợp và liên kết

Trung tâm học tập cộng đồng không thể tự mình tổ chức tất cả các hoạt động để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi người dân trong cộng đồng. Việc phối hợp, liên kết sẽ huy động mọi nguồn lực cho các hoạt động của trung tâm. Việc phối hợp, liên kết sẽ tránh sự chồng chéo giữa các ban, ngành, đoàn thể, mà còn hỗ trợ lẫn nhau. Phối hợp và liên kết là điều kiện tiên quyết bảo đảm trung tâm hoạt động chất lượng, hiệu quả.

3.3. Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu lý luận, thực tiễn và tham khảo học tập kinh nghiệm của nước ngoài và Việt Nam, Nghiên cứu sinh đề xuất 7 giải pháp nhằm quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

3.3.1. Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu xây dựng xã hội học tập

3.3.1.1. Ý nghĩa, mục tiêu giải pháp

Thực hiện những cam kết chính trị về xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ chính là nền tảng vững chắc để duy trì, phát triển trung tâm học tập cộng đồng, tạo những khả năng to lớn trong việc đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của mỗi người dân trong cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế và xây dựng XHHT. Vì vậy, tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu xây dựng xã hội học tập là giải pháp hết sức cần thiết.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện

i) Đối với cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp

Đảng ủy, chính quyền các cấp cần xác định rõ trung tâm học tập cộng đồng không chỉ là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân mà còn phải coi TTHTCĐ là công cụ của cấp ủy, chính quyền trong phối hợp các hoạt động văn hoá - xã hội của địa phương trong công tác giáo dục pháp luật, chuyển giao công nghệ, truyền thông những kiến thức thiết thực của các ngành, đoàn thể đến các thành viên trong tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đến nhân dân các xã, phường, thị trấn. Vì vậy, phải tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc cam kết chính trị của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu xây dựng xã hội học tập đến các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định về xây dựng XHHT và thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập. Nhiệm vụ xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ được đưa vào chương trình công tác của cấp ủy, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Hàng năm dành kinh phí từ ngân sách của địa phương để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89). Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT.

Cấp ủy, chính quyền phải hiểu rõ và thực hiện có trách nhiệm Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Quyết định số 281/QĐ-TTg, ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập cấp xã”; Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ GD&ĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ

xã/phường/thị trấn; Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 09; Quyết định số 125/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động và phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn để thúc đẩy và tạo điều kiện phát triển TTHTCĐ.

Phải chú trọng xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn triển khai các văn bản của Đảng, chính sách của Nhà nước, của Thành phố về TTHTCĐ đến đội ngũ cán bộ lãnh đạo xã, phường, thị trấn. Vì đây chính là lực lượng quan trọng, quyết định việc thành lập, phát triển và tổ chức thực hiện các hoạt động của TTHTCĐ.

ii) Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã

Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền cấp huyện về chủ trương, biện pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho các TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Dưới sự chỉ đạo của UBND quận, huyện, thị xã, Phòng GD&ĐT phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo có hiệu quả việc thành lập và phát triển TTHTCĐ.

Tham mưu thành lập (kiện toàn) Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp huyện, chỉ đạo thành lập (kiện toàn) Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, kế hoạch kiểm tra đánh giá trung tâm học tập cộng đồng.

Chỉ đạo về nội dung và các hình thức hoạt động của TTHTCĐ. Phối hợp với các phòng, ban, đoàn thể xây dựng chương trình, nội dung, biên soạn tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy tại TTHTCĐ.

Hỗ trợ nguồn nhân lực chuyên môn cho các TTHTCĐ. Cần tập hợp được đội ngũ cán bộ, giáo viên, hướng dẫn viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để sẵn sàng hỗ trợ chuyên môn cho trung tâm học tập cộng đồng khi cần thiết.

Tổ chức tập huấn thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng.

Vai trò của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã đối với việc phát triển các TTHTCĐ là rất quan trọng, vì vậy sự vào cuộc của đội ngũ lãnh đạo, chuyên viên các Phòng GD&ĐT quận, huyện, thị xã là hết sức cần thiết. Để làm tốt những nhiệm vụ trên đòi hỏi cán bộ các Phòng GD&ĐT phải có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nhiệm vụ của mình, tăng cường trách nhiệm trong chỉ đạo, quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

iii) Đối với cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Hiện nay, lãnh đạo các trung tâm học tập cộng đồng đều là những cán bộ kiêm nhiệm chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chính quyền địa phương về quản lý, tổ chức

hoạt động của trung tâm. Từ thực tế trung tâm học tập cộng đồng là mô hình giáo dục mới xuất hiện ở Hà Nội, những cán bộ này phải tự tìm hiểu về TTHTCĐ, vừa làm vừa nghiên cứu đúc rút kinh nghiệm nên nhận thức về chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương thức hoạt động của TTHTCĐ chưa thực sự đầy đủ.

Để khắc phục tình trạng này, cần tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm nhằm đổi mới và nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý các TTHTCĐ. Sao cho cán bộ TTHTCĐ trước hết phải là người hiểu biết sâu sắc về vai trò, vị trí, chức năng của TTHTCĐ trong việc nâng cao dân trí, ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá xã hội trên địa bàn. Từ đó có hiểu biết và kỹ năng tổ chức xây dựng, điều hành trung tâm hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững.

Cán bộ trung tâm học tập cộng đồng phải nhận thức rõ: Một trong những giải pháp quan trọng để xây dựng xã hội học tập theo Quyết định số 112 và nay là Quyết định số 89 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 177 của UBND Thành phố là xây dựng và phát triển hệ thống trung tâm học tập cộng đồng, coi đây là công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT từ cơ sở, từ đó có trách nhiệm tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn.

iii) Đối với Hội Khuyến học, các đoàn thể chính trị xã hội

Để trung tâm học tập cộng đồng phát triển bền vững, hoạt động hiệu quả, cán bộ Hội Khuyến học, các đoàn thể chính trị xã hội phải thấy rõ trung tâm học tập cộng đồng là mô hình học tập thuộc hệ thống giáo dục thường xuyên của nền giáo dục quốc dân được Luật Giáo dục qui định. Tính chất của TTHTCĐ là tính chất không chính quy, người học cần gì học nấy, nói cách khác TTHTCĐ là của cộng đồng, vì cộng đồng và do cộng đồng. Vì vậy, TTHTCĐ là mô hình học tập phù hợp cho các đối tượng là cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân ở cấp cơ sở, đáp ứng nhu cầu được học tập suốt đời của mọi người dân, là công cụ hữu hiệu xây dựng XHHT từ cơ sở.

Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thực hiện theo cơ chế Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Vì vậy, các đoàn thể chính trị xã hội cần thống nhất cao về hành động, thấy rõ vị trí, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng trung tâm để được hưởng thụ những lợi ích trước mắt và lâu dài do trung tâm đem lại.

Phối hợp với ngành giáo dục tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp về chủ trương, giải pháp và cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương để duy trì hoạt động có hiệu quả và phát triển bền vững TTHTCĐ trên địa bàn.

Chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các cơ sở giáo dục, các cá nhân, tổ chức, đoàn thể xã hội trong việc vận động người học, hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập cho trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.1.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

Ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình hành động của cấp ủy và chính quyền về việc quản lý, xây dựng và phát triển TTHTCĐ tại địa phương. Xây dựng kế hoạch cụ thể việc triển khai thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết, chương trình.

Triển khai đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng một cách thường xuyên, liên tục.

Tổ chức các lớp tập huấn sâu về trung tâm học tập cộng đồng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3.3.2. Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục

3.3.2.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức đối với trung tâm học tập cộng đồng đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, giúp đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng nâng cao năng lực và kỹ năng quản lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay là hết sức cần thiết.

Trong giai đoạn hiện nay, lãnh đạo các trung tâm học tập cộng đồng đều là những cán bộ kiêm nhiệm, các cán bộ này vừa phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chính quyền địa phương về nhiệm vụ chính của mình, vừa phải chịu trách nhiệm về quản lý, tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Đội ngũ cán bộ này luôn luôn biến động do yêu cầu công tác tổ chức cán bộ của Đảng, chính quyền. Vì vậy, tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức trung tâm học tập cộng đồng phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý, nâng cao chất lượng hoạt động của các TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

3.3.2.2. Nội dung và cách thức thực hiện

i) Thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, đồng thời linh hoạt, sáng tạo vận dụng mô hình tổ chức phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã, phường, thị trấn

Bám sát các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ. Do đặc thù của mô hình tổ chức trung tâm, vì vậy cần kịp thời củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý, nhân sự trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo cho trung tâm hoạt động thường xuyên, không gián đoạn.

Bộ máy quản lý trung tâm học tập cộng đồng phải phù hợp với quy mô phát triển của trung tâm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Riêng đối với mô hình trung tâm học tập cộng đồng ghép với Trung tâm Văn hóa - Thể thao, điểm Bưu điện văn hóa xã thì cơ cấu tổ chức của trung tâm cần bố trí có thành viên thuộc Văn hóa - thể thao, Bưu điện văn hóa xã tham gia vào lãnh đạo của trung tâm.

Đối với những phường thuộc quận nội thành có những mô hình trung tâm học tập cộng đồng của tổ dân phố, cụm dân cư hoặc những xã thuộc huyện vùng xa, miền

núi có mô hình trung tâm học tập cộng đồng của thôn, làng, bản, vì vậy cần vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo để bộ máy lãnh đạo trung tâm đủ năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của cộng đồng.

Nhân sự lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng nên bố trí theo hướng:

- *Về chức danh Giám đốc trung tâm*

Trước hết, thực hiện như quy định hiện hành, một lãnh đạo xã, phường phụ trách văn hóa xã hội kiêm nhiệm. Căn cứ vào tình hình cụ thể có thể bố trí đồng chí Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư thường trực Đảng ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng.

Hiện nay ở Hà Nội phần lớn Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn phụ trách văn hóa, xã hội đảm nhiệm. Tuy nhiên, qua thực tiễn của một số địa phương, đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy hoặc đồng chí Chủ tịch UBND xã, phường làm Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng thì hiệu quả hoạt động tốt hơn hẳn, bởi vì Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có khả năng quản lý, điều hành, tổ chức sự phối hợp các ban ngành, đoàn thể trong địa phương tốt hơn; đồng thời, có thẩm quyền theo luật định để giải quyết một số khó khăn, vướng mắc kịp thời hơn. Vì vậy, những nơi có điều kiện nên bố trí Giám đốc TTHTCĐ là Phó Bí thư thường trực Đảng ủy hoặc Chủ tịch UBND xã, phường.

- *Về chức danh Phó Giám đốc trung tâm*

Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng là lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp xã, như vậy, cùng lúc cán bộ này phải tiến hành giải quyết rất nhiều công việc theo thẩm quyền, do đó trung tâm học tập cộng đồng muốn hoạt động thường xuyên, hiệu quả thì vai trò của Phó Giám đốc trung tâm hết sức quan trọng. Vì vậy, đối với chức danh Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng cần lựa chọn là Chủ tịch Hội Khuyến học và Hiệu trưởng trường trung học cơ sở tham gia.

Hà Nội hiện nay không có cán bộ chuyên trách trong các trung tâm học tập cộng đồng, vì vậy cần bố trí một Phó Giám đốc thường trực để giúp Giám đốc xử lý các công việc thường xuyên. Phó Giám đốc thường trực nên lựa chọn là Chủ tịch Hội Khuyến học. Tuy nhiên, khi chọn người làm thường trực cần căn cứ vào điều kiện cụ thể để lựa chọn trên nguyên tắc là người có trách nhiệm, nhiệt tình, có kinh nghiệm quản lý, am hiểu về hoạt động cộng đồng và có khả năng thuyết phục cộng đồng.

- *Về vị trí cán bộ kế toán, thủ quỹ và cán bộ, giáo viên chuyên trách*

Công việc kế toán, thủ quỹ của trung tâm học tập cộng đồng không nhiều, vì vậy không nhất thiết phải bố trí nhân sự riêng. Cán bộ kế toán, thủ quỹ của trung tâm học tập cộng đồng nên chọn là người đang làm công việc này tại UBND xã, phường, thị trấn (sẽ tiết kiệm được nhân sự và thuận tiện cho công việc).

Hà Nội chưa có trung tâm học tập cộng đồng nào có cán bộ chuyên trách, vì vậy cần bố trí mỗi trung tâm học tập cộng đồng có 01 cán bộ chuyên trách để giải quyết

các công việc của trung tâm. Cán bộ chuyên trách phải có năng lực, nhiệt tình, am hiểu tình hình kinh tế - xã hội địa phương, yên tâm công tác, được tập huấn chu đáo, được đảm bảo các quyền lợi theo qui định.

Đội ngũ công tác viên, báo cáo viên rất cần thiết cho trung tâm học tập cộng đồng. Cần xây dựng được đội ngũ công tác viên, báo cáo viên ổn định cho trung tâm. Ở Hà Nội, với đặc thù của mình, các trung tâm cần tranh thủ động viên, huy động sự tham gia của mọi đối tượng, nhất là các nhà quản lý có kinh nghiệm, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực, các nghệ nhân... đã nghỉ hưu tham gia làm công tác viên, báo cáo viên, như vậy sẽ tranh thủ được nguồn lực chất lượng cao và thực hiện xã hội hóa trong hoạt động của trung tâm.

ii) Rà soát, củng cố, sắp xếp hệ thống trung tâm học tập cộng đồng hiện có cho phù hợp với nhu cầu học tập trong bối cảnh đổi mới hiện nay

Trước hết, rà soát toàn bộ hệ thống các TTHTCĐ hiện nay. Từ kết quả rà soát, sắp xếp lại sao cho TTHTCĐ thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Những địa bàn xa trung tâm Thành phố, có các xã miền núi, đồng bào dân tộc chiếm đa số như huyện Mỹ Đức, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ... hoặc địa bàn có các xã ở bãi giữa sông như Ba Vì, Thường Tín... cần cần bố trí trung tâm học tập cộng đồng cho phù hợp với sinh hoạt của đồng bào dân tộc, bà con nhân dân vùng bãi sông nước.

Đối với các phường, thị trấn cần đẩy mạnh xây dựng mô hình TTHTCĐ ở tổ dân phố, khu dân cư, với tinh thần tạo điều kiện thuận lợi nhất về thời gian, địa điểm cho người dân được học thường xuyên, liên tục, học suốt đời. Phương châm phát triển là một xã, phường, thị trấn có thể có một hoặc một số TTHTCĐ.

iii) Đổi mới công tác chỉ đạo, quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Phải xác định rõ cơ chế tổ chức, lãnh đạo quản lý trung tâm học tập cộng đồng là: Đảng uỷ cơ sở trực tiếp lãnh đạo; chính quyền cơ sở trực tiếp tổ chức quản lý; ngành giáo dục thực hiện quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ; Hội Khuyến học cơ sở giữ vai trò nòng cốt trong công tác tham mưu, tổ chức và vận động quần chúng thực hiện; Các tổ chức chính trị và lực lượng xã hội chủ động kết hợp, tự giác gương mẫu đứng ra tổ chức thực hiện.

Phải xây dựng được bộ máy tổ chức quản lý, điều hành mọi hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng.

Phải xây dựng được chương trình, kế hoạch, nội dung học tập đa dạng, hấp dẫn, thiết thực với các đối tượng gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thực hiện phân cấp quản lý, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trung tâm học tập cộng đồng.

Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, giám sát các trung tâm học tập cộng đồng trong việc thực hiện chương trình giáo dục. Xây dựng chuẩn đầu ra của từng nội dung, chương trình hoạt động.

Xây dựng quy chế phối hợp giữa Phòng GD&ĐT với các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và UBND xã, phường, thị trấn trong việc quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với các trung tâm học tập cộng đồng.

Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng; 100% trung tâm học tập cộng đồng được nối mạng Internet; xây dựng Website phục vụ dạy học và quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.2.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển trung tâm học tập cộng đồng;

Tạo điều kiện tối đa về nhân lực và kinh phí thực hiện các đề án phát triển trung tâm học tập cộng đồng của địa phương.

Đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.3. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh hiện nay

3.3.3.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Để tổ chức tốt các hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng cần có đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Để quản lý có hiệu quả các hoạt động nhà lãnh đạo cần có năng lực quản lý.

Thực tế hiện nay đòi hỏi rất cao ở người cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Nhìn chung, cán bộ quản lý một số trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, nhất là một số kỹ năng quản lý trung tâm học tập cộng đồng, điều này làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

Giải pháp này sẽ giúp đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng nâng cao năng lực quản lý để có thể hoàn thành nhiệm vụ quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

3.3.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện

i) Trước hết, rà soát lại toàn bộ đội ngũ lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng

Để bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, cần phải tiến hành rà soát lại toàn bộ đội ngũ cán bộ trung tâm học tập cộng đồng hiện có. Quá trình rà soát cần thống kê, đánh giá cụ thể số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ. Trên cơ sở kết quả đánh giá, phân loại, tiến hành xây dựng kế hoạch bổ sung và đề xuất cơ quan có thẩm quyền kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý TTHTCĐ. Đảm bảo mỗi trung tâm học tập cộng đồng bố trí đủ số cán bộ quản lý theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Đối với những địa bàn trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao, điểm Bưu điện văn hóa hoặc trung tâm học tập cộng đồng quy mô tổ dân phố, cụm dân cư

thì bố trí số lượng cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng sao cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đủ nhân sự để tổ chức hoạt động hiệu quả.

Kiện toàn Ban quản lý trung tâm học tập cộng đồng, biệt phái giáo viên thuộc biên chế của các trường phổ thông đến làm việc tại trung tâm học tập cộng đồng để giúp ban quản lý triển khai, tổ chức các hoạt động giáo dục; thường xuyên tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý về nghiệp vụ xây dựng kế hoạch hoạt động, điều tra nhu cầu người học, phát triển các câu lạc bộ cộng đồng; có kế hoạch cụ thể về xây dựng đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, hướng dẫn viên có đủ kinh nghiệm và năng lực để giảng dạy tại trung tâm học tập cộng đồng.

ii) Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý trung tâm học tập cộng đồng

Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng được bố trí theo chế độ kiêm nhiệm. Nhiệm vụ của cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng, đó là: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng; tuyên truyền, vận động mọi thành viên trong cộng đồng tham gia các hoạt động của trung tâm; huy động các nguồn lực trong và ngoài cộng đồng để duy trì và phát triển các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; quản lý tài chính, cơ sở vật chất của trung tâm; kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ với các cấp quản lý theo phân cấp...

So với các thiết chế giáo dục khác, trung tâm học tập cộng đồng có những nét đặc trưng riêng về cơ chế hoạt động, cơ chế quản lý; về nội dung, chương trình giáo dục, về giáo viên, học viên... mà người cán bộ quản lý trung tâm phải nắm vững. Bên cạnh đó, trung tâm học tập cộng đồng lại có nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, chính vì thế, người cán bộ quản lý TTHTCĐ không những phải có trách nhiệm, nhiệt tình mà còn phải có năng lực để điều hành toàn bộ hoạt động của trung tâm.

Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng là trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để họ có thể thực hiện tốt nhiệm vụ.

Các năng lực mà cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng cần bồi dưỡng:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch

Năng lực này thể hiện ở chỗ, lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng phải biết xây dựng và tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch của trung tâm. Xây dựng kế hoạch hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, người lãnh đạo phải xác định chính xác mục tiêu hoạt động của trung tâm, nắm bắt được nhu cầu, điều kiện, khả năng của người học để có cơ sở cho việc lập kế hoạch. Bên cạnh đó, còn phải nắm vững quy trình xây dựng kế hoạch. Trong tổ chức thực hiện kế hoạch, phải biết triển khai các công việc cụ thể, tương ứng với những khoảng thời gian nhất định, đảm bảo cho mọi hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng diễn ra theo đúng tiến độ.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động do trung tâm tổ chức

Năng lực này đòi hỏi lãnh đạo trung tâm phải biết vận động, thuyết phục quần chúng nhận thức rõ lợi ích của việc học tập, lợi ích của việc tham gia vào các hình

thức hoạt động do trung tâm tổ chức. Đồng thời phải biết dựa vào các tổ chức, đoàn thể xã hội để động viên, khích lệ, thu hút người dân đến với TTHTCĐ.

- Khảo sát và phân tích nhu cầu học tập của người dân

Năng lực này đòi hỏi lãnh đạo TTHTCĐ phải có kỹ năng thu thập thông tin từ thực tế về các vấn đề liên quan đến cộng đồng. Từ những thông tin thực tế, phải biết phân tích để nắm bắt chính xác nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân, từ đó thiết kế các chương trình dạy học, tổ chức các lớp phù hợp với từng đối tượng. Đây là năng lực rất quan trọng, tác động trực tiếp đến việc huy động người học của trung tâm.

- Giám sát và đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng

Năng lực này đòi hỏi lãnh đạo TTHTCĐ phải có kỹ năng theo dõi mọi hoạt động diễn ra hàng ngày ở trung tâm. Cùng với việc giám sát, phải có khả năng đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm. Cần dựa vào mục tiêu, kế hoạch hoạt động của trung tâm để xác định mức độ đạt được của các hoạt động. Phải chỉ rõ được nguyên nhân thành công cũng như nguyên nhân hạn chế trong hoạt động để có biện pháp phát huy hoặc khắc phục trong quá trình tổ chức, quản lý trung tâm.

- Huy động và quản lý các nguồn lực

Đây là một trong những năng lực không thể thiếu được của lãnh đạo TTHTCĐ. Nguồn lực ở đây bao gồm nhân lực, vật lực, tài lực. Huy động được các nguồn lực, người lãnh đạo trung tâm còn phải biết sử dụng và quản lý tốt nguồn lực.

- Thiết lập các mối quan hệ giữa trung tâm học tập cộng đồng với các tổ chức, đoàn thể xã hội trên địa bàn.

Năng lực này đòi hỏi lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng phải biết xác định các mối quan hệ giữa trung tâm học tập cộng đồng với các tổ chức, đoàn thể xã hội trên địa bàn. Trong các mối quan hệ đó, cần phân biệt đâu là mối quan hệ lâu dài, đâu là mối quan hệ tạm thời và làm thế nào để duy trì chúng.

Nội dung bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng:

Nội dung bồi dưỡng phải bao gồm những kiến thức và kỹ năng cần thiết về quản lý trung tâm học tập cộng đồng .

- Về kiến thức quản lý trung tâm học tập cộng đồng: Mục đích, ý nghĩa của việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng; đối tượng quản lý, nội dung quản lý; cơ chế hoạt động và cơ chế quản lý; công tác kiểm tra, đánh giá TTHTCĐ.

- Về kỹ năng quản lý trung tâm học tập cộng đồng: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của trung tâm; huy động sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động do trung tâm tổ chức; khảo sát và phân tích nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân; giám sát và đánh giá hoạt động của trung tâm; tìm kiếm và quản lý các nguồn lực; thiết lập các mối quan hệ giữa trung tâm học tập cộng đồng với các tổ chức, đoàn thể xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh những kỹ năng này, cần bồi dưỡng thêm về kỹ năng hoạt động xã hội, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật, kỹ năng tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...

3.3.3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Để thực hiện giải pháp này cấp quản lý vĩ mô đối với các trung tâm học tập cộng đồng cần có chiến lược lâu dài về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý TTHTCĐ.
- Xác định việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng là một trong những nhiệm vụ của công tác các bộ trong giai đoạn hiện nay.
- Xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với thực tế địa phương.
- Xây dựng quy định và cơ chế để thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.4. Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng xã hội học tập.

3.3.4.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Nội dung, chương trình học tập trong trung tâm học tập cộng đồng rất phong phú, đa dạng, đáp ứng mọi đối tượng người học và bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của cộng đồng. Nhu cầu học tập này liên tục thay đổi theo từng giai đoạn phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương và phải đáp ứng được với nhiều nhóm đối tượng người học khác nhau.

Vì vậy, việc chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng sẽ giúp cho trung tâm học tập cộng đồng liên tục cập nhật, điều chỉnh chương trình, nội dung học tập sao cho phù hợp, động viên mọi người dân tham gia học tập và việc học tập của người dân mới thực sự thiết thực, hiệu quả.

3.3.4.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Nhiệm vụ và đối tượng giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng hết sức đa dạng. Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, việc thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng là cần thiết.

i) Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình học tập

Chương trình, nội dung học tập trong trung tâm học tập cộng đồng rất linh hoạt, không cứng nhắc như trong các cơ sở giáo dục chính quy. Tùy theo nhu cầu học tập của người dân trong cộng đồng, trong từng quận, huyện, thị xã, kết hợp với nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Thành phố, đất nước để từ đó xây dựng nội dung, chương trình học tập phù hợp.

Ở Hà Nội, chương trình, nội dung học tập trong TTHTCĐ có thiết kế gồm 2 phần: phần nội dung, chương trình học tập căn cứ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn như Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và phần nội dung, chương trình học tập là

của quận, huyện, thị xã hoặc của xã, phường, thị trấn tự xây dựng, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và nhu cầu học tập của người dân địa phương.

Với Hà Nội, xác định rõ những yếu tố đặc thù, địa bàn đa dạng (nội thành, ngoại thành, thành thị, nông thôn, miền núi, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng bãi giữa sông...), vì vậy có thể thiết kế, xây dựng nội dung, chương trình học tập trong các trung tâm học tập cộng đồng theo định hướng như sau:

- Xây dựng chương trình, nội dung học tập đáp ứng nhu cầu học tập của các nhóm đối tượng người học khác nhau trong cộng đồng. Những chương trình, nội dung học này có thể là những vấn đề mang tính thời vụ, ngắn hạn hoặc cũng có thể là những vấn đề mang tính lâu dài, liên quan đến quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và từng địa phương nhằm định hướng nghề nghiệp cho thiếu niên, thanh niên và người dân. Nội dung học tập cần đa dạng, phong phú đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, Thành phố, đất nước. Những nội dung, chương trình học tập này cần thiết kế theo các chủ đề, chuyên đề dễ dễ biên soạn, dễ học và phù hợp với điều kiện học tập của người dân, phù hợp với điều kiện tổ chức của trung tâm học tập cộng đồng.

- Chương trình, nội dung học tập phải phù hợp và có sức hấp dẫn với các nhóm đối tượng.

Với trẻ em: Nên tập trung vào chương trình, nội dung về nếp sống thanh lịch, văn minh người Hà Nội, lịch sử Thăng Long - Hà Nội, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục truyền thống hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo, phòng chống tai nạn thương tích, kỹ năng sống, phòng chống cháy nổ, đuối nước...

Với đoàn viên thanh niên: Nên chú trọng về giáo dục lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nếp sống thanh lịch, văn minh người Hà Nội, truyền thống lịch sử Hà Nội ngàn năm văn hiến, lịch sử dân tộc, trách nhiệm công dân, ý thức chấp hành pháp luật; năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế, kỹ năng sống, tuổi trẻ lập thân lập nghiệp...

Với người cao tuổi: Cần quan tâm nội dung về sống vui, sống khỏe, sống có ích cho gia đình, xã hội; các vấn đề thời sự trong nước, quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin trong cuộc sống; sinh hoạt câu lạc bộ thư pháp, thơ ca ...

Với người dân lao động tự do từ các địa phương khác về Hà Nội: tập trung vào vấn đề xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, văn hóa, văn nghệ, nghề ngắn hạn để đi làm nuôi sống bản thân, gia đình, nghề giúp việc gia đình (ô sin)...

- Chương trình, nội dung học tập phải đáp ứng nhu cầu xã hội, gắn với các mục tiêu xây dựng XHHT: Chương trình xóa mù chữ và phổ cập giáo dục; nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn, hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn; chương trình giáo dục kỹ năng sống để xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn.

- Chương trình, nội dung học tập phải được gắn kết với phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, tạo nên sự chủ động tham gia vào các hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng ở địa phương, góp phần xây dựng phong trào gia đình, dòng họ, cộng đồng học tập tiến tới xây dựng “Thành phố học tập”.

- Trên phạm vi thành phố Hà Nội có thể chia làm ba vùng: vùng các xã miền núi, bãi sông Hồng, vùng ngoại thành và vùng nội thành. Ngoài sự khác biệt về địa lý, các vùng này còn có sự khác biệt về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục, khoa học - công nghệ... nhu cầu học tập của người dân cũng khác nhau giữa các vùng. Vì vậy, xây dựng chương trình, nội dung và các hoạt động giáo dục phù hợp với từng địa phương, vùng miền.

Đối với vùng các xã miền núi, vùng giữa bãi sông Hồng (huyện Mỹ Đức, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ, Thường Tín, Sóc Sơn): Các chương trình học tập tập trung vào công tác xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, kiến thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tăng cường tổ chức các chuyên đề về chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng, Nhà nước, vấn đề dân số, sức khỏe, môi trường, chăn nuôi, trồng trọt mang lợi ích kinh tế cao... Các hoạt động được tổ chức phải thuận lợi cho người dân đến sinh hoạt, thực sự gần gũi với nhân dân (nên đặt địa điểm ở nhà văn hóa thôn, xóm, làng, bản). Trung tâm học tập cộng đồng phải tạo cơ hội để người dân tiếp cận với những kiến thức khoa học, y tế, giáo dục; thực hiện nếp sống văn hóa, xóa bỏ các tập tục, hủ tục lạc hậu của địa phương; tăng cường truyền thông về phòng, chống tệ nạn xã hội, xây dựng mối liên kết cộng đồng, mọi người sống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, văn minh trong sinh hoạt cộng đồng...

Đối với vùng ngoại thành: cần mở các lớp tập huấn về canh tác cây trồng, vật nuôi theo hình thức trang trại, chuyên canh, nhất là việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt và chăn nuôi, các chuyên đề phòng ngừa dịch bệnh và chăn nuôi gia súc, gia cầm, các lớp giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, các lớp dạy nghề ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả thời gian nông nhàn, có công việc làm, tăng thu nhập, các lớp ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển ngành nghề truyền thống địa phương và sản phẩm đặc sản địa phương, các lớp về kiến thức dịch vụ, thương mại, du lịch, đặc biệt quan tâm các lớp dành cho người dân ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất, các khu công nghiệp, khu tái định cư...

Phối hợp với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện, các doanh nghiệp, các trường trung cấp, cao đẳng, đại học,... mở các lớp dạy nghề, bồi dưỡng nghề, chuyển đổi nghề nông nghiệp cho nông dân trong từng địa bàn tổ, đội, xóm, thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Đối với các huyện ngoại thành có khu công nghiệp mở các lớp dạy nghề may công nghiệp, cơ khí, điện lạnh, điện dân dụng... phục vụ các khu công nghiệp trên địa bàn. Mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về quảng bá, giới thiệu, tiếp thị các mặt hàng do chính người dân trong vùng sản xuất ra,

góp phần thuận lợi trong việc giải quyết đầu ra trong sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, cần mở các lớp bồi dưỡng nâng cao hiểu biết của người dân về thị trường, nhu cầu của thị trường đối với trồng trọt, chăn nuôi để hạn chế tình trạng ứ ứ sản phẩm khi thu hoạch; tổ chức các lớp tập huấn cho người dân kiến thức bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch...

Đối với vùng nội thành (12 quận): Với đặc thù là nơi có trình độ dân trí cao, các điều kiện phục vụ việc học tập thường xuyên của người dân phong phú, đa dạng, thuận lợi, vì vậy cần phải tổ chức các chương trình phù hợp và thiết thực. Ở những trung tâm này các chương trình học tập, hoạt động giáo dục phải nhằm hỗ trợ người dân nâng cao trình độ, cải thiện cuộc sống, đồng thời giúp đỡ trẻ em nghèo, trẻ khuyết tật, trẻ cơ nhỡ lang thang, người lao động tự do biết chữ, có khả năng tự kiếm sống. Trung tâm học tập cộng đồng ở địa bàn này cần cần tổ chức các buổi thông tin nhanh về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong nước và quốc tế; tập huấn về kỹ năng sử dụng internet, hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử, phát triển văn hóa đọc trong kỷ nguyên số; mở các lớp tư vấn, phổ biến kỹ thuật trồng, chăm sóc hoa, cây cảnh, pha trà; các câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao, dưỡng sinh, câu lạc bộ thư pháp...

Tuy nhiên, vùng nội thành còn có đối tượng rất quan trọng là trẻ em cơ nhỡ lang thang, người lao động tự do. Đối tượng này rất cần có chương trình riêng phù hợp với họ. Đó là các chương trình: xóa mù chữ, chương trình CDTX cấp trung học cơ sở, bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ, các chương trình ngắn hạn như nghề giúp việc (Ôsin), sửa chữa xe máy, đánh giày...

ii) Đa dạng hoá phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học, phù hợp nội dung, chương trình học tập, phù hợp đối tượng người học.

Phương pháp, phương tiện dạy học trong các trung tâm học tập cộng đồng cần hết sức đa dạng, linh hoạt vì các đối tượng học tập có độ tuổi, tâm sinh lý, trình độ văn hóa khác nhau. Việc vận dụng, áp dụng các phương pháp, phương tiện dạy học cũng phải tùy thuộc vào nội dung dạy học. Về nguyên tắc, phần lớn những người dân tham gia các chương trình học tập ở trung tâm học tập cộng đồng là người lớn, có vị trí, vai trò nhất định trong gia đình, làng xóm, có vốn sống nhất định. Vì vậy, giáo viên, báo cáo viên, hướng dẫn viên trong các trung tâm học tập cộng đồng phải lấy phương pháp dạy học người lớn làm trung tâm, kết hợp với các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại như hỏi - đáp, trao đổi - tranh luận, thực nghiệm... Có rất nhiều phương pháp dạy học đối với người lớn, việc dạy học không chỉ đóng khung trong lớp học, tiết học mà trong môi trường đa dạng. Có rất nhiều phương pháp dạy học khác nhau vì vậy khi lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học, giáo viên cần căn cứ vào mục đích và nhiệm vụ dạy học, nội dung chuyên đề, đặc điểm của người học, đặc điểm của người dạy, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Phương tiện dạy học trong các TTHTCĐ cũng hết sức đa dạng, phong phú, tùy từng chủ đề, chuyên đề cụ thể để sử dụng phương tiện dạy học cho phù hợp. Đối với

các nội dung dạy học trừu tượng, xa với thực tế cuộc sống sinh hoạt, lao động của người dân thì sử dụng các băng hình hoặc tranh ảnh, tờ rơi, áp phích,... Đối với các nội dung dạy học gắn với thực tế cuộc sống của người dân thì sử dụng các phương tiện trực quan do chính người dân thiết kế, sưu tầm, ... Tránh thuyết trình đơn điệu dễ làm người nghe nhàm chán, không hứng thú, hiệu quả giáo dục thấp.

Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học. Việc xây dựng các bài giảng điện tử sẽ tăng thêm kênh hình ảnh trực quan sinh động giúp bài giảng cụ thể, hấp dẫn, người học dễ hiểu, dễ nhớ.

iii) Các hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng cần đổi mới phù hợp nội dung, chương trình học tập, phù hợp với phương pháp giảng dạy và phương tiện học tập.

Hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng rất phong phú. Trong đó chỉ có việc dạy XMC là cần phải theo chương trình và tài liệu quốc gia, tuy nhiên, chương trình này cũng được tổ chức hết sức linh hoạt, không khống chế thời gian học, tùy theo điều kiện sinh hoạt, lao động của người dân để tổ chức lớp học cho phù hợp và có hiệu quả (học buổi tối, học cách nhật, học khi có thời gian...). Các nội dung học tập khác là theo chuyên đề, chủ đề do địa phương biên soạn, thiết kế, lựa chọn. Các chương trình, tài liệu học tập có thể do nhiều nguồn cung cấp. Chương trình, tài liệu có thể do Trung ương cung cấp để làm căn cứ tham khảo hoặc do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên biên soạn cho phù hợp với thực tế và yêu cầu của địa phương. Trong quá trình thực hiện cần lưu ý những điểm sau:

- Các trung tâm học tập cộng đồng tổ chức học tập theo nhiều hình thức phù hợp với các nhóm đối tượng người học; bố trí thời gian học tập linh hoạt theo phương châm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân vừa lao động vừa học tập trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Các trung tâm học tập cộng đồng tổ chức học tập các chuyên đề bám sát nội dung chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, ... phù hợp với thực tiễn địa phương, tạo điều kiện cho người dân cần gì học nấy, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân.

- Tăng cường biên soạn mới các tài liệu học tập cho các trung tâm học tập cộng đồng, tài liệu hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, ... cho giáo viên, báo cáo viên, biên tập các đĩa CD dữ liệu phục vụ dạy học.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của học viên, coi trọng việc hướng dẫn học viên tự học; chú trọng dạy học gắn lý thuyết với thực hành, thực tiễn trên cơ sở khai thác kinh nghiệm sẵn có của học viên, đặc biệt là với đối tượng học viên người lớn;

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học.

3.3.4.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Cán bộ quản lý TTHTCD phải nắm vững cách thức điều tra nhu cầu, điều kiện và khả năng học tập của người dân trên địa bàn. Phát động phong trào xây dựng mô hình gia đình, dòng họ, cộng đồng học tập phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Xây dựng nội dung, chương trình học tập đảm bảo chất lượng, thực sự đáp ứng nhu cầu người dân. Lựa chọn đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, hướng dẫn viên có chất lượng tham gia thực hiện các chuyên đề bồi dưỡng.

- Tăng cường đầu tư thiết bị dạy học, nhất là thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

3.3.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

3.3.5.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên của cộng đồng, phục vụ nhu cầu cộng đồng. Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng nhằm huy động sự vào cuộc của các cơ quan quản lý các cấp, giúp trung tâm phát huy tối đa vai trò của mình trong cộng đồng.

Thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng là một trong những phương thức hữu hiệu để huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của trung tâm, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.5.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng. Nhằm thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng cần thực hiện một số nội dung sau:

- Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Là cơ quan thường trực, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển trung tâm học tập cộng đồng; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan điều phối và hướng dẫn tổ chức thực hiện kế hoạch; xây dựng các văn bản liên quan đến GDTX và xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục từ xa, kế hoạch XMC. Phối hợp với Hội Khuyến học Thành phố xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trung tâm học tập cộng đồng và bộ chỉ số đánh giá việc thực hiện xây dựng XHHT cấp huyện, cấp xã.

Sở GD&ĐT chủ trì tham mưu, đề xuất và tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản liên quan đến quản lý, xây dựng và phát triển trung tâm

học tập cộng đồng sao cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời là cơ quan chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội và cá nhân trong quá trình quản lý, xây dựng và phát triển TTHTCĐ.

Trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, tham mưu Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy và nhân sự, tài chính, chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, nhân viên, giáo viên các trung tâm học tập cộng đồng, hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với trung tâm học tập cộng đồng;

Phối hợp các Sở, ban, ngành, các nhà khoa học, các chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, hướng dẫn viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức biên soạn tài liệu học tập phù hợp cho các trung tâm học tập cộng đồng thuộc các vùng miền khác nhau trong Thành phố, phù hợp với bối cảnh đổi mới hiện nay.

Hướng dẫn và tổ chức tổng kết đúc rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến, đưa ra định hướng cho quá trình phát triển của hệ thống trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các cơ sở dạy nghề; mở rộng các hình thức dạy nghề trong các doanh nghiệp, công ty, dạy nghề gắn với sản xuất, dạy nghề ở các khu công nghiệp, vùng nông thôn, vùng xa... phù hợp với từng địa phương và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ cho người lao động nông thôn, những người hết tuổi lao động, người nội trợ, người khuyết tật có điều kiện để học tập suốt đời.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và thực hiện kế hoạch đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ; hướng dẫn các quận, huyện, thị xã củng cố, kiện toàn mô hình hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng chuyên mục và tuyên truyền về xây dựng xã hội học tập, phát triển TTHTCĐ; xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông về xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối, bố trí kinh phí cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để thực hiện xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

- Phối hợp với các Sở, ngành khác cung ứng học tập suốt đời và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc ngành mình

được học tập suốt đời, có trách nhiệm biên soạn tài liệu học tập cho mọi tầng lớp nhân dân về các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành.

- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã: Xây dựng kế hoạch xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng của địa phương mình cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cân đối kinh phí hàng năm trong phạm vi, khả năng ngân sách để thực hiện kế hoạch. Xây dựng kế hoạch củng cố, phát triển trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng hoạt động đa dạng, hiệu quả, bền vững đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Chỉ đạo các cơ quan thông tin của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố: Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia học tập; đưa nội dung xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Liên đoàn lao động Thành phố: Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, động viên, theo dõi việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ người lao động trong các doanh nghiệp, các khu chế xuất, khu công nghiệp.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố: Tổ chức phối hợp, lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong phong trào “Phụ nữ Thủ đô tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình văn minh hạnh phúc và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, vận động phụ nữ, trẻ em gái ở những vùng khó khăn chưa biết chữ ra học các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ và các lớp học bổ túc văn hoá các cấp học tại các trung tâm học tập cộng đồng.

Hội Khuyến học Thành phố: Phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội trong việc tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tích cực học tập suốt đời tại các trung tâm học tập cộng đồng; Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trung tâm học tập cộng đồng. Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ gắn với phong trào gia đình, dòng học, cộng đồng học tập.

- Đối với Phòng GD&ĐT: Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định các điều kiện trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định thành lập các trung tâm học tập cộng đồng. Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ, nội dung, hình thức hoạt động, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên của các trung tâm, hỗ trợ nguồn nhân lực, kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của các trung tâm. Để TTHTCĐ trên địa bàn Thành phố hoạt động đạt hiệu quả cao nhất trong bối cảnh đổi mới hiện nay, Phòng GD&ĐT quận, huyện, thị xã cần:

Tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền cấp huyện quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban Chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, phân công trách nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Ban Chỉ đạo và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo theo kế hoạch đề ra.

Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện lập kế hoạch hàng năm trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để các ngành chủ động hỗ trợ nguồn lực, cung cấp cơ hội học tập cho mọi người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho các TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả. Thực hiện tốt việc này sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng các qui chế phối hợp giữa TTHTCĐ và các ban ngành ở cấp xã.

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai kế hoạch đã được phê duyệt, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng một cách khoa học, khắc phục những bất cập nêu trên để rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo và hỗ trợ những đơn vị khó khăn cũng như khuyến khích những địa phương làm tốt.

Cử một đồng chí lãnh đạo phòng phụ trách và một đồng chí chuyên viên phụ trách công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT và phát triển trung tâm học tập cộng đồng mang tính ổn định.

- Đối với của UBND cấp xã: Ủy ban nhân dân xã là đơn vị trực tiếp quản lý trung tâm học tập cộng đồng về tổ chức, nhân sự, nội dung và kế hoạch hoạt động của trung tâm nên có vai trò hết sức quan trọng, có tính quyết định về chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự phát triển bền vững của trung tâm. Vì vậy, Ủy ban nhân dân cấp xã cần:

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ cấp xã về tầm quan trọng của HTSĐ, xây dựng XHHT thông qua mô hình hoạt động TTHTCĐ.

Đề xuất với cấp ủy địa phương ban hành Nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trung tâm học tập cộng đồng và xây dựng XHHT của địa phương mình. Đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đưa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng vào chương trình công tác năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Chủ động rà soát để hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý về tổ chức bộ máy quản lý, nhân sự, chế độ, chính sách và các điều kiện phục vụ hoạt động của TTHTCĐ.

Tham mưu Hội đồng nhân dân cấp xã trong việc bố trí ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng, kể cả chế độ phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm học tập cộng đồng; tổ chức giám sát các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng để đảm bảo hiệu quả của công tác đầu tư và thúc đẩy trung tâm học tập cộng đồng phát triển, góp phần thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

Chỉ đạo trung tâm học tập cộng đồng xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phối hợp với Phòng GD&ĐT trong việc phê duyệt kế hoạch hoạt động, tạo điều kiện để trung tâm hoạt động theo kế hoạch, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Chỉ đạo trung tâm học tập cộng đồng và các ban ngành, đoàn thể của địa phương xây dựng quy chế phối hợp, phê duyệt và ban hành quy chế phối hợp, khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị của trung tâm và của địa phương để phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

Phối hợp với Phòng GD&ĐT và các ban ngành liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng theo định kì hoặc đột xuất khi cần thiết để báo cáo với cơ quan quản lí cấp trên. Qua đó, có những kiến nghị, đề xuất phù hợp để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc và nhằm thúc đẩy trung tâm học tập cộng đồng hoạt động và phát triển bền vững.

Trong quá trình phối hợp cần lưu ý: Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hàng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp; Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Hàng năm, tổ chức hội nghị liên tịch, có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về sự phối kết hợp.

3.3.5.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Cần xây dựng tốt cơ chế điều hành, phối hợp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Phân công, phân nhiệm cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng XHHT, quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

- Phải có Ban Chỉ đạo để thường xuyên thúc đẩy xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng.

- Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng phải thấy rõ vai trò quan trọng của các ban ngành, đoàn thể trong cộng đồng đối với việc phối hợp quản lý trung tâm học tập cộng đồng.

3.3.6. Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập

3.3.6.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý không chỉ mang lại hiệu quả về năng suất mà còn đáp ứng nhanh về thời gian xử lý công việc, tiết kiệm chi phí, đổi mới phương thức quản lý, điều hành và giúp tinh gọn biên chế. Trong dạy học, Công nghệ thông tin giúp làm tăng khả năng nhận thức của người học, giúp giáo viên

đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học, bồi dưỡng, cung cấp các phương tiện dạy học hiện đại.

Do đặc điểm đối tượng, nội dung học tập, bồi dưỡng nên việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học ở các TTHTCĐ sẽ nâng cao chất lượng hoạt động tại các TTHTCĐ, góp phần hiện tốt mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

3.3.6.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý:

Trước hết, để ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành TTHTCĐ, chủ thể quản lý cần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên các cấp quản lý giáo dục cũng như của các TTHTCĐ.

Quy hoạch mạng lưới các TTHTCĐ có ý nghĩa quan trọng quyết định đến sự tồn tại và hiệu quả của các TTHTCĐ. Để có được quy hoạch hợp lý cần phải căn cứ vào nhiều thông tin: Bản đồ địa lý, quy mô dân số, phân bố dân cư, làng nghề... Các thông tin này cần phải được thu thập, xử lý làm căn cứ cho việc xây dựng quy hoạch mạng lưới. Công nghệ thông tin nói chung và máy tính nói riêng là công cụ giúp con người quản lý thông tin, xử lý thông tin hiệu quả. Nhờ công nghệ thông tin chúng ta có thể sử dụng thông tin đa phương tiện (hình ảnh, video, bản đồ,...) một cách hiệu quả, từ đó chúng ta có thể xây dựng được hình ảnh mạng lưới các TTHTCĐ phục vụ cho việc phát triển và quản lý sau này.

Thông tin đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc quản lý, điều hành đơn vị. Muốn có quản lý, điều hành tổ chức thì không thể thiếu thông tin. Do đó quản lý thông tin là yêu cầu không thể thiếu đối với bất kỳ tổ chức nào. Việc quản lý thông tin tốt sẽ cung cấp cho các nhà quản lý các thông tin kịp thời, chính xác để từ đó có thể ra các quyết định đúng đắn trong công tác điều hành. Công nghệ thông tin đóng vai trò như là phương tiện hỗ trợ giúp quản lý thông tin, xử lý thông tin và cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và hiệu quả cho các nhà quản lý. Chính vì vậy, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý thông tin, xử lý và phân phát thông tin là nhu cầu tất yếu đối với bất kỳ cơ quan, đơn vị nào trong xu thế hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

Một trong các đặc điểm của TTHTCĐ là chúng được đặt ở xã, phường, thị trấn hoặc tổ dân phố, cụm dân cư. Hà Nội là đơn vị hành chính có địa bàn rộng lớn, đa dạng về cơ cấu ngành nghề, dân số đông, tốc độ đô thị hoá nhanh tác động lớn đến việc chuyển đổi nghề nghiệp của nhân dân. Với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, nhu cầu cập nhật tri thức của mỗi người rất lớn. TTHTCĐ là cơ sở giáo dục thực hiện chức năng xây dựng XHHT, tạo cơ hội học tập cho mọi người nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển cộng đồng thông qua việc tạo cơ hội HTSD của người dân trong cộng đồng, do cộng đồng và vì lợi

ích của cộng đồng. Mặc dù vậy, học những gì, học ở đâu là câu hỏi luôn đặt ra đối với mọi người. Để giúp người dân trả lời các câu hỏi đó, giúp họ đến với TTHTCĐ, cách tốt nhất là tăng cường giới thiệu, cung cấp thông tin và quảng bá hình ảnh các TTHTCĐ.

Công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ cho việc cung cấp thông tin, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của cơ quan, tổ chức hiệu quả nhất hiện nay. Nhờ mạng Internet, chúng ta có môi trường quảng bá rộng khắp toàn cầu, cung cấp thông tin nhanh chóng, giá thành thấp nhưng hiệu quả cao. Chính vì vậy, ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin, giới thiệu và quảng bá hình ảnh là một trong các nội dung ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý không thể bỏ qua.

Việc nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của các cấp quản lý giáo dục cũng như của các TTHTCĐ có thể được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau:

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản, chủ trương của nhà nước, của ngành về ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị qua các kênh khác nhau.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn về triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị.

Để ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc quy hoạch mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng, cần xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin các địa phương, về dân cư và các trung tâm học tập cộng đồng. Ban hành các quy định về điều kiện thành lập TTHTCĐ. Xây dựng phần mềm để xử lý dữ liệu, hỗ trợ quyết định thành lập trung tâm khi thoả mãn các điều kiện. Xây dựng bản đồ các trung tâm học tập cộng đồng.

Một trong những cách để nâng cao hiệu quả quản lý trung tâm học tập cộng đồng là việc sử dụng các phần mềm quản lý. Quản lý bằng phần mềm giúp quản lý một cách hệ thống, đồng bộ, tiết kiệm chi phí và hiệu quả. Để quản lý các trung tâm học tập cộng đồng, cần thực hiện một số công việc sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về các trung tâm học tập cộng đồng. Một thực tế hiện nay là việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý ở các cơ sở giáo dục đang được thực hiện theo kiểu chắp vá, manh mún, có đến đâu ứng dụng đến đấy, không có kế hoạch tổng thể, chưa có cơ sở dữ liệu dùng chung nên việc quản lý thông tin thiếu đồng bộ, không có chia sẻ, thiếu tính nhất quán và dư thừa nhiều. Để nâng cao hiệu quả quản lý ở bất kỳ cơ quan đơn vị nào nói chung và các cơ sở giáo dục nói riêng có hiệu quả, trước hết cần xây dựng một cơ sở dữ liệu dùng chung.

- Xây dựng phần mềm quản lý, đảm bảo thực hiện việc quản lý thông tin về các trung tâm học tập cộng đồng, thực hiện điều hành, báo cáo qua mạng, sử dụng cơ sở dữ liệu thống nhất như nêu trên.

Để tăng cường khả năng cung cấp thông tin, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của các trung tâm học tập cộng đồng, giúp người dân nắm được thông tin về các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các trung tâm học tập cộng đồng để họ lựa chọn nội dung cần tham gia học tập, cần chỉ đạo các trung tâm xây dựng website của trung tâm. Đây là kênh thông tin tốt nhất hiện nay. Ngoài ra, các trung tâm có thể sử dụng các kênh thông tin khác như facebook, marketing online.

Chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học:

Thực trạng hiện nay cho thấy, đa số giáo viên ở các trung tâm học tập cộng đồng đều đã có kiến thức nhất định về công nghệ thông tin và đã ứng dụng Công nghệ thông tin vào một vài công việc phục vụ cho công tác giảng dạy của bản thân như soạn bài, ra đề thi, kiểm tra, tìm kiếm tài liệu. Tuy vậy, hầu hết giáo viên không được tiếp cận Công nghệ thông tin một cách bài bản, chủ yếu tự học, học lẫn nhau nên hiểu biết và khả năng ứng dụng còn mang tính tự phát, hạn chế, hiệu quả chưa cao.

Để thực hiện được mục tiêu trên, các cấp quản lý cần chỉ đạo các TTHTCD thực hiện một số nội dung ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học:

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên TTHTCD về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học để giáo viên hiểu và có trách nhiệm, tự giác trong việc triển khai ứng dụng.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho giáo viên để họ có đủ khả năng triển khai ứng dụng và đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ cho việc dạy học.

- Đầu tư trang thiết bị Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cho việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên.

Để nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên TTHTCD về vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học, các cấp quản lý giáo dục cần chỉ đạo các TTHTCD triển khai một số công việc sau:

- Tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của các cấp về chủ trương liên quan đến ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục như: Văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin từng năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về tiêu chuẩn năng lực Công nghệ thông tin theo chuẩn chức danh giáo viên, các văn bản của Chính phủ, của Sở Giáo dục và Đào tạo...

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề để trao đổi, chia sẻ những vấn đề liên quan đến việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục nói chung và trong dạy học nói riêng.

- Giới thiệu, tham quan một số cơ sở giáo dục điển hình về ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học trong nước và trên thế giới.

Khi giáo viên đã có nhận thức đúng về vai trò của việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học, mỗi giáo viên sẽ có ý thức trong việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào công việc giảng dạy của mình. Tuy nhiên, để ứng dụng được và có hiệu quả đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức, kỹ năng Công nghệ thông tin nhất định. Vì vậy, cần phải nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cho giáo viên để họ có đủ khả năng triển khai ứng dụng và đạt hiệu quả cao. Cụ thể:

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, tập trung các nội dung phục vụ cho hoạt động dạy học.

- Tìm hiểu, thu tập các phần mềm phục vụ dạy học: Phần mềm soạn giáo án, phần mềm hỗ trợ đa phương tiện, phần mềm trình chiếu, phần mềm đánh giá... để xây dựng thư viện các phần mềm phục vụ dạy học.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về thiết kế bài giảng điện tử.

- Tập huấn sử dụng các phần mềm.

- Tổ chức các cuộc thi: Thiết kế bài giảng điện tử, giờ dạy ứng dụng Công nghệ thông tin, tìm hiểu về các phần mềm dạy học,...

- Bồi dưỡng kiến thức sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại.

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ngoài việc đòi hỏi giáo viên phải có nhận thức đúng, có kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin thì giáo viên cần phải đầu tư nhiều công sức, kiên trì, tâm huyết, được định hướng và có kế hoạch. Vì vậy, sau khi giáo viên đã có nhận thức đúng về vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học, mỗi giáo viên đã có khả năng ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy, các TTHTCD cần xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin cụ thể, rõ ràng:

- Xây dựng kế hoạch theo năm học, giai đoạn. Kế hoạch phải rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ cho từng giáo viên, nội dung ứng dụng và mức độ ứng dụng.

- Hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch. Phân công giúp đỡ giáo viên trong quá trình thực hiện.

- Định kỳ đánh giá giá kết quả thực hiện công việc.

- Có các hình thức khen thưởng và quản lý, sử dụng các sản phẩm do giáo viên tạo ra một cách hợp lý để động viên, khuyến khích giáo viên.

Để việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học hiệu quả, các TTHTCD cần có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị Công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai ứng dụng trong dạy học của giáo viên. Các trung tâm cần xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm, kế hoạch bảo quản, sử dụng theo năm học, cho từng giai đoạn: Nội dung đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng.

3.3.6.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT: Sở Giáo dục và Đào tạo cần định hướng, chỉ đạo các TTHTCĐ trong việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào quản lý để đảm bảo tạo nên hệ thống quản lý đồng bộ từ Sở đến các TTHTCĐ.

- Sự quyết tâm của lãnh đạo các trung tâm học tập cộng đồng: Bên cạnh sự chỉ đạo của Sở, các TTHTCĐ cần có kế hoạch, quyết tâm ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý.

- Sự hỗ trợ của chính quyền địa phương: Các trung tâm học tập cộng đồng đóng ở các địa phương, phục vụ địa phương, do đó các TTHTCĐ rất cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương về các điều kiện để trung tâm hoạt động.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo trung tâm cần có tầm nhìn, có khả năng huy động nguồn lực, kiên quyết trong tổ chức chỉ đạo triển khai.

3.3.7. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng

3.3.7.1. Ý nghĩa, mục tiêu của giải pháp

Giúp cán bộ quản lý thấy rõ ý nghĩa quan trọng của công tác giám sát, đánh giá, từ đó nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng. Trong công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng, người cán bộ quản lý phải thường xuyên hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục: từ lựa chọn chương trình, xây dựng kế hoạch học tập đến tổ chức lớp học, công nhận kết quả học tập của học viên. Ngoài ra, họ còn có trách nhiệm giám sát việc giáo viên thực hiện đúng nội dung chương trình giảng dạy, học viên thực hiện nội quy của TTHTCĐ...

Giải pháp này giúp nhà quản lý xác định rõ mục đích, yêu cầu của việc giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục của TTHTCĐ, từ đó xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục của TTHTCĐ một cách bài bản.

3.3.7.2. Nội dung và cách thức thực hiện

i) Xác định rõ mục đích, yêu cầu của việc giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng

Để thực hiện có kết quả việc giám sát, đánh giá hoạt động của TTHTCĐ, người cán bộ quản lý cần phải nắm vững mục đích và yêu cầu giám sát, đánh giá.

- Về mục đích giám sát, đánh giá trung tâm học tập cộng đồng: Mục đích giám sát, đánh giá là nhằm đảm bảo cho mọi hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng được thực hiện đúng quy chế và đúng kế hoạch. Đồng thời, qua giám sát, đánh giá còn để nắm bắt chính xác tình hình của TTHTCĐ, kịp thời phát hiện ra những hạn chế, thiếu sót cần phải điều chỉnh hoặc khắc phục.

- Về yêu cầu giám sát, đánh giá trung tâm học tập cộng đồng: Việc giám sát, đánh giá hoạt động của TTHTCĐ cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Giám sát, đánh giá phải toàn diện: Yêu cầu này đòi hỏi toàn bộ hoạt động của TTHTCĐ đều phải được giám sát, đánh giá: từ các hoạt động dạy học; tuyên truyền, phổ biến kiến thức đến các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tư vấn khuyến học...

Giám sát, đánh giá phải thường xuyên, có kế hoạch: Yêu cầu này đòi hỏi phải tiến hành công việc giám sát, đánh giá hoạt động của TTHTCĐ một cách liên tục, theo kế hoạch.

Giám sát, đánh giá phải phù hợp với đối tượng và các dạng hoạt động của TTHTCĐ: Yêu cầu này đòi hỏi việc giám sát, đánh giá trước hết phải phù hợp với các đối tượng đến với TTHTCĐ, đó là: trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn. Đồng thời, việc giám sát, đánh giá còn phải phù hợp các dạng hoạt động do TTHTCĐ tổ chức.

Hình thức và phương pháp giám sát, đánh giá phải đa dạng, linh hoạt. Để giám sát, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, cần phải sử dụng nhiều hình thức và phương pháp đánh giá.

Giám sát phải gắn với đánh giá: Yêu cầu này đòi hỏi việc giám sát không được tách rời với đánh giá kết quả hoạt động của học viên, giáo viên và những người tham gia các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

ii) Xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng:

Để công tác giám sát, đánh giá đạt kết quả tốt, cần xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức giám sát, đánh giá một cách bài bản.

- Xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá

Kế hoạch giám sát, đánh giá hoạt động của TTHTCĐ cần bao gồm các nội dung: Các hoạt động cần giám sát, đánh giá; thời gian thực hiện giám sát, đánh giá; kết quả giám sát, đánh giá; các dữ liệu cần thu thập; phương pháp và công cụ giám sát, đánh giá; người giám sát, đánh giá; số lần giám sát, đánh giá trên một đơn vị thời gian; người viết báo cáo giám sát, đánh giá.

Trong các nội dung trên của kế hoạch giám sát, đánh giá cần đặc biệt chú ý đến phương pháp và công cụ giám sát, đánh giá. Ngoài ra, trong kế hoạch giám sát, đánh giá cũng cần xác định rõ các tiêu chí đánh giá cụ thể, thích hợp.

- Tổ chức giám sát, đánh giá

Việc tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng có thể được thực hiện bởi những người quản lý trung tâm hoặc những người trong cộng đồng tham gia quản lý trung tâm. Đây là sự giám sát, đánh giá nội bộ.

Ngoài ra, việc tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng còn có thể được thực hiện bởi Ủy ban nhân dân, Phòng GD&ĐT, Hội Khuyến học cấp huyện. Đây là sự giám sát, đánh giá từ bên ngoài.

Sự giám sát, đánh giá nội bộ đối với hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng có những ưu điểm là được tiến hành thường xuyên, phản ánh kịp thời tình hình thực tế của TTHTCĐ, tuy nhiên, hạn chế của giám sát, đánh giá nội bộ là dễ thiếu khách quan. Trong khi đó, ưu điểm sự giám sát, đánh giá từ bên ngoài lại mang tính khách quan của những thông tin, nhận định, nhưng hạn chế của nó là dễ không phản ánh sát đúng tình hình thực tế của trung tâm học tập cộng đồng.

Để có được một kết quả cao trong giám sát, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, cần kết hợp chặt chẽ giữa sự giám sát, đánh giá của cán bộ quản lý trung tâm và sự giám sát, đánh giá của các cơ quan bên ngoài.

Trong đánh giá kết quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, cần được tiến hành một cách bài bản, theo đúng quy trình:

Bước 1: Lập kế hoạch đánh giá

Ở bước này, cần xác định rõ mục đích, nội dung đánh giá, mẫu đánh giá (nếu số lượng quá lớn có thể chọn mẫu bất kỳ), phương pháp đánh giá, người đánh giá...

Bước 2: Tổ chức đánh giá

Ở bước này, người đánh giá cần thực hiện các trắc nghiệm, quan sát và nói chuyện thân mật với những người tham gia các hoạt động do TTHTCĐ tổ chức, trao đổi trong Ban Giám đốc, họp với các ban ngành, đoàn thể liên quan để thu thập thông tin, số liệu đánh giá.

Bước 3: Phân tích kết quả đánh giá

Ở bước này, kết quả của các hoạt động cần được phân tích về cả mặt định tính và định lượng, làm cơ sở cho việc rút ra những nhận xét, kết luận cần thiết.

Bước 4: Xử lý sau đánh giá

Điều quan trọng sau đánh giá là phải chỉ ra nguyên nhân (thành công và chưa thành công) của các kết quả, để từ đó có biện pháp phát huy hay khắc phục, đảm bảo cho các hoạt động của TTHTCĐ ngày càng hiệu quả hơn.

3.3.7.3. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng phải nắm vững mục đích, yêu cầu của việc giám sát, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.
- Cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng phải có năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát, đánh giá các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Phải có năng lực phân tích và xử lý các kết quả giám sát, đánh giá.
- Quá trình giám sát, đánh giá phải đảm bảo khách quan, trung thực, sau đánh giá, giám sát phải tạo được động lực cho sự phát triển đi lên của TTHTCĐ.

3.4. Khảo nghiệm và thử nghiệm giải pháp đề xuất

3.4.1. Khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp

3.4.1.1. Mục đích khảo nghiệm

Mục đích của việc khảo nghiệm là nhằm thu thập thông tin đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp quản lý TTHTCĐ đã được đề xuất, trên cơ sở đó giúp Nghiên cứu sinh điều chỉnh các giải pháp chưa phù hợp và khẳng định thêm độ tin cậy của các giải pháp đã được nhiều người đánh giá cao.

3.4.1.2. Nội dung và phương pháp khảo nghiệm

- Nội dung khảo nghiệm:

Nội dung khảo nghiệm tập trung vào hai vấn đề chính:

Thứ nhất: Các giải pháp được đề xuất có thực sự cần thiết đối với công tác quản lý TTHTCĐ ở Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay hay không?

Thứ hai: Trong điều kiện hiện tại, các giải pháp được đề xuất có khả thi đối với công tác quản lý TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay không?

- Phương pháp khảo nghiệm

Trao đổi bằng bảng hỏi và phỏng vấn.

3.4.1.3. Đối tượng khảo nghiệm

Gồm 60 CBQL các TTHTCĐ, 45 cán bộ lãnh đạo địa phương và 85 cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, ngành giáo dục cấp quận, huyện và cấp tỉnh. Tổng cộng 190 người.

3.4.1.4. Kết quả khảo nghiệm

Các phiếu khảo nghiệm được xây dựng theo nội dung 7 giải pháp đã đề xuất. Các ý kiến được đánh giá bằng cách cho điểm và tính theo hệ số:

- Về mức độ cần thiết, có 3 mức điểm là: Rất cần thiết: 2 điểm; cần thiết: 1 điểm và không cần thiết: 0 điểm;

- Về tính khả thi, có 3 mức điểm là: Rất khả thi: 2 điểm; khả thi: 1 điểm và không khả thi: 0 điểm.

- Tổng điểm được xếp theo thứ bậc về mức độ cần thiết và tính khả thi của từng biện pháp.

* *Về mức độ cần thiết của các giải pháp*

Kết quả thống kê ý kiến đánh giá của 190 cán bộ được khảo sát về mức độ cần thiết của các giải pháp quản lý TTHTCĐ được tập hợp ở bảng 3.1

Bảng 3.1: Kết quả đánh giá mức độ cần thiết của các giải pháp

TT	Giải pháp	Mức độ cần thiết (tỷ lệ %)			Xếp bậc	
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Tổng điểm	Xếp bậc
1	Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT.	92,1 (175)	6,7 (13)	1,1 (02)	363	1
2	Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	91,6 (174)	5,8 (11)	2,6 (05)	359	2
3	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay.	83,6 (159)	12,5 (24)	3,9 (0,7)	342	5
4	Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT.	86,0 (163)	10,3 (20)	3,7 (07)	346	4
5	Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân.	80,0 (152)	15,9 (30)	4,1 (08)	334	7
6	Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT.	86,8 (165)	11,0 (21)	2,2 (04)	351	3
7	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.	83,0 (157)	13,0 (25)	4,0 (08)	339	6

Căn cứ kết quả trên chúng tôi thấy không có giải pháp nào đạt điểm dưới mức trung bình, chứng tỏ các giải pháp đề xuất là đúng với yêu cầu hiện tại.

Hai giải pháp 1, 2 được đánh giá là cần thiết hơn so với các giải pháp khác (ở mức độ rất cần có tỷ lệ là: 92,1%; 91,6%). Còn các giải pháp 6,4,3,7,5 có số ý kiến đánh giá thấp hơn về sự cần thiết. Tuy nhiên ở các giải pháp này, số ý kiến cho là rất cần thiết cũng chiếm tỷ lệ khá cao: 86,8%, 86%, 83,6%, 83%, 80%.

Số ý kiến đánh giá ở mức độ không cần thiết chiếm một tỷ lệ nhỏ: 3,2%.

Sự đánh giá của các đối tượng khảo sát về mức độ cần thiết của các giải pháp đã đề xuất về cơ bản là thống nhất.

** Về mức độ khả thi của các giải pháp*

Các ý kiến đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp được tập hợp ở bảng 3.2.

Bảng 3.2. Kết quả tổng hợp đánh giá tính khả thi của các giải pháp

TT	Đánh giá và kết quả Giải pháp	Tính khả thi (tỷ lệ %)			Xếp thứ	
		<i>Rất khả thi</i>	<i>Khả thi</i>	<i>Không khả thi</i>	<i>Tổng điểm</i>	<i>Xếp loại</i>
1	Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT.	86,8 (165)	9,0 (17)	4,2 (08)	347	1
2	Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	86,3 (164)	8,9 (17)	4,7 (09)	345	2
3	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay.	86,3 (164)	8,4 (16)	5,3 (10)	344	4
4	Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT.	85,8 (163)	8,9 (17)	5,3 (10)	343	5
5	Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân.	82,6 (157)	10,5 (20)	6,9 (13)	334	7
6	Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT.	85,8 (163)	10,0 (19)	4,2 (08)	345	3
7	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.	82,6 (157)	12,1 (23)	5,3 (10)	337	6

Căn cứ kết quả trên chúng tôi thấy không có giải pháp nào đạt điểm dưới mức trung bình, chứng tỏ các giải pháp đề xuất là rất khả thi đối với việc quản lý TTHTCĐ hiện nay.

Các giải pháp 1,2,6 được đánh giá là khả thi hơn so với các giải pháp khác (ở mức độ rất khả thi có tỷ lệ là: 86,8%; 86,3%, 85,8%). Còn các giải pháp 3,4,7,5 có số ý kiến đánh giá thấp hơn về tính khả thi. Tuy nhiên ở các giải pháp này, số ý kiến cho là rất khả thi và khả thi cũng chiếm tỷ lệ khá cao.

Sự đánh giá của các đối tượng khảo sát về mức độ khả thi của các giải pháp đã đề xuất về cơ bản là thống nhất.

So với đánh giá về sự cần thiết, đánh giá về tính khả thi của các giải pháp được đề xuất có thấp hơn. Số ý kiến đánh giá ở mức độ rất khả thi và khả thi là 94,9%. (đánh giá về sự cần thiết là 96,6%).

Nếu sử dụng cách tính điểm hệ số mức độ khả thi theo quy định: Rất khả thi: 2 điểm, khả thi: 1 điểm và không khả thi: 0 điểm, ta có điểm số chung của từng giải pháp như sau:

- *Giải pháp 1:* Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT, điểm khả thi 347/380 điểm tối đa;

- *Giải pháp 2:* Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, điểm khả thi 345/380 điểm tối đa;

- *Giải pháp 3:* Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay, điểm khả thi 344/380 điểm tối đa;

- *Giải pháp 4:* Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT, điểm khả thi 343/380 điểm tối đa;

- *Giải pháp 5:* Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSĐ của người dân, điểm khả thi 334/380 điểm tối đa;

- *Giải pháp 6:* Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT, điểm khả thi 345/380 điểm tối đa.

- *Giải pháp 7:* Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng, điểm khả thi 337/ 380 điểm tối đa;

Nếu xét theo điểm số khả thi có thể thấy, điểm tối đa về tính khả thi của một giải pháp là 380 (190 ý kiến x 2 điểm cho mức rất khả thi). Phân tích điểm đánh giá mức độ khả thi của các giải pháp được đề xuất cho thấy cả 7 giải pháp đều có điểm khả thi lớn hơn điểm khả thi trung bình (>190 điểm). Điều đó chứng tỏ các giải pháp được đề xuất đều có tính khả thi tương đối cao.

Còn xét thứ bậc điểm số khả thi của các giải pháp được đề xuất, có thể thấy giải pháp “*Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT*” và giải pháp “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” là những giải pháp có tính khả thi cao nhất. Tiếp đến là các giải pháp “*Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT*”; Giải pháp “*Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về*

chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay”; Giải pháp “Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT” có số điểm khả thi cao; Giải pháp “Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng” và giải pháp “Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân” có điểm số khả thi thấp nhất trong các giải pháp đã được đề xuất.

Tuy nhiên, xét về mặt thống kê, sự khác biệt giữa các giải pháp này là không có ý nghĩa. Vì vậy, các giải pháp về cơ bản là tương đương nhau và có thể triển khai trong thực tiễn chỉ đạo quản lý TTHTCĐ ở Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Bảng 3.3: Tổng hợp đánh giá mức độ cần thiết, tính khả thi của các giải pháp

TT	Giải pháp	Kết quả và xếp hạng		Xếp thứ bậc mức độ cần thiết		Xếp thứ bậc tính khả thi	
		Tổng điểm	Xếp bậc	Tổng điểm	Xếp bậc	Tổng điểm	Xếp bậc
1	Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT.	363	1	347	1		
2	Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.	359	2	345	2		
3	Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay.	342	5	344	4		
4	Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT.	346	4	343	5		
5	Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân.	334	7	334	7		
6	Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT.	351	3	345	3		
7	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.	339	6	337	6		

Từ bảng tổng hợp cả 2 kết quả về “Mức độ cần thiết” và “Tính khả thi” của các giải pháp đã được đề xuất (bảng số 3.3), chúng tôi thấy các giải pháp đều được đánh giá là cần thiết và có tính khả thi với tỷ lệ điểm khá cao. Đặc biệt là các giải pháp “Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây

dựng XHHT”, giải pháp “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” và giải pháp “*Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT*” là những giải pháp được đánh giá cao nhất. Đây cũng là những giải pháp cốt lõi của công tác quản lý TTHTCĐ trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

3.4.2. Thử nghiệm một số giải pháp đề xuất

3.4.2.1. Mục đích, yêu cầu của việc thử nghiệm

Tiến hành thử nghiệm một số giải pháp đã được đề xuất, nhằm khẳng định các giải pháp mà luận án đề xuất là đúng và có tác dụng tốt trong việc quản lý các TTHTCĐ trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung trong bối cảnh đổi mới hiện nay. Việc thử nghiệm phải được tiến hành công khai, minh bạch và phản ánh đúng kết quả.

3.4.2.2. Nội dung thử nghiệm

Các giải pháp thử nghiệm:

Giải pháp: Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

Giải pháp: Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT;

Lý do chọn 2 giải pháp trên: Chọn 2 giải pháp trên để thử nghiệm vì hai giải pháp này được xác định là những giải pháp then chốt nhất trong các giải pháp đề xuất. Thực hiện tốt hai giải pháp này là cơ sở để thực hiện tốt các giải pháp khác.

3.4.2.3. Thời gian thử nghiệm: Từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 4 năm 2016.

3.4.2.4. Mẫu thử nghiệm: 2 giải pháp nêu trên được thử nghiệm tại 3 TTHTCĐ ở 03 quận, huyện thuộc các vùng miền của thành phố Hà Nội. Việc lựa chọn các đơn vị tham gia thử nghiệm căn cứ vào 3 tiêu chí sau:

- Các TTHTCĐ tham gia thử nghiệm thuộc 3 loại hình địa bàn gồm 1 trung tâm học tập cộng đồng thuộc quận, 1 trung tâm học tập cộng đồng thuộc huyện ngoại thành, 1 trung tâm học tập cộng đồng thuộc khu vực có nhiều khó khăn về kinh tế.

- Các trung tâm học tập cộng đồng tham gia thử nghiệm có kết quả hoạt động ở 3 mức trung bình, khá, tốt.

- Ủy ban nhân dân, Phòng GD&ĐT, trung tâm GDTX nơi có trung tâm học tập cộng đồng tham gia thử nghiệm có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình với hoạt động xây dựng trung tâm học tập cộng đồng, phối hợp công tác tốt.

Danh sách các đơn vị tham gia thử nghiệm gồm:

- Trung tâm học tập cộng đồng phường Đức Giang, quận Long Biên;
- Trung tâm học tập cộng đồng xã Liên Hà, huyện Đông Anh;
- Trung tâm học tập cộng đồng xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai.

3.4.2.5. Tiêu chí đánh giá việc thử nghiệm

Thử nghiệm giải pháp: “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” gồm các tiêu chí:

- Số lượng, thành phần tham gia Ban Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng;
- Trình độ quản lý, trình độ chuyên môn của Ban Giám đốc TTHTCĐ;
- Tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ban Giám đốc TTHTCĐ;
- Công tác tham mưu với Đảng, chính quyền về sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với TTHTCĐ;
- Liên kết, phối hợp với các ban ngành đoàn thể trong việc quản lý TTHTCĐ;
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong trung tâm học tập cộng đồng;
- Cơ chế tổ chức, lãnh đạo quản lý;
- Số lượng học viên tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng.

Thử nghiệm giải pháp “*Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT*”, gồm các tiêu chí:

- Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của các đối tượng;
- Các chuyên đề đáp ứng nhu cầu của người học trên địa bàn;
- Xây dựng tài liệu phục vụ cho hoạt động tại trung tâm học tập cộng đồng;
- Cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho hoạt động;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động tại TTHTCĐ;
- Số lượng người học các chuyên đề tại trung tâm học tập cộng đồng.

Một số nét khái quát về các trung tâm học tập cộng đồng được chọn thử nghiệm:

- Phường Đức Giang, quận Long Biên: Diện tích tự nhiên 2,41 Km² với 25.767 người, 23 tổ dân phố. Đức Giang có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Đức Giang có nền kinh tế thương mại - dịch vụ và kinh tế hộ gia đình phát triển. Kết cấu hạ tầng đô thị phục vụ đời sống được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Giáo dục và y tế phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện.

- Xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai có diện tích tự nhiên là 4,64 Km², dân số 8.558 người. Là xã có nền kinh tế phát triển khá của huyện Thanh Oai. Người dân sống chủ yếu bằng nghề nông và một số nghề truyền thống của địa phương. Hệ thống giáo dục có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phát triển khá so với huyện, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em trên địa bàn.

- Xã Liên Hà, huyện Đông Anh có diện tích tự nhiên 8,108 Km², dân số 15.468 người. Là xã có nền kinh tế phát triển hàng đầu của huyện Đông Anh. Người dân sống chủ yếu bằng nghề nông, đặc biệt là chuyên canh giống lúa nếp đặc sản nổi tiếng hiện

nay và một số nghề truyền thống như gỗ ép phun sơn, làm đồ mộc dân dụng và đục tượng chạm khắc gỗ. Là địa phương có nền giáo dục, văn hóa phát triển, có 2 trường mầm non, 2 trường tiểu học, 1 THCS và 1 trường THPT của huyện đóng trên địa bàn xã. Liên Hà cũng là cái nôi của nghệ thuật Ca Trù Việt Nam.

3.4.2.6. Tiến hành thử nghiệm

Từ thời gian tháng 10/2014 làm việc với Phòng GD&ĐT, cấp ủy, chính quyền, các ngành liên quan của 3 địa phương để thống nhất chủ trương thử nghiệm.

Từ tháng 10 năm 2014 NCS cùng với Giám đốc TTHTCĐ triển khai việc thử nghiệm ở 3 TTHTCĐ thuộc 3 quận, huyện với các giải pháp đã nêu trên.

Từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015 NCS và Giám đốc TTHTCĐ đánh giá, tổng kết việc thử nghiệm ở các TTHTCĐ, rút ra những kết luận từ thực tiễn thử nghiệm.

Từ tháng 01 đến tháng 02 năm 2016 NCS báo cáo đánh giá, tổng kết, rút ra những kết luận từ thực tiễn khách quan, hoàn thiện tổ chức hội thảo khoa học và chuẩn bị hoàn thiện luận án tiến sĩ.

Quy trình thực hiện:

Bước 1. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, đánh giá các giải pháp mà các đơn vị đã áp dụng trước khi tiến hành thử nghiệm: NCS kết hợp cùng TTHTCĐ sưu tập và nghiên cứu các văn bản, tài liệu về hoạt động của 3 TTHTCĐ nhằm làm rõ bối cảnh xây dựng, phát triển và duy trì hoạt động của 3 đơn vị trước khi thử nghiệm. Phân tích, đánh giá nội dung và cách thức thực hiện cũng như hiệu quả của những giải pháp mà trung tâm đã áp dụng trước đó nhằm giải quyết các vấn đề trọng yếu trong quá trình quản lý, xây dựng, phát triển và hoạt động. Phân tích rõ những nguyên nhân thành công, không thành công trong quá trình giải quyết các vấn đề trên.

Bước 2. Tổ chức tập huấn cộng tác viên các đơn vị tham gia thử nghiệm: NCS đã tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ thuộc các đơn vị thử nghiệm về nội dung và phương pháp áp dụng các giải pháp do đề tài đề xuất. Trao đổi cùng các đơn vị thử nghiệm về các giải pháp đơn vị đã áp dụng trước đây nhằm phân tích, đối chiếu, so sánh giải pháp của đơn vị với các giải pháp đề xuất của đề tài. Đồng thời tổ chức tập huấn cho đại diện của Phòng GD&ĐT và đại diện của trung tâm GDTX trên cùng địa bàn với đơn vị tham gia thử nghiệm nhằm làm tốt công tác phối hợp, hỗ trợ.

Bước 3. Thực hiện thử nghiệm giải pháp: NCS cùng các đơn vị thống nhất nội dung, phương pháp tiến hành thử nghiệm giải pháp. Trong đó có lưu ý bổ sung các vấn đề mới vào các giải pháp phù hợp với thực tế của đơn vị.

Bước 4. Tổng hợp, đánh giá kết quả áp dụng thử nghiệm các giải pháp mới: NCS đã cùng các đơn vị tham gia thử nghiệm phân tích nội dung, quá trình và cách

thực thực hiện các giải pháp trong từng giai đoạn; đánh giá kết quả phát triển và hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ so với trước khi áp dụng các giải pháp thử nghiệm. Trong quá trình thử nghiệm, yêu cầu các đơn vị bổ sung rõ nội dung và cách thức tiến hành thực hiện giải pháp nhằm đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi. Kết thúc quá trình thử nghiệm, các đơn vị rút ra những bài học thực tiễn về việc thực hiện các giải pháp, phân tích nguyên nhân thành công, những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc gây cản trở đến quản lý, hoạt động của đơn vị và phương hướng khắc phục. Đặc biệt lưu ý các đơn vị về việc lựa chọn những giải pháp mang tính khả thi cao và đề xuất những giải pháp mới nếu có.

3.4.2.7. Kết quả thu được

Qua tập hợp kết quả thử nghiệm 2 giải pháp, NCS đánh giá kết quả thử nghiệm các giải pháp như sau:

Giải pháp “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*”.

Trước khi thử nghiệm ở cả 3 TTHTCĐ, bộ máy tổ chức của trung tâm không được bố trí đầy đủ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý trình độ, năng lực chuyên môn hạn chế. Toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác quản lý, tổ chức hoạt động của TTHTCĐ. Việc tham mưu với Đảng, chính quyền địa phương chưa đem lại hiệu quả. Các nguồn lực đầu tư cho TTHTCĐ hạn chế. Cơ chế tổ chức, quản lý chưa rõ ràng. Sự phối kết hợp trong quản lý, tổ chức hoạt động của TTHTCĐ và sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng phát triển TTHTCĐ rất hạn chế. Người học đến với trung tâm học tập cộng đồng rất ít.

Bảng 3.4. Tổng hợp số lượng, trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (trước thử nghiệm)

Mục	Đức Giang				Thanh Cao				Liên Hà			
	Tổng số	ĐH	CD	T.C	Tổng số	ĐH	CD	T.C	Tổng số	ĐH	CD	T.C
Cán bộ quản lý	2		1	1	1			1	1			1
Giáo viên	1		1									
Nhân viên	1			1	1			1	0			

Bảng tổng hợp trên cho thấy số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ở cả 3 TTHTCĐ được thử nghiệm đều thiếu. Trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thấp.

Bảng 3.5. Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ CBQL, GV, nhân viên trung tâm học tập cộng đồng (trước thử nghiệm)

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Đủ về số lượng, mạnh về chất lượng.	8 (5,5%)	14 (6%)	128 (85,5%)
2	Thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.	123 (82%)	17 (11,5%)	10 (6,5%)
3	Chất lượng tốt.	9 (6%)	7 (4,5%)	134 (89,5%)
4	Chất lượng yếu.	125 (83,5%)	9 (6%)	16 (10,5%)

Kết quả khảo sát cho thấy, có rất ít ý kiến đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng (5,5%); đa số các ý kiến (82%) đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ được thử nghiệm thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.

Bảng 3.6. Kết quả khảo sát trình độ, năng lực chuyên môn của lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng (trước thử nghiệm)

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Lãnh đạo TTHTCĐ được bố trí là cán bộ có trình độ, có năng lực hoạt động cộng đồng.	13% (19)	2% (3)	85% (128)
2	Lãnh đạo TTHTCĐ đều là những người được bồi dưỡng về hoạt động cộng đồng và được cộng đồng giới thiệu, lựa chọn làm quản lý TTHTCĐ.	13% (19)	2,5% (4)	84,5% (127)
3	Lãnh đạo TTHTCĐ là những người có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo cơ bản về kiến thức quản lý TTHTCĐ.	11% (17)	2% (3)	87% (130)

Khảo sát về trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý TTHTCĐ, có rất ít ý kiến đánh giá lãnh đạo TTHTCĐ được bố trí là cán bộ có trình độ, có năng lực hoạt động cộng đồng (13%); chỉ có 19% ý kiến đánh giá lãnh đạo TTHTCĐ là những người được bồi dưỡng về hoạt động cộng đồng và được cộng đồng giới thiệu, lựa chọn làm quản lý TTHTCĐ.

Bảng 3.7. Kết quả khảo sát công tác tham mưu, tổ chức hoạt động của lãnh đạo TTHTCĐ (trước thử nghiệm)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tham mưu với UBND xã, phường chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển TTHTCĐ.	46 (31%)	48 (32%)	56 (37%)
2	Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của TTHTCĐ phù hợp với địa phương.	28 (19%)	38 (25%)	84 (56%)
3	Phối hợp thường xuyên với ban, ngành địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động.	32 (21,5%)	38 (25%)	80 (53,5%)
4	Tổ chức việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên cho giáo, cộng tác viên viên TTHTCĐ.	41 (27%)	77 (51,5%)	32 (21,5%)
5	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm theo kế hoạch hàng năm.	20 (13,5%)	31 (20,5%)	99 (66%)

Qua kết quả khảo sát cho thấy công tác tham mưu với Ủy ban nhân dân xã, phường chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng của cán bộ quản lý TTHTCĐ đã được tiến hành nhưng kết quả hạn chế (37% ý kiến đánh giá là chưa tốt). Việc xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và việc phối hợp thường xuyên với ban, ngành địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động của trung tâm còn yếu (56% và 53,5%). Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm theo kế hoạch hàng năm yếu (66%).

Sau thời gian thử nghiệm: Ban Giám đốc TTHTCĐ đã được kiện toàn đủ về số lượng, chất lượng được nâng lên.

Bảng 3.8. Trình độ chuyên môn, độ tuổi và thâm niên công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ (sau thử nghiệm)

Mục	Đức Giang				Thanh Cao				Liên Hà			
	Tổng số	ĐH	CĐ	T.C	Tổng số	ĐH	CĐ	T.C	Tổng số	ĐH	CĐ	T.C
CB quản lý TT	3	3			3	2	1		3	2	1	
Giáo viên	16	9	3		8	6	2		12	10	2	
Nhân viên	2		1	1	2			2	2			2

Đa số thành viên trong Ban Giám đốc TTHTCĐ đều có trình độ Đại học. Giám đốc TTHTCĐ đều được bổ trí là lãnh đạo Đảng, chính quyền xã, phường tham gia.

Bảng 3.9. Kết quả khảo sát thực trạng về đội ngũ CBQL, GV, cộng tác viên các trung tâm học tập cộng đồng (sau thử nghiệm)

TT	Mức độ đánh giá	Kết quả đánh giá		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1	Đủ về số lượng, mạnh về chất lượng.	137 (91,5%)	5 (3%)	8 (5,5%)
2	Thiếu về số lượng, yếu về chất lượng.	8 (5,5%)	8 (5,5%)	134 (89%)
3	Chất lượng tốt.	139 (93%)	4 (2,5%)	7 (4,5%)
4	Chất lượng yếu.	10 (6,0%)	6 (4%)	90 (136%)

Kết quả khảo sát cho thấy, sau thử nghiệm có tới 91,5% ý kiến đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên TTHTCĐ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, 93% ý kiến đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên là tốt.

Bảng 3.10. Kết quả khảo sát trình độ, năng lực chuyên môn của lãnh đạo trung tâm học tập cộng đồng (sau thử nghiệm)

TT	Nội dung câu hỏi	Kết quả trả lời		
		Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
2	Lãnh đạo TTHTCĐ được bổ trí là cán bộ có trình độ chuyên môn, có năng lực hoạt động cộng đồng.	89% (133)	4,5% (7)	6,5% (10)
2	Lãnh đạo TTHTCĐ đều là những người được bồi dưỡng về hoạt động cộng đồng và được cộng đồng giới thiệu, lựa chọn làm quản lý TTHTCĐ.	77% (116)	3,5% (5)	19,5% (31)
3	Lãnh đạo TTHTCĐ là những người có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo cơ bản về kiến thức quản lý TTHTCĐ.	81% (122)	6% (9)	13% (19)

Sau thử nghiệm trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ được đánh giá rất cao. Các ý kiến giá cao trình độ chuyên môn, năng lực hoạt động cộng đồng của đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ (89%). 77% cho rằng lãnh đạo TTHTCĐ đều là những người được bồi dưỡng về hoạt động cộng đồng và được cộng đồng giới thiệu, lựa chọn làm quản lý TTHTCĐ. 81% đánh giá lãnh đạo TTHTCĐ là những người có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo cơ bản về kiến thức quản lý TTHTCĐ.

Bảng 3.11. Kết quả khảo sát công tác tham mưu, tổ chức hoạt động của Lãnh đạo TTHTCĐ (sau thử nghiệm)

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tham mưu với UBND xã, phường chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển TTHTCĐ.	120 (80%)	14 (9%)	16 (11%)
2	Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của TTHTCĐ phù hợp với địa phương.	112 (75%)	17 (11%)	21 (14%)
3	Phối hợp thường xuyên với ban, ngành địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động.	107 (71,5%)	23 (15,5%)	20 (13%)
4	Tổ chức việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên cho giáo, cộng tác viên viên TTHTCĐ.	104 (69%)	32 (21,5%)	14 (9,5%)
5	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm theo kế hoạch hàng năm.	108 (72%)	29 (19,5%)	13 (8,5%)

Kết quả trên cho thấy vai trò quản lý của lãnh đạo TTHTCĐ được nâng lên nhiều so với trước thử nghiệm. Công tác tham mưu về chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển TTHTCĐ; công tác xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của TTHTCĐ phù hợp với địa phương và công tác phối hợp thường xuyên với ban, ngành địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động được đánh giá tốt (80%, 75% và 71,5%).

Như vậy, sau thời gian thử nghiệm giải pháp “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*”, bộ máy cán bộ quản lý TTHTCĐ được kiện toàn đảm bảo đủ về số lượng, nâng lên về chất lượng. Đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ được tập huấn thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ quản lý TTHTCĐ, nhất là kỹ năng

quản lý, tổ chức hoạt động của TTHTCĐ. Nếu như trước thử nghiệm công tác tham mưu của lãnh đạo TTHTCĐ với lãnh đạo Đảng, chính quyền rất hạn chế, sau thử nghiệm hoạt động này đạt kết quả tốt, việc tham mưu được tiến hành thường xuyên. Ở 3 TTHTCĐ được thử nghiệm Đảng ủy đều ban hành nghị quyết về xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ, Ủy ban nhân dân cấp xã đều đưa nội dung xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ vào kế hoạch công tác năm của địa phương, ban hành văn bản chỉ đạo các ban, ngành của xã triển khai công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT, bố trí ngân sách phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ.

Giải pháp “*Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT*”.

Trước khi thử nghiệm giải pháp, cả 3 TTHTCĐ nội dung, chương trình học tập chưa thực sự đáp ứng nhu cầu người học. Các nội dung được tổ chức gần như theo sự chỉ định của các ban ngành, chưa xuất phát từ nhu cầu của người học.

- Trung tâm học tập cộng đồng Đức Giang: Tập trung vào chuyên đề cung cấp kiến thức về xóa đói giảm nghèo; phổ biến triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ...

- Trung tâm học tập cộng đồng Thanh Cao: Chú trọng công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục các cấp; các chuyên đề trồng trọt, chăn nuôi; chuyên đề thời sự, chính trị; các chuyên đề về áp khoa học kỹ thuật...

- Trung tâm học tập cộng đồng Liên Hà: Tập trung chủ yếu vào các chương trình bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật; Chương trình tư vấn xã hội và sức khỏe; Chương trình nói chuyện chuyên đề, thông tin thời sự; Chương trình phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Bảng 3.12 Số người đến học các chương trình tại TTHTCĐ(trước khi thử nghiệm)

TT	TTHTCĐ	Các chương trình giáo dục					
		Chuyên đề về đường lối, chính sách, pháp luật, thời sự	Chuyên đề về kiến thức KHKT	Chuyên đề về sức khỏe, môi trường	Học kiến thức về văn hóa	Học ngoại ngữ, tin học	Học nghề ngắn hạn
1	Đức Giang	680	770	750	0	170	125
2	Thanh Cao	160	165	106	32	35	145
3	Liên Hà	268	295	252	19	86	95

Với các chuyên đề trên, do chưa đáp ứng được nhu cầu của người học, hơn nữa phương thức truyền đạt, hình thức tổ chức lớp học chưa phù hợp nên chất lượng các chuyên đề thấp, người học đến dự ít.

**Bảng 3.13. Đánh giá nội dung, chương trình giáo dục tại các TTHTCĐ
(trước thử nghiệm)**

TT	Nội dung, chương trình	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chuyên đề về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, thời sự.	69 (46%)	47 (31%)	34 (23%)
2	Chuyên đề về kiến thức khoa học, kỹ thuật	54 (36%)	56 (37%)	40 (27%)
3	Chuyên đề về sức khỏe, môi trường	62 (41%)	45 (30%)	43 (29%)
4	Học kiến thức văn hóa	114 (76%)	18 (12%)	18 (12%)
5	Chuyên đề về học tin học, ngoại ngữ	71 (47%)	52 (35%)	27 (18%)
6	Học nghề ngắn hạn	77 (51%)	59 (39,5%)	14 (9,5%)

Với kết quả đánh giá trên cho thấy trước khi thử nghiệm đa số các chương trình, nội dung bồi dưỡng tại TTHTCĐ chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, phần lớn các nội dung học tập được đánh giá ở mức tốt với tỷ lệ thấp. Chỉ có chương trình học kiến thức văn hóa, học nghề ngắn hạn có tỷ lệ trên 50%.

Sau thử nghiệm: Các nội dung học tập, chương trình học tập trong các TTHTCĐ rất phong phú, đa dạng, đáp ứng đủ loại đối tượng người học và bao trùm toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của cộng đồng và người dân. Phát huy thế mạnh của địa phương, từng trung tâm đã không ngừng đổi mới nội dung, chương trình, hình thức học tập để đáp ứng nhu cầu của người dân, vì vậy số người tham gia học tập ngày càng tăng.

Bảng 3.14. Số người đến học tại TTHTCĐ (sau khi thử nghiệm)

TT	TTHTCĐ	Các chương trình giáo dục					
		Chuyên đề về đường lối, chính sách, pháp luật, thời sự	Chuyên đề về kiến thức KHKT	Chuyên đề về sức khỏe, môi trường	Học kiến thức về văn hóa	Học ngoại ngữ, tin học	Học nghề ngắn hạn
1	Đức Giang	1365	1925	1750	45	380	350
2	Thanh Cao	482	495	265	78	140	435
3	Liên Hà	636	890	756	57	344	380

Cả 3 TTHTCĐ đã tổ chức thực hiện tốt các chuyên đề: công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; cung cấp kiến thức về khoa học, kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; góp phần trang bị cho người dân kiến thức về Hiến pháp, pháp luật, nâng cao hiểu biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tổ chức các chuyên đề giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên tại địa phương; cung cấp những kiến thức về phòng bệnh, chữa bệnh, phòng, chống HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và tệ nạn xã hội; góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường; truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, kiến thức làm mẹ, chăm sóc sức khỏe vị thành niên; tổ chức các lớp dạy nghề ngắn hạn cho nông dân nhằm phổ biến kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ truyền thống của cộng đồng, nhằm duy trì và phát triển bền vững truyền thống và bản sắc văn hóa cộng đồng.

Trung tâm học tập cộng đồng Đức Giang coi trọng việc tổ chức các chuyên đề về phát triển kinh tế thương mại - dịch vụ, các chuyên đề phát triển kinh tế hộ gia đình; chuyên đề phổ cập tin học cho người dân; chuyên đề dạy nghề nội trợ; chuyên đề dạy nghề giúp việc (Ô sin); phòng chống bạo lực gia đình...

Trung tâm học tập cộng đồng Thanh Cao tập trung vào giáo dục chính sách pháp luật cho người dân; phổ biến khoa học kỹ thuật; chuyển giao công nghệ, học nghề; tổ chức học văn hóa, quản lý học sinh học tập ở nhà; giáo dục sức khỏe và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân; phát triển nghề truyền thống địa phương...

Trung tâm học tập cộng đồng Liên Hà tập trung chủ yếu vào chuyên đề ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt là chuyên canh cây trồng có giá trị kinh tế cao; chương trình gìn giữ, phát triển văn hóa địa phương; chương trình phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Bảng 3.15. Đánh giá nội dung, chương trình giáo dục tại các TTHTCĐ

(sau khi thử nghiệm)

TT	Nội dung, chương trình	Mức độ đánh giá		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chuyên đề về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, thời sự.	129 (86,5%)	17 (11%)	4 (2,5%)
2	Chuyên đề về kiến thức khoa học, kỹ thuật	120 (80,5%)	19 (12,5%)	11 (7%)
3	Chuyên đề về sức khỏe, môi trường	126 (84%)	16 (10,5%)	8 (5,5%)
4	Học kiến thức văn hóa	138 (92%)	8 (5,5%)	4 (2,5%)
5	Chuyên đề về học tin học, ngoại ngữ	116 (77%)	22 (15%)	12 (8%)
6	Học nghề ngắn hạn	122 (81,5%)	21 (14%)	7 (4,5%)

Với việc đổi mới nội dung, chương trình, hình thức học tập tại các TTHTCĐ, số người tham gia học tập ở các TTHTCĐ tăng nhiều so với trước khi thử nghiệm. Nội dung, chương trình giáo dục trong các TTHTCĐ ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người dân. Nhiều nội dung, chương trình học tập được đánh giá tốt với tỷ lệ cao.

Kết luận về thử nghiệm:

Giải pháp: *“Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*. Nhìn chung các đơn vị nhất trí rất cao về ý nghĩa, tác dụng của giải pháp và đặc biệt về cách tổ chức thực hiện giải pháp mà luận án đã đề xuất. Tuy nhiên, các đơn vị cho rằng cần xây dựng và thực hiện qui hoạch đội ngũ giám đốc TTHTCĐ khoa học và dài hạn hơn. Hiện nay tình trạng phổ biến là không ổn định phần nhân sự cán bộ TTHTCĐ. Việc không ổn định cán bộ quản lý TTHTCĐ dẫn đến nhiều hậu quả và gây nhiều khó khăn trong việc tổ chức hoạt động của trung tâm. Một số kỹ năng quản lý như kỹ năng lập kế hoạch hoạt động, kỹ năng tổ chức hoạt động, kỹ năng quản lý tài chính, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ chưa tốt làm ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả hoạt động của trung tâm. Cần xây dựng chương trình chính thống về kiến thức quản lý TTHTCĐ làm tài liệu bồi dưỡng cho cán bộ quản lý TTHTCĐ.

Về đánh giá giải pháp, ý kiến nhận xét của các đơn vị tham gia thử nghiệm rất thống nhất. Các đơn vị đều cho rằng trong bối cảnh đổi mới hiện nay, giải pháp *“Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”* là hết sức cần thiết, nếu làm tốt sẽ tạo nên sự đột phá trong bước đi của việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ. Giải pháp: *“Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT”*. Giải pháp này đề cập đến sự cần thiết phải đa dạng hoá nội dung, chương trình học tập; đa dạng hoá các hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ nhằm đảm bảo tính giáo dục và hiệu quả giáo dục cao trong trung tâm học tập cộng đồng. Đây là giải pháp liên quan trực tiếp đến tổ chức hoạt động chuyên môn của TTHTCĐ. Các đơn vị tham gia thử nghiệm đánh giá cao sự cần thiết, đánh giá cao tính hợp lý và khả thi của giải pháp này. Đối tượng người học rất đa dạng, nhu cầu học tập khác nhau vì vậy chương trình dạy học, nội dung dạy học phải luôn được đổi mới, phải rất linh hoạt mới đáp ứng được nhu cầu người học.

Kết thúc quá trình thử nghiệm, NCS đã tiến hành trưng cầu ý kiến của 150 người gồm các đối tượng: cán bộ chỉ đạo chuyên môn, giáo viên (Phòng GD&ĐT,

trung tâm GDTX, TTHTCĐ), cán bộ chính quyền, đoàn thể (Ủy ban nhân dân quận/huyện, Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân xã/phường) và một số học viên. Số người này ở trên địa bàn của 3 TTHTCĐ tham gia thử nghiệm, ngoài ra còn thuộc 10 TTHTCĐ đã thường xuyên tham dự các hội thảo của đề tài. Nội dung trưng cầu ý kiến về tính hợp lý, tính khả thi và tính quyết định của các giải pháp đã đề ra, theo thang điểm đánh giá như sau:

Bảng 3.16. Thang điểm đánh giá giải pháp

STT	Tiêu chí đánh giá - Mức độ	Rất cao	Cao	Trung bình	Không
1	Tính hợp lý	3	2	1	0
2	Tính khả thi	3	2	1	0
3	Tính quyết định	3	2	1	0

Kết quả trưng cầu ý kiến của 150 phiếu (100% số phiếu trưng cầu ý kiến đều ghi đầy đủ điểm ở các nhóm giải pháp) được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3.17. Kết quả trưng cầu ý kiến về giải pháp
(Tính theo điểm trung bình cho từng giải pháp)

STT	Giải pháp	Tính hợp lý	Tính khả thi	Tính quyết định
1	Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	2,82	2,77	2,72
2	Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT”.	2,82	2,52	2,65

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, NCS đề xuất 7 giải pháp quản lý TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay như sau:

- *Giải pháp 1:* Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT;

- *Giải pháp 2:* Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;

- *Giải pháp 3:* Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay;

- *Giải pháp 4:* Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT;

- *Giải pháp 5:* Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân;

- *Giải pháp 6:* Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT;

- *Giải pháp 7:* Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.

Bảy giải pháp nêu trên là kết quả của quá trình nghiên cứu, tổng hợp, khái quát lý luận và thực tiễn được thử nghiệm tại một số TTHTCĐ tại Hà Nội. Mỗi giải pháp có một vai trò riêng nhằm giải quyết một nhóm vấn đề với mục đích đẩy mạnh việc phát triển bền vững và tăng cường hiệu quả hoạt động TTHTCĐ.

Giải pháp 1 “*Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển TTHTCĐ đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT*” có tính quyết định nhất trong số các giải pháp. Kết quả này cũng hoàn toàn trùng khớp với nhận định của NCS. Giải pháp 1 tác động đến yếu tố con người trong công tác quản lý TTHTCĐ. Giải pháp 2 “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các TTHTCĐ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” có vai trò rất quan trọng, sự chuyển động của nó sẽ tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến các giải pháp có tính điều kiện khác tạo nên sự chuyển biến của công tác quản lý TTHTCĐ. Giải pháp 3 “*Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay*” là giải pháp “mang tính nội lực” cần thiết. Nếu đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ giáo dục yếu, kém về năng lực quản lý và chuyên môn nghiệp vụ thì chắc chắn TTHTCĐ hoạt động sẽ kém hiệu quả. Giải pháp 4 “*Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của TTHTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT*” là giải pháp liên quan trực tiếp đến tổ chức hoạt động chuyên môn

của TTHTCĐ. Thực hiện tốt giải pháp này sẽ làm cho người học gắn bó với TTHTCĐ, tìm thấy ở TTHTCĐ những hiểu biết cần thiết cho cuộc sống của mình, đó cũng chính là trực tiếp nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ. Giải pháp 5 *“Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu HTSD của người dân”*, giải pháp này đề cập đến công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ nhằm huy động sự vào cuộc của tất cả các cơ quan quản lý các cấp, giúp TTHTCĐ phát huy tối đa vai trò của mình trong cộng đồng. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý TTHTCĐ là một trong những phương thức hữu hiệu để huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của TTHTCĐ. Giải pháp 6 *“Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của TTHTCĐ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT”* là giải pháp mang tính đột phá trong quản lý, dạy và học tại TTHTCĐ, thực hiện tốt giải pháp này sẽ giúp hoạt động các TTHTCĐ nền nếp, chất lượng và hiệu quả, phù hợp với xu thế quản lý giáo dục hiện nay. Giải pháp 7 *“Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của TTHTCĐ”* được đánh giá là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng các chương trình giáo dục của TTHTCĐ trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Dưới những góc độ quản lý và ở những vị trí quản lý khác nhau, các giải pháp trong hệ thống giải pháp sẽ có vai trò ở mức độ quan trọng không giống nhau. Cụ thể về phương diện chỉ đạo quản lý thì các giải pháp quan trọng là giải pháp 1, 2, 3, 6 7. Về góc độ chuyên môn và hiệu quả giáo dục cần coi trọng giải pháp 4, 6.

Bảy giải pháp trên hợp thành một hệ thống giải pháp hoàn chỉnh. Thực hiện đồng bộ hệ thống giải pháp trên sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ, thúc đẩy việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hệ thống TTHTCĐ trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận về trung tâm học tập cộng đồng, về quản lý cơ sở giáo dục và quản lý trung tâm học tập cộng đồng (trong chương 1) và phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, thực trạng xây dựng, phát triển, quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội (trong chương 2), đồng thời căn cứ vào những chủ trương có tính thời sự của Đảng, Nhà nước và những định hướng của thành phố Hà Nội về phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay, NCS đã đề xuất 7 giải pháp nhằm quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

Các giải pháp được đề xuất đã tập trung vào những vấn đề thực tế đang đòi hỏi trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng tại Hà Nội, đó là việc quan tâm của cấp ủy, chính quyền, các ngành đối với trung tâm học tập cộng đồng; việc củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức đối với các trung tâm học tập cộng đồng gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; những vấn đề về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập; công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, trong dạy học; việc giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng;

Những giải pháp nêu ra trong chương 3 có sự bao quát các khâu cơ bản của công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng nhưng được thiết kế về nội dung và quy trình phù hợp với việc quản lý trung tâm học tập cộng đồng và có tính đến biện pháp tác động tổng hợp theo địa bàn lãnh thổ nhằm tăng cường điều kiện quản lý trung tâm học tập cộng đồng một cách thuận lợi và hữu hiệu hơn.

Để đánh giá mức độ cần thiết và tính khả thi của các giải pháp, NCS đã tổ chức điều tra khảo nghiệm với các đối tượng khá đa dạng, gồm những thành phần có quan hệ trực tiếp ở mức độ khác nhau tới các giải pháp này. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các giải pháp mà NCS đề xuất đã được các đối tượng điều tra tán thành với tỷ lệ khẳng định cao. Đây chính là cơ sở để triển khai các giải pháp này vào thực tiễn phục vụ công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Xây dựng xã hội học tập và yêu cầu học tập suốt đời là một xu thế lớn, xu thế chung của thế giới hiện đại. Trung tâm học tập cộng đồng là trường học của nhân dân lao động, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy sự phát triển văn hoá, kinh tế, xã hội tại cộng đồng xã, phường, thị trấn. Trung tâm học tập cộng đồng chính là công cụ hữu hiệu nhất trong việc xây dựng xã hội học tập.

Qua nghiên cứu, luận án khẳng định những điểm mới cơ bản: Quản lý trung tâm học tập cộng đồng là quá trình lãnh đạo, tổ chức, điều khiển toàn bộ hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, nhằm đảm bảo cho thiết chế giáo dục này đạt được kết quả mong muốn trong bối cảnh đổi mới hiện nay. Mục tiêu cơ bản của quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay là giúp cho các trung tâm học tập cộng đồng tồn tại, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững, thông qua việc sử dụng các năng lực và nguồn lực của cộng đồng để nâng cao năng lực, tăng cường cơ hội học tập của mọi người dân trong cộng đồng.

Quản lý trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay phải đặt trung tâm học tập cộng đồng trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay phải gắn với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Hà Nội, của từng quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, gắn với phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng và mục tiêu xây dựng XHHT hiện nay của Thành phố và cả nước. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay cần quan tâm đến: Xây dựng cơ chế quản lý, chế độ chính sách cho trung tâm học tập cộng đồng; phát triển mạng lưới trung tâm học tập cộng đồng, quản lý hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng; công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

1.2. Các kết quả khảo sát thực tiễn xây dựng, phát triển, quản lý trung tâm học tập cộng đồng cho thấy, Hà Nội là Thành phố có tốc độ phát triển trung tâm học tập cộng đồng khá nhanh. Cho đến nay 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố đều có trung tâm học tập cộng đồng. Sau khi được thành lập, các trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội đã đi vào hoạt động, đa dạng hóa các hình thức học tập và thời gian học tập nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các đối tượng có hoàn cảnh

khác nhau đều có thể đến học. Nội dung hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng rất đúng hướng. Các trung tâm học tập cộng đồng đã góp phần quan trọng ổn định chính trị - xã hội, xây dựng khối đoàn kết nội bộ trong Nhân dân và mối liên kết chặt chẽ giữa các đoàn thể, tổ chức xã hội trong mọi hoạt động nhằm phát triển cộng đồng... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Hà Nội còn một số khó khăn, tồn tại. Đó là nhận thức về vị trí, vai trò, tác dụng của trung tâm học tập cộng đồng của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế; việc ban hành các cơ chế, chính sách đảm bảo cho sự phát triển bền vững của trung tâm học tập cộng đồng còn chậm, thiếu đồng bộ; việc tổ chức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng không được thường xuyên, hiệu quả hoạt động của hệ thống trung tâm học tập cộng đồng thấp, thiếu bền vững; công tác liên kết, cơ chế phối hợp, sự phân định trách nhiệm của các cấp, các ngành chưa rõ ràng, cụ thể; việc đầu tư các điều kiện đảm bảo hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng ít, chưa thường xuyên; bộ máy cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng chậm kiện toàn, không có cán bộ chuyên trách; năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng yếu; chương trình, nội dung học tập, bồi dưỡng nghèo nàn, chưa được cập nhật thường xuyên, chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của cộng đồng; ngân sách đầu tư cho trung tâm học tập cộng đồng không đáp ứng được yêu cầu tổ chức hoạt động tại các trung tâm; công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát hoạt động TTHTCD tiến hành chưa thường xuyên.

Đối với thành phố Hà Nội, để các trung tâm học tập cộng đồng phát triển bền vững, hoạt động hiệu quả đòi hỏi phải được tổ chức nghiên cứu một cách khoa học, nghiêm túc những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội nhằm đề xuất hệ thống giải pháp quản lý hữu hiệu.

1.3. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án đề xuất 7 giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay. Các giải pháp là: *Tổ chức quán triệt, thực hiện các cam kết chính trị của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành về định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu xây dựng XHHT; Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng đảm bảo đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trung tâm học tập cộng đồng trong bối cảnh đổi mới hiện nay; Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng*

tới xây dựng XHHT; Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong quản lý trung tâm học tập cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân; Chỉ đạo ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học để nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng XHHT; Tăng cường công tác giám sát, đánh giá hoạt động giáo dục của trung tâm học tập cộng đồng.

1.4. Kết quả khảo nghiệm giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng đã cho thấy các giải pháp được đề xuất đều mang lại hiệu quả cao. Luận án đã tổ chức thử nghiệm hai giải pháp: “*Tổ chức kiện toàn cơ cấu tổ chức các trung tâm học tập cộng đồng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*” và “*Chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của trung tâm học tập cộng đồng theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng tới xây dựng XHHT*”. Sau khi thử nghiệm, qua trung cầu ý kiến về tính hợp lý, tính khả thi và tính quyết định của các giải pháp đã đề ra, cả hai giải pháp đều cho kết quả tốt. Đây chính là cơ sở để triển khai các giải pháp này vào thực tiễn để phục vụ công tác quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thành phố cần ban hành Chỉ thị về xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Ban hành các văn bản pháp quy về cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính nhằm khuyến khích và tạo điều kiện xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng, làm cơ sở cho các sở, ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện. Thành phố có chính sách biệt phái giáo viên trường tiểu học, trung học cơ sở làm việc tại trung tâm học tập cộng đồng.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Chủ động phối hợp các sở, ngành tham mưu Thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT Thành phố; tham mưu Thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo Sở, ngành, quận, huyện về xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống mạng lưới các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Thành phố; Phối hợp với các Sở, ngành tham mưu, đề xuất và trình UBND Thành phố các chế độ chính sách đối với TTHTCĐ phù hợp với quy định của Nhà nước và điều kiện kinh tế - xã hội của Hà Nội; Phối hợp với các Sở, ngành biên soạn tài liệu chuyên đề phục vụ các hoạt động của TTHTCĐ.

2.3. Đối với Hội Khuyến học Thành phố

Hội Khuyến học Thành phố phối hợp với Sở GD&ĐT chỉ đạo các cấp Hội Khuyến học ở cơ sở tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng XHHT, tham gia giảng dạy các chuyên đề tại trung tâm học tập cộng đồng.

2.4. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp huyện về chủ trương, biện pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các TTHTCĐ hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Chỉ đạo về nội dung và các hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng. Hỗ trợ nguồn nhân lực cho các trung tâm học tập cộng đồng. Tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trung tâm học tập cộng đồng.

2.5. Đối với trung tâm học tập cộng đồng

Chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã kế hoạch phát triển trung tâm học tập cộng đồng. Tạo điều kiện cho mọi thành viên trong cộng đồng được đóng góp để phát triển trung tâm và được hưởng lợi từ sự phát triển của trung tâm. Việc quản lý trung tâm phải được thực hiện linh hoạt, mềm dẻo và xuất phát từ nhu cầu của cộng đồng.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Kiều Văn Minh, (2013), *Giải pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ Quản lý giáo dục.
2. Kiều Văn Minh (2013), *Thực trạng quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Hà Nội*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 53.
3. Kiều Văn Minh (2013), *Nâng cao chất lượng hoạt động các trung tâm giáo dục thường xuyên của thành phố Hà Nội*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 54.
4. Kiều Văn Minh (2013), *Biện pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 99.
5. Kiều Văn Minh (2017), *Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng học tập tại các trung tâm học tập cộng đồng*, Tạp chí Giáo dục Thủ đô, số 88.
6. Kiều Văn Minh (2017), *Đổi mới nội dung, chương trình, hình thức tổ chức học tập của THTCĐ theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội*, Tạp chí Quản lý giáo dục, số 6.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt.

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2004), *Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15/6/2004 về Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*.
2. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Thành Vinh (2010), *Quản lý nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Thành Vinh (2012), *Quản lý nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai, vấn đề và giải pháp*, NXB Giáo dục Hà Nội.
5. Trần Lê Bảo, (2014), *Xây dựng một xã hội học tập*, tạp chí Cộng sản; <http://www.tapchicongsan.org.vn/Hom/Nghiencuu-Traodoi/2014/30051/Xay-dung-mot-xa-hoi-hoc-tap.aspx>.
6. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập”*.
7. Bộ GD&ĐT và Hội Khuyến học Việt Nam (2008), *Tài liệu Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Tài liệu Hội thảo quốc gia: Xây dựng XHHT ở Việt Nam, từ tầm nhìn đến hành động*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008, 2010), *Quy chế tổ chức và hoạt động của THTCD tại xã, phường, thị trấn*.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu Hội thảo khu vực phía bắc: Xây dựng XHHT, từ tầm nhìn đến hành động*.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tài liệu sơ kết 3 năm thực hiện Đề án xây dựng XHHT giai đoạn 2012 - 2020*.
12. Nguyễn Mạnh Cầm, (2011), *Chung sức xây dựng XHHT thường xuyên*, HTSD; <http://baodientu.chinhphu.vn/Hom/Chung-suc-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-thuong-xuyen-hoc-tap-suot-doi/201110/99902.vgp>;
13. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, NXB Giáo dục Hà Nội.
14. Viên Quốc Chấn (2001), *Luận về cải cách giáo dục*, NXB Giáo dục, HN.
15. Chính phủ Nước CHXHCNVN (2005), *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ Về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, ý tế, văn hóa và thể dục thể thao*, Nhà xuất bản lao động, Hà Nội.
16. Chính phủ Nước CHXHCNVN (2005), *Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng XHHT giai đoạn 2005 - 2010*, Nhà xuất bản lao động, Hà Nội.

17. Chính phủ Nước CHXHCNVN (2001), *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2001 - 2010*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Chính phủ Nước CHXHCNVN, *Phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*.
19. Chính phủ Nước CHXHCNVN, *Chỉ thị số 29/1999/CT-TTg ngày 15/10/1999 V/v phát huy vai trò của Hội Khuyến học Việt Nam trong phát triển sự nghiệp giáo dục*.
20. Chính phủ Nước CHXHCNVN (2005), *Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/1/2005 về việc phê duyệt Đề án Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005 - 2010*, Hà Nội.
21. Dolors, Jacques (2003), *Học tập là một kho báu tiềm ẩn (Báo cáo gửi UNESCO của Hội đồng Quốc tế về giáo dục thế kỷ XXI)*, NXB Giáo dục, HN.
22. Phạm Tất Dong (2003), *Xây dựng và phát triển một XHHT*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 2/2003, HN.
23. Phạm Tất Dong (2007), *Hệ thống giáo dục mở- Hướng xây dựng XHHT ở Việt Nam*, <http://edu.hochiminhcity.gov.vn/tintuc/2007/7/giaoduc-1672007.htm>
24. Phạm Tất Dong, (2010), *Trung tâm học tập cộng đồng*, unescovietnam.vn;
25. Phạm Tất Dong, (2012), *Xây dựng mô hình XHHT ở Việt Nam*, Dân trí, Hà Nội.
26. Phạm Tất Dong, *XHHT*;
http://unescovietnam.vn/vnf/index.php?option=com_content&id=303:xa-hi-hc-tp&catid=58:tin-tc&Itemid=182.
27. Phạm Tất Dong, (2014), *Thuật ngữ về giáo dục người lớn và XHHT*; NXB Dân trí.
28. Phạm Tất Dong, (2014), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn của đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục theo Nghị quyết TW XI*, NXB Giáo dục Việt Nam.
29. Phạm Tất Dong, (2014), *Xây dựng XHHT dưới ánh sáng Nghị quyết 29-NQ/HNTWW của Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (Khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo*, <http://www.hhoikhuyenhoc.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=3420>
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT*.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ VII, BCHTW khoá IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ VIII, BCHTW khoá XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Nghị quyết hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương khóa VII về chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2020*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Dự báo thế kỷ XXI (2000), Bản dịch từ tiếng Trung quốc của Xuân Du và các dịch giả, NXB Thống kê, Hà Nội.
39. Thái Xuân Đào (2000), *Xây dựng mô hình thí điểm về TTHTCD cấp xã*, Đề tài cấp Bộ, mã số B.99-49-79.
40. Thái Xuân Đào (1989), *Hình thành động cơ học tập cho người lao động*, Tạp chí NCGD, số 12/1989, HN.
41. Thái Xuân Đào, (2014), *Từ quan niệm, bản chất của HTSD và XHHT suy nghĩ về mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” và “Cộng đồng học tập”*; *Hội thảo Mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” và “Cộng đồng học tập”*; Hội Khuyến học Việt Nam; Hà Nội, 6/2014.
42. Thái Xuân Đào, (2000), *Trung tâm học tập cộng đồng - Công cụ thiết yếu để xây dựng XHHT ở cơ sở*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.
43. Thái Xuân Đào (2000), *Xây dựng mô hình thí điểm về TTHTCD cấp xã*, Đề tài cấp Bộ, mã số B99-49-79.
44. Trần Khánh Đức (2002), *Giáo dục kỹ thuật - nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực*, NXB Giáo dục HN.
45. Trần Khánh Đức, (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
46. Nguyễn Minh Đường (2004), *“Bàn về triết lý giáo dục của một XHHT”*, Tạp chí thông tin KHGD, (số 112).
47. Nguyễn Minh Đường (2004), *“Xây dựng một XHHT yêu cầu tất yếu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”*, Tạp chí Giáo dục, (số 91).
48. Nguyễn Xuân Đường, (2009), *Giải pháp quản lý trung tâm học tập cộng đồng ở Nghệ An*, Luận án tiến sỹ QLGD.
49. E I Rous Emma, (2007), *Đề xuất một số giải pháp thích hợp cho tất cả mọi người*. (nguồn: New Hampshire Business Review).
50. Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa bước vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Phạm Minh Hạc (1997), *Xã hội hóa công tác giáo dục*, NXB Giáo dục, HN.
52. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Phạm Minh Hạc (chủ biên-2000), *Tổng kết 10 năm (1990 - 2000) Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

54. Phạm Minh Hạc (2004), “*Tìm hiểu quan niệm về XHHT*”, Tạp chí Giáo dục, (số 91).
55. Vũ Ngọc Hải và Trần Khánh Đức (2003), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục HN.
56. Vũ Ngọc Hải, *Đổi mới giáo dục và đào tạo nước ta trong những năm đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí phát triển giáo dục số 4, năm 2004.
57. Vũ Ngọc Hải, (2004), *Xã hội hóa giáo dục - đào tạo, những giải pháp chính ở nước ta*, Tạp chí phát triển giáo dục, số 1, năm 2004, HN.
58. Vũ Ngọc Hải, (2012), *Về HTSD và xây dựng XXHT ở nông thôn Việt Nam*, (nguồn <http://www.hoikhuyenhoc.vn> 16.03.2012).
59. Vũ Ngọc Hải (chủ biên), Nguyễn Minh Đường, Đặng Bá Lãm, Phạm Đỗ Nhật Tiến, (2013), “*Quản lý nhà nước hệ thống giáo dục Việt Nam trong đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế*”, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
60. Nguyễn Hoàng Hải, “*Mô hình hoạt động của các TTHTCD ở thành phố Đà Nẵng*”, đề tài cấp Bộ, mã số 2004-III-24.
61. Bế Hồng Hạnh, (2001), *Xác định nội dung học tập vì sự phát triển bền vững ở TTHTCD*, tạp chí KHGD số 69.
62. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
63. Bùi Minh Hiền, *Những cơ sở lý thuyết của việc xây dựng XHHT và giáo dục suốt đời*. Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 3.
64. Nguyễn Vinh Hiền, (2010), *Thực trạng và tầm nhìn về HTSD- xây dựng XHHT tại Việt Nam*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.
65. Lê Thị Phương Hồng (2015), *Phát triển TTHTCD vùng đồng bằng sông Hồng trong những năm đầu xây dựng XHHT ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ QLGD.
66. Hội Khuyến học Việt Nam (2003), *Hỏi - đáp về Trung tâm học tập cộng đồng*, Hà Nội.
67. Hội Khuyến học Việt Nam (2005), *Chỉ đạo xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở Thái Bình và một số tỉnh, thành phố* (tài liệu lưu hành nội bộ).
68. Hội Khuyến học Việt Nam (2005), *Tổ chức và hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng ở các vùng kinh tế - xã hội* (tài liệu lưu hành nội bộ).
69. Hội Khuyến học Việt Nam (2005), *Đẩy mạnh hoạt động khuyến học thực hiện đề án xây dựng XHHT của Chính phủ*, Hà Nội.
70. Hội Khuyến học Việt Nam, (2009), *Cấu trúc của mô hình XHHT ở Việt Nam* - đề tài độc lập.
71. Hội Khuyến học Việt Nam, (2014), *Bộ tiêu chí đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” (Thôn/bản/ấp/tổ dân phố và tương đương)*; Theo công văn số 288/CV-KHVN, ngày 06/8/2014.
72. Huang, Jian, (2010), *Hướng tới một XHHT: Thực tiễn và nhận định từ Thượng Hải*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.

73. Herbert Passin, (1982), *vấn đề xã hội và giáo dục tại Nhật Bản* (nguồn: Kodansha internationa LTD- Tokyo).
74. Đặng Hữu (chủ biên), Đỗ Nguyên Phương, Phạm Minh Hạc, Phạm Tất Dong, Nguyễn Hữu Tăng (2003), *Tìm hiểu công tác khoa giáo trong tình hình mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
75. Phạm Văn Kha, (2000), *Phương pháp luận khoa học và phương pháp nghiên cứu giáo dục*, Viện chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội.
76. Phạm Văn Kha, (2007), *Đào tạo và sử dụng nhân lực trong kinh tế thị trường ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
77. Kidd, J.R., How Adults learn, New York, (1976) *Trung tâm sau XMC và GDTX*, Viện Khoa học giáo dục.
78. K.Mac-F.Anghen (1993), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Đặng Bá Lãm, (2003), *Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI chiến lược phát triển*, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
80. *Lý thuyết phát triển cộng đồng*, nguồn:
<http://www.slideshare.net/foreman/pht-trin-cng-ng>.
81. M.I.Kôndakôp (1984), *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý giáo dục*, Trường CBQLGD và Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
82. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Nguyễn Quốc Chí (2003), *Lí luận đại cương về quản lí*, Tài liệu giảng dạy các lớp cao học chuyên ngành Quản lí giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.
83. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Trần Thị Bạch Mai (2009), *Quản lí và phát triển nhân sự trong giáo dục*, Tài liệu giảng dạy các lớp cao học chuyên ngành Quản lí giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.
84. *Luật Giáo dục nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
85. Hoàng Minh Luật (2007), *Định hướng chiến lược phát triển GDTX và xây dựng TTHTCD*, Vụ GDTX, Bộ GD&ĐT.
86. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 4*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (1992), *Bàn về công tác giáo dục*, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (1990), *Bàn về giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh toàn tập - *Tập IV (1995)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh toàn tập - *Tập V (1995)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
91. *Một số quy định mới về giáo dục - đào tạo*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
92. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
93. Nguyễn Văn Nghĩa (2005), “*TTHTCD - Mô hình lý tưởng cho một XHHT*”, Báo Nhân dân, (số 18278).
94. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Kế hoạch hành động quốc gia giáo dục cho mọi người 2003 - 2015*, Hà Nội.

95. Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên-2005), *Giáo trình giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
96. Vũ Oanh (2002), *Xây dựng XHHT theo định hướng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng (3/2002)*, Tạp chí Cộng sản số 8, Hà Nội.
97. Panahon, Atanacio II, (2010), *Nâng cao năng lực giao thoa văn hóa cho đội ngũ giáo viên trong HTSD và giáo dục người lớn ở khu vực Đông Nam Á*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.
98. Hoàng Phê (chủ biên - 1994), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
99. Nguyễn Ngọc Phú (chủ biên - 2006), *Tiến tới một XHHT ở Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
100. Raja. RoySingh (1994), *Nền giáo dục cho thế kỷ XXI, những triển vọng của Châu Á - Thái Bình Dương*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
101. Ngô Quang Sơn (1992), *Tổ chức hỗ trợ phát triển giáo dục tiếp tục*, Tạp chí NCGD, số 6/1992, HN.
102. Nguyễn Hồng Sơn, (2013), *Chính sách HTSD và xây dựng XHHT ở Việt Nam*, Diễn đàn chính sách, Hà Nội.
103. Tạ Văn Sỹ, (2006), *Biện pháp bồi dưỡng kiến thức cho thanh niên nông thôn của trung tâm học tập cộng đồng*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học.
104. Sở GD&ĐT Hà Nội (2007), *Ba cái thiếu ở TTHTCD*, Báo cáo đánh giá về tình hình xây dựng TTHTCD ở Hà Nội.
105. Sở GD&ĐT Hà Nội (2010), *Báo cáo tổng kết năm học 2009 - 2010*.
106. Sở GD&ĐT Hà Nội (2011), *Báo cáo tổng kết năm học 2010 - 2011*.
107. Sở GD&ĐT Hà Nội (2012), *Báo cáo tổng kết năm học 2011 - 2012*.
108. Thành uỷ Hà Nội (2006), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV*.
109. Thành uỷ Hà Nội (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XV*.
110. Thành uỷ Hà Nội (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVI*.
111. Thủ tướng Chính phủ (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
112. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 02/2008/CT-TTg ngày 08/01/2008 về Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*.
113. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
114. Thủ tướng Chính phủ (2013), số 89, *Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020*.
115. Thủ tướng Chính phủ (2014), số 281, *Quyết định phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”*.
116. Thomas L.Friedman (2006), *Thế giới phẳng*, NXB trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
117. Phạm Đỗ Nhật Tiến, (2010), *Kịch bản nào cho giáo dục Việt nam trên con đường xây dựng hệ thống HTSD*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.

118. Phạm Đỗ Nhật Tiến, (2013), *Đặc trưng của XHHT và công dân học tập Cơ sở lý luận*, <http://vn.seameocelll.org/lll---theories--general-issues.html>.
119. Hồ Bảo Tú, (2017), *Hiểu về cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, (nguồn VNEXPRESS.net).
120. Tofflerm, Alvin (2002), *Cú sốc tương lai*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
121. Tofflerm, Alvin (2002), *Làn sóng thứ ba*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
122. Tofflerm, Alvin (2002), *Thăng trần quyền lực*, NXB Thanh niên, Hà Nội
123. Hoàng Tụy (Chủ biên- 2005), *Cải cách và chấn hưng giáo dục*, NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
124. *Từ điển tiếng Việt (1998)*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
125. Trịnh Minh Tứ (2002), *Giáo dục thường xuyên góp phần xây dựng XHHT*, Tạp chí giáo dục, số 78/2002, HN.
126. Bùi Trọng Trâm (2015), *Quản lý phát triển TTHTCD theo định hướng xã hội học tập*, Luận án Tiến sĩ QLGD.
127. Mạc Văn Trang, (2003), *Một số kết quả nghiên cứu xã hội hóa giáo dục*, Tài liệu tham khảo, Hà Nội.
128. Mạc Văn Trang, (2005), *Xã hội hóa giáo dục*, tài liệu gáo trình, Hà Nội.
129. Tô Bá Trượng - Thái Xuân Đào (2000), *“TTHTCD cấp làng xã - Mô hình giáo dục mới ở Việt Nam”*, Thông tin KHGD, (số 78).
130. Tô Bá Trượng (chủ biên- 2001), *Giáo dục thường xuyên thực trạng và định hướng phát triển ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia.
131. Tô Bá Trượng (2002), *Những chủ trương của Đảng và nhà nước về giáo dục người lớn ở Việt Nam*, Tạp chí giáo dục, số 37/2002, HN.
132. Tô Bá Trượng (2009), *XXHT: Cơ sở phương pháp luận*, NXB giáo dục, Hà Nội
133. Tô Bá Trượng, (2010), *Hệ thống giáo dục thường xuyên Việt Nam trong những năm đầu của thế kỷ XXI*, Đề tài KH&CN mã số B2007-37-33TD, Hà Nội.
134. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI kinh nghiệm của các quốc gia*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
135. Viện Khoa học giáo dục (2001), *Giáo dục thường xuyên, thực trạng, định hướng phát triển ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
136. Vụ GDTX, Bộ GD&ĐT (2007), *Báo cáo tình hình và kế hoạch triển khai thực hiện quyết định 112 của Thủ tướng Chính phủ*.
137. Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Hiệp hội quốc gia các tổ chức UNESCO (2005), *Phát triển trung tâm học tập cộng đồng* (Tài liệu lưu hành nội bộ).
138. Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Hiệp hội quốc gia các tổ chức UNESCO (2004), *Sổ tay thành lập và quản lý TTHTCD* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

139. UNESCO (1995), *Báo cáo năm 1995*.
140. UNESCO (1996), *Khuyến nghị của Hội đồng quốc tế về giáo dục cho thế kỷ XXI*.
141. UNESCO (2001), *Báo cáo năm 2001*.
142. UNESCO (2005), *Báo cáo năm 2005*.
143. UNESCO (2008), *Báo cáo Bangkok 2008*.
144. UNESCO (2005), *Báo cáo giám sát toàn cầu về giáo dục cho mọi người*.
145. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, (2013), *Kế hoạch xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2013 - 2020*.
146. Nguyễn Thành Vinh (2012), *Khoa học quản lý đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
147. Trần Đức Vượng (2010), *Vai trò của giáo dục mở và từ xa trong quá trình xây dựng XHHT ở Việt Nam*, Diễn đàn Việt Nam, Hà Nội.
148. Bùi Trọng Trâm (2015), *Quản lý phát triển TTHTCD theo định hướng xây dựng xã hội học tập*, Luận án tiến sĩ.
149. Jacques Delors. *Học tập một kho báu tiềm ẩn*. (Báo cáo gửi UNESCO của Hội đồng Quốc tế về Giáo dục thế kỷ XXI). Người dịch: Trịnh Đức Thắng, NXBGD, Hà Nội, 2002.

Tiếng Anh

150. Emma, E.I.R, (2007), (nguồn: New Hampshire Business Review).
151. Ewards, Richard (1997), *Changing places? Flexibility, lifelong learning and a learning society*, London, England: Routledge.
152. Ewards, R., Raggatt, P. & Small, N. (1995), *The learning society: Challenges and trends*, London, England: Routledge.
153. Faure, Edgar (1972), *Learning to be*. UNESCO Paris: Offset Aubin.
154. Faris Ron & Peterson, Wayne, (2000), *Learning-based Community Development: Lessons Learned for British Columbia*.
155. Husen Torsten, (1974), *The learning society*, London Methuen.
156. Hutchins, R.M., (1970) *The learning society*, Harmondsworth: Penguin Books Ltd.;
157. Faris, Ron & Peterson, Wayne, (2000), *Learning-based Community Development: Lessons Learned for British Columbia*;
158. Rogers Jenny (1989), *Adult learning*, Milton Keynes: Open University Press.
159. Schon, D.A. (1973), *Beyond the State. Public and private learning in a changing society*. Harmondsworth Penguin.
160. Thomas, Alan Technolory Faculty, Open University, Milton Keynes, UK.
161. Thomas, Alan (Technolory Faculty, Open University, Milton Keynes, UK), (1996): *What is development management?; Journal of International Development*; Volume 8, Issue 1, pager 95-110, January 1996; [http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/\(SICI\)1099-1328\(199601\)8:1%3C95::AID-JID348%3E3.0.CO;2-B/abstract](http://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/(SICI)1099-1328(199601)8:1%3C95::AID-JID348%3E3.0.CO;2-B/abstract);